

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 23/11/2023

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Điện thoại: 02262.210.666

Website: <http://truongsonhn.com.vn/>

Vốn điều lệ đăng ký: 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)

Vốn thực góp: 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Đặng Thị Chinh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: 02262.210.666

Hà Nam, Năm 2024

MỤC LỤC

CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	3
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty	4
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch	4
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	7
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức đăng ký giao dịch	8
3. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập	10
4. Cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng	22
5. Cơ cấu tổ chức của Công ty	22
6. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty	23
7. Cơ cấu cổ đông	30
8. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch.	31
9. Hoạt động kinh doanh	31
9.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh	31
9.1.1. Lĩnh vực hoạt động và địa bàn hoạt động	31
9.1.2. Hoạt động thi công, xây lắp điện.	31
9.1.3. Sản xuất các sản phẩm từ bê tông	38
9.1.4. Hoạt động khác	57
9.1.5. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh	58
9.1.6. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ	58
9.1.7. Một số chứng nhận công ty đạt được	62
9.1.8. Năng lực sản xuất	63
9.1.9. Nguồn nguyên vật liệu	63
9.1.10. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính	64
9.1.11. Các hợp đồng lớn	65
9.1.12. Hoạt động Marketing	73
9.1.13. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	73
9.1.14. Chính sách nghiên cứu và phát triển	77
10. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2023 và trong kỳ gần nhất	79

10.1.	Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký giao dịch.....	79
10.1.1.	Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thi công, xây lắp công trình điện.....	80
10.1.2.	Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cọc, cột bê tông	81
11.	Vị thế của công ty trong ngành	82
12.	Chính sách đối với người lao động	83
13.	Chính sách cổ tức	85
14.	Tình hình tài chính giai đoạn 2022-2023	86
15.	Tài sản	96
16.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	100
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	102
18.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	102
19.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	103
II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	103
1.	Hội đồng quản trị.....	103
2.	Ban Kiểm soát	108
3.	Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	110
4.	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	112
5.	Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty.....	121
6.	Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2023	122

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty	4
Bảng 2. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập	10
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/03/2024.....	30
Bảng 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty	30
Bảng 5. Cơ cấu sản lượng sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022-2023 và Quý I/2024	58
Bảng 6. Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2022-2023 và Quý I/2024	61
Bảng 7. Cơ cấu chi phí giai đoạn 2022 - 2023	61
Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2022-2023 và Quý I 2024	62
Bảng 9. Các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư của Công ty.....	64
Bảng 10. Hợp đồng đầu vào cung cấp nguyên vật liệu sản xuất lớn.....	65
Bảng 11. Các hợp đồng thi công, xây lắp công trình điện có giá trị lớn đã thực hiện	66
Bảng 12. Các hợp đồng cung cấp sản phẩm cột, cọc bê tông dự ứng lực lớn đã thực hiện	70
Bảng 13. Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2022 – 2023 và Quý I 2024	79
Bảng 14. Khối lượng lưới điện truyền tải xây dựng.....	80
Bảng 15. Cơ cấu lao động của Công ty	84
Bảng 16. Các khoản thuế còn phải nộp theo luật định	86
Bảng 17. Chi tiết các khoản vay nợ của Công ty	87
Bảng 18. Chi tiết các khoản phải thu của Công ty	91
Bảng 19. Chi tiết khoản phải thu khách hàng.....	92
Bảng 20. Các khoản phải thu khó đòi của Công ty tại 31/12/2023	93
Bảng 21. Chi tiết các khoản phải trả của Công ty	93
Bảng 22. Các khoản phải trả người bán	94
Bảng 23. Các khoản người mua trả tiền trước.....	94
Bảng 24. Giá trị TSCĐ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023	96
Bảng 25. Danh mục một số TSCĐ lớn của Công ty.....	97
Bảng 26. Xây dựng cơ bản dở dang của Công ty	100
Bảng 27. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	100
Bảng 28. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của Công ty	112
Bảng 29. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	122

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Một số bằng khen, giải thưởng của Trường Sơn.....	9
Hình 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	22
Hình 3. Sơ đồ tổ chức của Công ty.....	24
Hình 4. Quy trình thực hiện thi công, xây lắp các công trình điện.....	33
Hình 5. Hình ảnh một số dự án tiêu biểu Công ty đã thực hiện	35
Hình 6. Quy trình sản xuất cọc, cột bê tông ly tâm dự ứng lực.....	40
Hình 7. Hình ảnh quy trình sản xuất cọc bê tông tại Trường Sơn.....	41
Hình 8. Hình ảnh một số sản phẩm bê tông Công ty đã sản xuất.....	56
Hình 9. Hình ảnh dự án trung tâm thương mại tổng hợp và sinh thái đang thực hiện	57
Hình 10. Một số chứng nhận Công ty đạt được	62
Hình 11. Hình ảnh biểu tượng Logo của Công ty	73
Hình 12. Hệ thống nhận diện thương hiệu của Trường Sơn	74
Hình 13. Một số máy móc hiện đại đang được Công ty áp dụng vào hoạt động sản xuất	77


CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Tổ chức đăng ký giao dịch	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn
Công ty/Trường Sơn	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
CTCK	Công ty chứng khoán
NHNN	Ngân hàng nhà nước
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
UpCom	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
CMND	Chứng minh nhân dân
CCCD	Căn cước công dân
BCTC	Báo cáo tài chính
TSCĐ	Tài sản cố định
VAT	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
DT	Doanh thu hoạt động
NG	Nguyên giá
GTCL	Giá trị còn lại
TBA	Trạm biến áp
GCNĐKKD/DN	Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh/Doanh nghiệp

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN
- Tên tiếng Anh : TRUONG SON INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : TRUONG SON DT & XL., JSC
- Trụ sở chính : Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
- Văn phòng đại diện : Số 330A, đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 02262.210.666
- Website : <https://truongsonhn.com.vn/>
- Logo : 
TRUONG SON
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn Trường – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giấy chứng nhận : Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 23/11/2023.
- Vốn điều lệ đăng ký : 350.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp : 350.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Ngày trở thành công ty đại chúng : 12/12/2023 (ngày được UBCKNN xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng)

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình điện, chi tiết như bảng dưới đây:

Bảng 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Xây dựng công trình điện Chi tiết Chi tiết: Xây dựng công trình điện đến 500KV	4221 (Chính)

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
2	Xây dựng nhà để ở	4101
3	Xây dựng nhà không để ở	4102
4	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9	Xây dựng công trình thủy	4291
10	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
14	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
15	Phá dỡ	4311
16	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi. - Mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. - Mua bán kính xây dựng, sơn, vécni, vật tư thiết bị ngành nước. - Mua bán tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. - Mua bán đồ ngũ kim.	4663
18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép.	4662
19	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan.	4661
20	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.	4610
21	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
22	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, sản xuất gạch bằng lò tuynel....	2392
23	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh khách sạn.	5510
24	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
25	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
26	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
27	Đào tạo sơ cấp	8531
28	Đào tạo trung cấp	8532
29	Đào tạo cao đẳng	8533
30	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.	7830
31	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
32	Sản xuất giày, dép	1520
33	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
34	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
35	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
36	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.	4719
37	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38	Truyền tải và phân phối điện	3512
39	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
40	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
41	Đúc sắt, thép	2431
42	Đúc kim loại màu	2432
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.	8299
44	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
45	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
46	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
47	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
48	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
49	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất thiết bị ngành nước.	2220

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
50	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
51	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
52	Sản xuất điện	3511

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: TSA
- Mệnh giá chứng khoán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 35.000.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ số cổ phần đăng ký giao dịch trên tổng số cổ phần đã phát hành: 100%
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 14/01/2019 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 14/01/2019 với vốn điều lệ tại thời điểm đó là 300.000.000.000 đồng (*Ba trăm tỷ đồng*), tương ứng 30.000.000 cổ phần. Căn cứ khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: “*Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó*”.

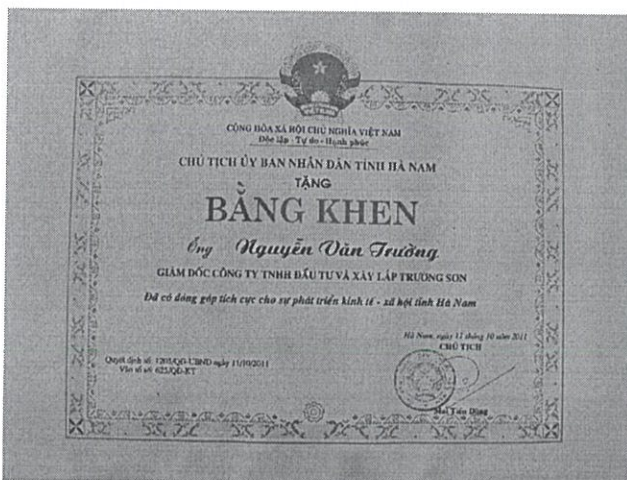
Tính đến thời điểm hiện tại, thời hạn hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã kết thúc. Do đó, toàn bộ số lượng cổ phiếu lưu hành do Công ty thực hiện đăng ký giao dịch là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

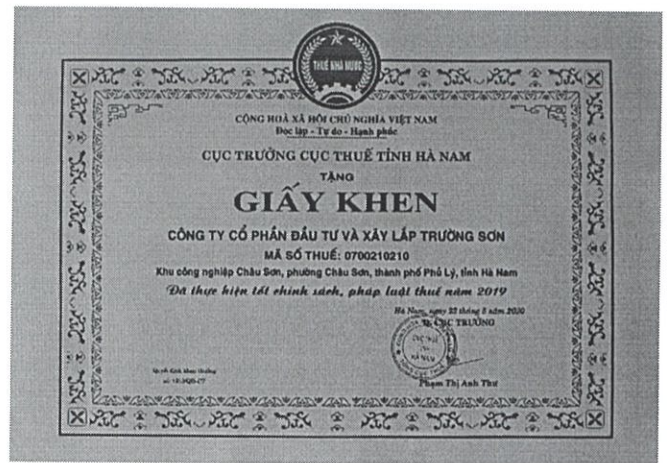
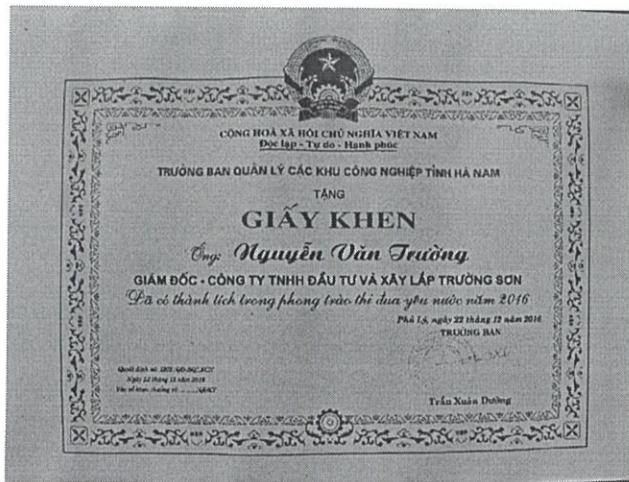
- Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài:
- + Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam, các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật chuyên ngành có liên quan;

- + Ngày 22/01/2024, Công ty đã nhận được Công văn số 580/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn, theo Báo cáo của Công ty, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với những ngành nghề kinh doanh mà Công ty đang đăng ký là 0%.
 - + Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tại ngày 12/01/2024 – Ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký giao dịch UpCom là 0 cổ phần, tương ứng với 0% vốn điều lệ Công ty.
- 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức đăng ký giao dịch**
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (*Tên công ty tại thời điểm thành lập là: Công ty Xây lắp Trường Sơn*) được thành lập 29/08/2002 với vốn điều lệ ban đầu là 1,2 tỷ đồng. Ban đầu khi thành lập Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; xây lắp đường dây và Trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV.
 - Năm 2004: Công ty tiến hành đổi tên thành Công ty TNHH Xây lắp Trường Sơn đồng thời tiến hành xây dựng cơ sở mới diện tích 5.600m² tại Khu Công nghiệp Tây Nam, Phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam để thuận tiện cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh.
 - Năm 2006: Công ty chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn với những định hướng mới trong phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Năm 2010: Tiếp tục chuyển sang trụ sở 5.2ha tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam mở rộng hơn nữa quy mô sản xuất kinh doanh.
 - Năm 2011: Nhà máy sản xuất cột điện bê tông chính đặt cạnh trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam thức đi vào hoạt động. Trường Sơn đã khẳng định được thương hiệu vững mạnh, tạo bước đột phá trong kinh doanh. Cũng trong năm này, ông Nguyễn Văn Trường – Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được nhận bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam do đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam.
 - Năm 2012: Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đã nhận được Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam về việc cho Công ty thuê đất tiếp giáp trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam để tiếp tục mở rộng nhà máy sản xuất bê tông dự ứng lực.
 - Năm 2013: Lĩnh vực xây lắp đường dây và TBA được nâng lên cấp điện áp 110kV.
 - Năm 2014: Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được nhận bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) do đã có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương và phát triển Hiệp hội doanh nghiệp vững mạnh góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2013 – 2014.
 - Năm 2017: Xây dựng mở rộng Công ty thành đa ngành với quy mô trên cả nước. Sản phẩm Cột điện bê tông ly tâm của Trường Sơn đã được trung tâm Quacert công nhận đạt chuẩn TCVN-5847.

- Năm 2019: Chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty thành “Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn”. Lĩnh vực xây lắp đường dây và TBA được nâng cấp điện áp 500kV. Công ty chính thức khởi công và xây dựng nhà máy sản xuất cọc với công suất lớn 3 triệu m/năm.
- Năm 2020: Công ty hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực. Sản phẩm Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực của Trường Sơn đã được trung tâm Quacert công nhận đạt chuẩn TCVN-7888:2014. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đã được Cục thuế tỉnh Hà Nam trao tặng bằng khen vì đã thực hiện tốt chính sách pháp luật, thuế.
- Năm 2022: Sản phẩm Cột điện bê tông ly tâm của Trường Sơn đã được trung tâm Quacert công nhận đạt chuẩn TCVN-5847.
- Năm 2023: Ngày 12/12/2023, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 8781/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Đăng ký công ty đại chúng. Cũng trong năm, Công ty đã trúng gói thầu thi công đoạn Đường dây đoạn tuyến từ VT141 đến VT151 (bao gồm VT151) đi qua địa 02 xã Song Lãng và Minh Lãng thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. trong Dự án đường dây 500 kV mạch 3 Quảng Trạch-Phổ Nối, là dự án trọng điểm, cấp bách, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với an ninh năng lượng Quốc gia (nhất là đối với khu vực Miền Bắc), đồng thời còn là vấn đề chính trị, an ninh, an toàn quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Dự án nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 15/5/2023. Đây là dự án có tính chất trọng điểm được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng Bộ Công Thương quan tâm và chỉ đạo thường xuyên, giúp tăng thêm năng lực truyền tải giữa miền Trung và miền Bắc.
- Năm 2024: Toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty được đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo giấy chứng nhận số 02/2024/GDNCP-VSDC ngày 29/01/2024.

Hình 1. Một số bằng khen, giải thưởng của Trường Sơn





(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Kể từ khi hoạt động Công ty đã tiến hành 07 đợt tăng vốn điều lệ từ 1,2 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng. Trải qua 21 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đã từng bước khẳng định được vị trí và vai trò của mình trong lĩnh vực kinh doanh điện năng, phân phối thiết bị ngành điện. Với thế mạnh sở hữu đội ngũ nhân viên kinh doanh, kỹ thuật chuyên nghiệp, chính sách bán hàng, hậu mãi với tiêu chuẩn cao nhất cùng tập sản phẩm chất lượng, chính hãng, công ty hướng tới tầm nhìn trở thành một đơn vị cung cấp điện, thiết bị điện hàng đầu trong ngành.

3. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập

Trường Sơn được thành lập năm 2002 dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn với số vốn ban đầu là 1.200.000.000 đồng. Năm 2019, Công ty chính thức chuyển đổi từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần với 03 cổ đông, vốn điều lệ tại thời điểm chuyển đổi 300.000.000.000 đồng.

Sau 22 năm hoạt động và 07 lần tăng vốn với các hình thức khác nhau, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 350.000.000.000 đồng, tương ứng 35.000.000 cổ phần. Toàn bộ quá trình tăng vốn của công ty đã được công ty báo cáo tại “Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu và tình hình sử dụng vốn cho kỳ kế toán từ ngày 29/08/2002 đến ngày 31/12/2021” đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, ý kiến của đơn vị kiểm toán về các đợt tăng vốn của Công ty như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu và tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình vốn góp của chủ sở hữu và tình hình sử dụng vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn cho kỳ kế toán từ ngày 29/08/2002 đến ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu và tình hình sử dụng vốn.”

Bảng 2. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	2002 - 2004	-	1.200.000	1.200.000	Góp vốn ban đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy CNĐKKD số 0602.000174 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002; - Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty Xây lắp Trường Sơn về việc thay đổi tỷ lệ vốn góp số 04/2004/NQ-HĐTV ngày 03/04/2004; - Giấy CNĐKKD số 0602.00174 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 08/04/2004.
2	2006	1.200.000	3.800.000	5.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 02/2006/NQ-HĐTV ngày 13/02/2006; - Giấy CNĐKKD số 0602.000555 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 02 vào ngày 15/02/2006.
3	2008	5.000.000	3.000.000	8.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 05/2008/NQ-HĐTV ngày 10/05/2008; - Giấy CNĐKKD số 0602.000555 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 03 vào ngày 15/05/2008.
4	2013 - 2014	8.000.000	27.000.000	35.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh số 06/2011/NQ-HĐTV ngày 21/06/2011; - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh số 01/2012/NQ-HĐTV ngày 05/01/2012; - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 04 vào ngày 04/07/2011. - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 16/01/2012.
5	2014 - 2018	35.000.000	115.000.000	150.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	- Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn chủ trương tăng vốn điều lệ số

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<p>09/2014/NQ-HĐTV ngày 28/09/2014;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng số 04/2015/NQ-HĐTV ngày 05/04/2015; - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 08 vào ngày 15/04/2015
6	2018	150.000.000	100.000.000	250.000.000	Các thành viên góp thêm vốn vào công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 03/2018/NQ-HĐTV ngày 20/03/2018; - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28/03/2018
2019		Chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần				
7	2019 - 2020	250.000.000	50.000.000	300.000.000	Chuyển đổi thành công ty cổ phần đồng thời	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc chuyển đổi công ty cổ

Lần	Năm thực hiện	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					có cổ đông mới góp thêm vốn	phần và tăng vốn điều lệ số 01/2019/NQ-HĐTV ngày 10/01/2019; - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 14/01/2019.
8	2021	300.000.000	50.000.000	350.000.000	Chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/03/2021; - Nghị quyết HĐQT số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 về việc Tổng kết đợt chào bán và tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn; - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 07/01/2022;

Chi tiết các lần tăng vốn của Công ty như sau:

3.1. Góp vốn thành lập Công ty

- Vốn điều lệ: 1.200.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam
- Hồ sơ pháp lý:

- Giấy CNĐKKD số 0602.000174 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002;
- Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty Xây lắp Trường Sơn về việc thay đổi tỷ lệ vốn góp số 04/2004/NQ-HĐTV ngày 03/04/2004;
- Giấy CNĐKKD số 0602.00174 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 08/04/2004. Giấy CNĐKKD số 0602.00174 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 08/04/2004.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh lần đầu như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nộp tiền mặt tại công ty
 - Số tiền góp vốn: 1.200.000.000 đồng
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 05/09/2002 đến ngày 10/06/2004
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 21/02/2003 đến ngày 14/06/2004
 - Mục đích sử dụng vốn: Trả tiền mua vật tư, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
- Đến ngày 10/06/2004, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên sáng lập là 1.200.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn thành lập: 02 thành viên

3.2. Tăng vốn đợt 1 năm 2006 (Tăng vốn từ 1,2 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng)

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 1.200.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 3.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 5.000.000.000 đồng
- Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty.
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 02/2006/NQ-HĐTV ngày 13/02/2006;
 - Giấy CNĐKKD số 0602.000555 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 02 vào ngày 15/02/2006.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nộp tiền mặt tại công ty
 - Số tiền góp vốn: 3.800.000.000 đồng
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 16/02/2006 đến ngày 16/12/2006
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 17/02/2006 đến ngày 22/12/2006
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương cho cán bộ nhân viên và/hoặc các hoạt động khác có liên quan).
- Đến ngày 16/12/2006, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên là 3.800.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 01 thành viên

- Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên

3.3. Tăng vốn đợt 2 năm 2008 (Tăng vốn từ 5 tỷ đồng lên 8 tỷ đồng)

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 5.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 3.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 8.000.000.000 đồng
- Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty theo tỷ lệ góp vốn.
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 05/2008/NQ-HĐTV ngày 10/05/2008;
 - Giấy CNĐKKD số 0602.000555 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 03 vào ngày 15/05/2008.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nộp tiền mặt tại công ty
 - Số tiền góp vốn: 3.000.000.000 đồng
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 16/05/2008 đến ngày 21/12/2008
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 16/05/2008 đến ngày 22/12/2008
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương cho cán bộ nhân viên và/hoặc các hoạt động khác có liên quan).
- Đến ngày 21/12/2008, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên là 5.000.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 02 thành viên
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên

3.4. Tăng vốn đợt 3 từ năm 2013 đến năm 2014 (Tăng vốn từ 8 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng)

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 8.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 27.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 35.000.000.000 đồng
- Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty.
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh số 06/2011/NQ-HĐTV ngày 21/06/2011;
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh số 01/2012/NQ-HĐTV ngày 05/01/2012;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 04 vào ngày 04/07/2011.

- Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 16/01/2012.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nội tiền mặt tại Công ty và nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty.
 - Số tiền góp vốn: 27.000.000.000 đồng.
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 11/11/2013 đến ngày 24/09/2014
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 11/11/2013 đến ngày 31/10/2014
 - Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng vốn được sử dụng để Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua sắm tài sản cố định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Theo phương án đã thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	25.800.000.000	25.845.700.000
2	Mua sắm tài sản cố định	1.200.000.000	1.154.300.000
Tổng cộng		27.000.000.000	27.000.000.000

- Đến ngày 24/09/2014, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên là 27.000.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 01 thành viên
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên

3.5. Tăng vốn đợt 4 từ năm 2014 đến năm 2018 (Tăng vốn từ 35 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng)

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 35.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 115.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 150.000.000.000 đồng
- Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty.
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tổng kết đợt tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng và chủ trương tăng vốn điều lệ số 09/2014/NQ-HĐTV ngày 28/09/2014;
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng số 04/2015/NQ-HĐTV ngày 05/04/2015;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 08 vào ngày 15/04/2015.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:

- Hình thức góp vốn: Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty
- Số tiền góp vốn: 115.000.000.000 đồng
- Thời gian góp vốn: Từ ngày 29/09/2014 đến ngày 06/03/2018.
- Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 29/09/2014 đến ngày 06/03/2018.
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng vốn được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua sắm tài sản cố định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Theo phương án đã được thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	113.000.000.0000	113.074.248.859
2	Mua sắm tài sản cố định	2.000.000.000	1.925.751.141
Tổng cộng		115.000.000.000	115.000.000.000

- Đến ngày 06/03/2018, Công ty đã thu đủ số tiền từ các thành viên là 115.000.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 02 thành viên
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên

3.6. Tăng vốn đợt 5 năm 2018 (Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng)

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 150.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực tế tăng thêm: 41.330.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn theo giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 ngày 28/03/2018: 250.000.000.000 đồng (thực góp: 191.330.000.000 đồng).
- Phương thức tăng vốn: Các thành viên góp bổ sung vốn điều lệ Công ty.
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn về việc tăng vốn điều lệ số 03/2018/NQ-HĐTV ngày 20/03/2018;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28/03/2018.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Chuyển tiền qua ngân hàng
 - Số tiền góp vốn: 41.330.000.000 đồng
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 29/03/2018 đến ngày 28/12/2018
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 29/03/2018 đến ngày 29/04/2019

- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng vốn được sử dụng để Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua sắm tài sản cố định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Theo phương án đã được thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	92.000.000.0000	36.320.000.000
2	Mua sắm tài sản cố định	8.000.000.000	5.010.000.000
Tổng cộng		100.000.000.000	41.330.000.000

- Đến ngày 28/12/2018, Công ty đã thu được số tiền là 41.330.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình góp vốn, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và quy mô hoạt động, ban lãnh đạo Công ty đã quyết định chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần bằng cách huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn đồng thời tăng vốn điều lệ công ty lên 300 tỷ. Ở thời điểm chuyển đổi, Ông Nguyễn Văn Trường cam kết sẽ góp đủ vốn công ty theo Nghị quyết của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn số 01/2019/NQ-HĐTV ngày 10/01/2019.

- Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên

- Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 02 thành viên

- Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 02 thành viên

3.7. Tăng vốn đợt 6 từ năm 2019 đến năm 2020 (Tăng vốn từ 250 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng và chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần)

- Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKDN trước khi tăng vốn: 250.000.000.000 đồng (vốn thực góp: 191.330.000.000 đồng)
- Vốn điều lệ tăng thêm: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 300.000.000.000 đồng
- Phương thức tăng vốn: Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn theo điểm b Điều 196 Luật Doanh nghiệp 2014.
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của của hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn số 01/2019/NQ-HĐTV ngày 10/01/2019;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 14/01/2021.

- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty.
 - Số tiền góp vốn: 108.670.000.000 đồng, trong đó:
 - + Số tiền cần phải góp bổ sung theo cam kết trong đợt tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng: 58.670.000.000 đồng;
 - + Số tiền góp vốn đợt tăng vốn lên 300 tỷ: 50.000.000.000 đồng.
 - Thời gian góp vốn: Từ ngày 08/03/2019 đến ngày 31/12/2020.
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 11/03/2019 đến ngày 08/01/2021.
 - Mục đích sử dụng vốn: Số vốn điều lệ tăng thêm là 108,67 tỷ đồng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua sắm tài sản cố định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn (*)	Theo phương án đã được thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	97.000.000.000	96.852.467.724
2	Mua sắm tài sản cố định	11.670.000.000	11.817.532.276
Tổng cộng		108.670.000.000	108.670.000.000

(*): Số tiền sử dụng vốn bao gồm:

- + 58.670.000.000 đồng là số tiền góp vốn còn thiếu trong đợt tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng.
- + 50.000.000.000 đồng là số tiền góp bổ sung khi công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

- Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã thu được số tiền là 108.670.000.000 đồng.
 - Số lượng thành viên trước khi góp bổ sung vốn: 02 thành viên
 - Số lượng cổ đông tham gia góp bổ sung vốn và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: 03 cổ đông
 - Số lượng cổ đông sau khi góp vốn và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: 03 cổ đông

3.8. Tăng vốn đợt 7 năm 2021 (Tăng vốn từ 300 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng)

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 300.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 350.000.000.000 đồng
- Phương thức tăng vốn: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ chào bán: 6:1
- Số lượng cổ phần chào bán thành công: 5.000.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần

- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam
- Hồ sơ pháp lý:
 - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/03/2021;
 - Nghị quyết HĐQT số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 về việc Tổng kết đợt chào bán và tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn;
 - Giấy CNĐKDN số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 07/01/2022.
- Tình hình góp vốn và sử dụng vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh như sau:
 - Hình thức góp vốn: Chuyển tiền mua cổ phần qua ngân hàng
 - Số tiền mua cổ phần: 50.000.000.000 đồng
 - Thời gian mua cổ phần: Từ ngày 29/03/2021 đến ngày 27/12/2021
 - Thời gian sử dụng vốn: Từ ngày 29/03/2021 đến ngày 31/12/2021
 - Mục đích sử dụng vốn: Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và Mua sắm tài sản cố định, số tiền sử dụng thực tế như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Theo phương án đã được thông qua (đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động (Mua sắm vật tư, thanh toán tiền lương nhân viên, chi trả gốc, lãi vay ngắn hạn (nếu có) và/hoặc các hoạt động khác có liên quan)	49.000.000.000	48.664.332.639
2	Mua sắm tài sản cố định	1.000.000.000	1.335.667.361
Tổng cộng		50.000.000.000	50.000.000.000

- Đến ngày 27/12/2021, Công ty đã thu đủ số tiền từ các cổ đông là 50.000.000.000 đồng.
 - Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 03 cổ đông
 - Số lượng thành viên tham gia góp bổ sung vốn: 03 cổ đông
 - Số lượng thành viên sau khi góp vốn: 03 cổ đông
- ❖ **Về Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam đã có ý kiến về quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty như sau:**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005, 2014, các văn bản hướng dẫn thi hành, Báo cáo góp vốn của chủ sở hữu và tình hình sử dụng vốn doanh nghiệp đã được kiểm toán và các tài liệu, chứng từ sao kê ngân hàng, cho thấy: “Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp các lần 8,10,11 của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đã vi phạm Khoản 3 Điều 11 Luật Doanh nghiệp năm 2005 và Khoản 4 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2014 về **“thời điểm góp đủ vốn điều lệ”** với cơ quan đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, đến ngày 27/12/2021 các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn điều lệ 350 tỷ đồng phù hợp với thông tin ghi trên Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 07/01/2022 của Công ty. Theo quy định tại Điều 5 và Điều 43 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP của Chính

phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thì thời hiệu xử phạt đối với lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp đã hết.

Hiện tại, Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 30/12/2022 (lần thay đổi cuối cùng tính đến thời điểm hiện tại) vẫn đang có hiệu lực.

Sau sự việc trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam đã đề nghị doanh nghiệp nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm và nghiêm chỉnh chấp hành Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan trong những lần thay đổi tiếp theo.

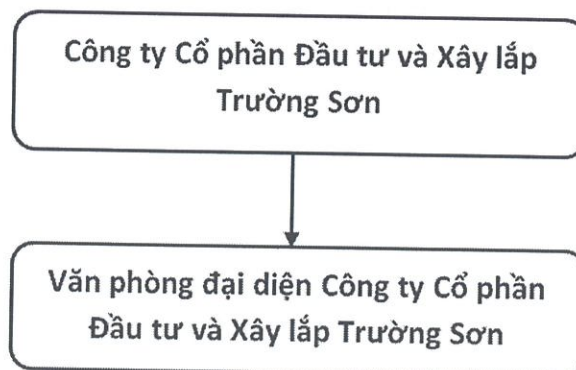
4. Cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng

- Ngày đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng: Ngày 20/04/2023, vốn điều lệ của Công ty là 350 tỷ đồng. Tổng số cổ đông là **114** cổ đông, trong đó có **65%** số cổ phiếu có quyền biểu quyết do **111** cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ. Do đó, Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 tại thời điểm ngày 20/04/2023.
- Cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng như sau:
 - o Tổng số lượng cổ đông: **114** cổ đông, bao gồm **114** cổ đông cá nhân và **0** cổ đông tổ chức.
 - o Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: **111** cổ đông
 - o Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: **22.750.000** cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ **65%**).

5. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Hiện tại, Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Hình 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.
- Địa chỉ văn phòng đại diện của Công ty: Số 330A, đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

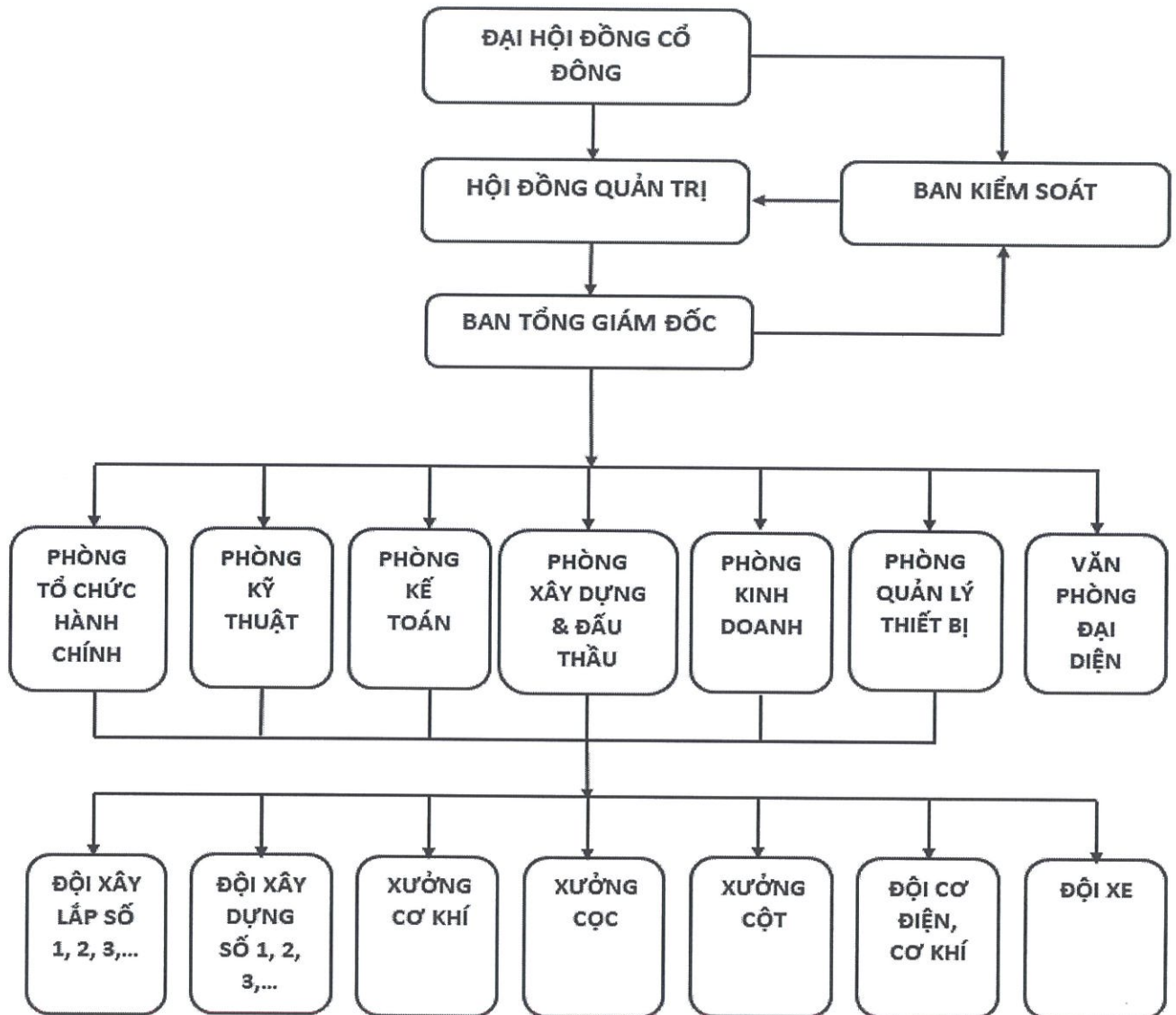
Văn phòng đại diện có chức năng Thay mặt cho Công ty giao dịch với khách hàng trên địa bàn Hà Nội.

6. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được cơ cấu và tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý như dưới đây:

- ĐHĐCĐ và các cơ quan trực thuộc: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS Công ty và các thành viên Hội đồng do ĐHĐCĐ quyết định thành lập;
- Khối Cơ quan Công ty gồm các phòng, ban: Ban Tổng giám đốc, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật, Phòng Kế toán, Phòng Xây dựng và Đấu thầu, Phòng Kinh doanh, Phòng Quản lý thiết bị, Văn phòng đại diện. Dưới các phòng ban có các Đội xây lắp số 1, 2, 3..., Đội xây dựng số 1, 2, 3,..., Xưởng cơ khí, Xưởng cọc, Xưởng cột, Đội cơ điện, cơ khí, Đội xe.

Hình 3. Sơ đồ tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

6.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

6.2. Hội đồng quản trị

Là tổ chức quản trị, điều hành cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

6.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ, tính chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ liên quan đến mọi mặt hoạt động của công ty.
- Chủ trì công tác: Giám sát trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động được ĐHĐCĐ quyết nghị; tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ ... đưa ra các khuyến cáo, kết luận về sai phạm, bất hợp lý, thiếu hiệu quả trong hoạt động hoặc cảnh báo những rủi ro về pháp luật, về lợi ích kinh tế có thể xảy ra.

- Giám sát đảm bảo tính hợp pháp, tính trung thực, hợp lý và mức độ cân trọng cần thiết của bộ máy trong công tác kế toán, thống kê, xây dựng các Báo cáo tài chính doanh nghiệp và phối hợp trong thuyết minh, thuyết trình với cơ quan chức năng (bộ ngành, kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế, kiểm toán độc lập...) nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp, chính đáng của công ty, cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, quy định nội bộ.
- Ban kiểm soát hoạt động độc lập một cách tương đối về nghiệp vụ với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trên cơ sở Điều lệ, quy chế Quản trị, và quy chế Tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty.

6.4. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ quy định.

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.
- Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc được phân công, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ do Tổng giám đốc giao. Tổng giám đốc quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Tổng giám đốc bằng văn bản phân công nhiệm vụ.
- Khi Tổng giám đốc vắng mặt, một Phó Tổng giám đốc được ủy quyền thay mặt Tổng giám đốc để giải quyết công việc chung của Trường Sơn và phải chịu trách nhiệm về các công việc mà mình đã quyết định trong thời gian ủy quyền.

6.5. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

Có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

a) Phòng Tổ chức hành chính

- Quản lý lao động của Công ty theo đúng các chế độ chính sách, Bộ Luật Lao động hiện hành và quy chế phân cấp quản lý quy định trong lĩnh vực tổ chức lao động.
- Tổ chức xây dựng và quản lý định mức lao động, đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương, tiền thưởng, trả lương và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng pháp luật hiện hành, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty trong thỏa ước lao động tập thể, quy chế nội bộ do công ty ban hành.
- Lập phương án: quy hoạch cán bộ, tuyển dụng đào tạo cán bộ, điều động và bố trí sắp xếp cán bộ phù hợp với tình hình phát triển của công ty trong từng thời kỳ.
- Đề xuất các hình thức quản lý CBNV vi phạm hợp đồng lao động, vi phạm quy chế quản lý của doanh nghiệp.

- Hàng kỳ cùng với Ban Bảo hộ lao động tổ chức học tập, thực hiện công tác BHLĐ và an toàn đối với các đơn vị xây lắp của công ty.

b) Phòng Kỹ thuật

- Thực hiện các nhiệm vụ về quản lý kinh tế kỹ thuật gồm: chi tiết hóa đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật; quản lý chất lượng, tiến độ thi công các công trình, các dự án, thẩm định thiết kế dự toán các công trình hạng mục công trình; kiểm tra hồ sơ hoàn công, thanh toán, quyết toán công trình; thực hiện các công tác bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động.
- Xây dựng phương án thi công, phương án kỹ thuật cho các dự án, các loại phương tiện xe máy thiết bị thi công, các sản phẩm khác để tổ chức thực hiện trong toàn Công ty.
- Kiểm tra, xác định khối lượng, chất lượng, quy cách vật tư, mức hao phí lao động trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt; Xây dựng phương án thi công, phương án PCCN, phương án an toàn lao động và vệ sinh môi trường đối với các công trình lớn trọng điểm; Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập và duyệt phương án thi công, phương án PCCN, phương án an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với các công trình nhỏ.
- Phối hợp cùng với phòng Đấu thầu - Quyết toán, phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phòng Kinh tế Vật tư lập hồ sơ dự thầu các công trình Công ty tham gia đấu thầu.
- Hướng dẫn, giám sát và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong quá trình sản xuất về mặt kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, máy móc thiết bị và vệ sinh môi trường.
- Hướng dẫn và cùng các đơn vị trực thuộc lập hồ sơ nghiệm thu công trình, phối hợp với chủ đầu tư nghiệm thu bàn giao công trình.
- Quản lý, bảo quản, sửa chữa, điều động toàn bộ xe máy thiết bị thi công trong toàn Công ty. Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị máy móc hàng quý, năm. Phối hợp cùng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính kế toán khoán quản ca xe, máy các loại tại các đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tác ngoài Công ty.
- Trực tiếp tổ chức thi công công trình do Ban Giám đốc Công ty quyết định.
- Phối hợp với phòng Tổ chức hành chính xây dựng kế hoạch kiểm tra tay nghề, đào tạo, đào tạo lại, tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của Công ty.
- Quản lý công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên, lực lượng phòng chống cháy nổ đến các đơn vị trực thuộc trên phạm vi toàn Công ty.
- Nghiên cứu xây dựng kế hoạch, phương án đổi mới công nghệ, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các sáng kiến, sáng chế vào sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất với lãnh đạo Công ty về các biện pháp tăng cường công tác quản lý nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tiến bộ KHKT vào trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Đình chỉ thi công đối với đội trưởng, cá nhân và công trình khi phát hiện có sự vi phạm nghiêm trọng trong công tác quản lý kỹ thuật, an toàn lao động, an toàn PCCN và báo cáo Ban Giám đốc Công ty có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Đề nghị lãnh đạo Công ty về việc khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, nâng bậc và các quyền lợi khác đối với tập thể và các cá nhân thuộc phòng quản lý.

c) Phòng Kế toán

Thực hiện công tác tài chính - kế toán; kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu nợ, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán; phân tích thông tin, số liệu kế toán tham mưu, đề xuất các giải pháp tài chính phục vụ yêu cầu quản trị; cung cấp các thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật và của công ty.

d) Phòng Xây dựng và đấu thầu

- Tổ chức, triển khai công tác đấu thầu, Công tác quản lý hợp đồng và hồ sơ thầu.
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về các hoạt động liên quan đến đấu thầu dự án.
- Kiểm soát, xử lý các vấn đề công việc trước khi Giám đốc Ban Quản lý các dự án ra quyết định.
- Quản lý hồ sơ, tài liệu của Ban Quản lý các dự án.
- Lập kế hoạch và quản lý công tác đấu thầu.
- Thực hiện chức năng Ban thường trực giúp việc cho Hội đồng thầu.
- Phân tích khối lượng và chi phí các gói thầu trước khi lập hồ sơ mời thầu; Lập kế hoạch đấu thầu, theo dõi và tổng hợp các nghiệp vụ chuyên môn trong quá trình đấu thầu các gói thầu dự án; Chủ trì tổ chức phát hành hồ sơ mời thầu; Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự thầu, chủ trì liên hệ và trao đổi thông tin với các nhà thầu về các gói thầu.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác Đấu thầu, lựa chọn gói thầu theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Tổ chức lập hồ sơ dự thầu (hồ sơ yêu cầu nhà thầu), thẩm tra, trình duyệt hồ sơ dự thầu các công trình Công ty tham gia đấu thầu.
- Thực hiện lưu trữ và bảo quản hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác lựa chọn nhà thầu.
- Bảo mật các thông tin liên quan đến công tác dự thầu theo quy định hiện hành.

e) Phòng Kinh doanh

- Phòng kinh doanh có chức năng tham mưu, đưa ra ý kiến lên ban Giám đốc công ty về công tác phân phối sản phẩm cho các thị trường về hàng hóa và dịch vụ đến các doanh nghiệp.
- Ngoài ra, phòng kinh doanh còn có chức năng phụ trách chỉ đạo chính trong công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm hàng hóa, phát triển thị trường tiêu dùng sản phẩm.
- Triển khai công tác xây dựng và phát triển mạng lưới khách hàng tiềm năng, cũng như lên báo cáo theo quy định của công ty về các hoạt động của công ty, doanh nghiệp bao gồm cả những nhiệm vụ và quyền đã được giao.
- Hỗ trợ cho tổng giám đốc về công tác tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của công ty như các công trình sử dụng cọc, cột bê tông, các công trình xây lắp điện,...

- Tham mưu xây dựng các chính sách bán hàng, bao gồm các chính sách về giá thành, khuyến mãi, chiết khấu cùng các chương trình quảng bá, tiếp thị nhằm tiếp cận đến khách hàng tốt nhất để trình bày với Tổng giám đốc phê duyệt.
- Thực hiện việc đề xuất các chính sách cho khách hàng và nhóm khách hàng, trình Tổng giám đốc và nghiêm chỉnh thực hiện theo các chính sách được phê duyệt.
- Lên kế hoạch và mục tiêu cho việc bán hàng để trình lên Ban giám đốc phê duyệt định kỳ. Ngoài ra thực hiện tổ chức và triển khai bán các sản phẩm & dịch vụ thuộc chức năng nhằm đạt mục tiêu đã được phê duyệt. Tuân thủ các quy định của Công ty trong công tác đề xuất các chính sách cho khách hàng khi cung cấp các sản phẩm & dịch vụ thuộc chức năng nhiệm vụ của mình.
- Định hướng tìm kiếm và phát triển khách hàng mới thuộc nhóm khách hàng mục tiêu của Công ty.
- Tìm kiếm khách hàng tiềm năng cho việc thực hiện đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết theo kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty.
- Tạo mục tiêu tìm kiếm, duy trì và phát triển mối quan hệ và chăm sóc khách hàng theo các quy định, chính sách của công ty.
- Thu thập và quản lý thông tin khách hàng và hồ sơ khách hàng theo quy định để phục vụ cho công tác đánh giá xếp hạng khách hàng, thẩm định và tái thẩm định cho các hồ sơ khách hàng.

f) Phòng Quản lý thiết bị

- Tham mưu cho Ban giám đốc sử dụng cơ sở vật chất, xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư máy móc, trang thiết bị. Theo dõi sử dụng cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị từng bộ phận trong công ty.
- Lập kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ và quản lý toàn bộ hệ thống trang thiết bị, máy móc công ty.
- Xây dựng kế hoạch, trang bị và quản lý hệ thống thiết bị, máy móc vật tư trong công ty.
- Lập kế hoạch bảo dưỡng và tổ chức thực hiện việc phục vụ trang thiết bị theo yêu cầu của các bộ phận và bảo dưỡng máy móc thiết bị theo chế độ quy định.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc mua sắm thiết bị, vật tư kỹ thuật, dụng cụ, công cụ... phục vụ kịp thời cho toàn bộ Công ty.
- Xây dựng và tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định sử dụng tài sản, thiết bị của các bộ phận, đánh giá chất lượng, giá trị sử dụng các trang thiết bị để có kế hoạch mua sắm, chống hư hỏng, mất mát, lãng phí.
- Hàng năm phối hợp với phòng Kế toán – Tài vụ tổ chức kiểm kê theo chế độ quy định.
- Phối hợp với phòng Kế toán – Tài vụ lập kế hoạch, định giá, phân loại tài sản, tiến hành các thủ tục thanh lý tài sản đã hết hạn sử dụng theo nguyên tắc quy định của nhà nước.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai công tác phòng chống lụt bão, phòng cháy, chữa cháy trong toàn Công ty.

g) Văn phòng đại diện

- Thay mặt công ty giao dịch với khách hàng.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của ban Tổng Giám Đốc.

7. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/03/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	114	35.000.000	100,00
1	Trong nước	114	35.000.000	100,00
1.1	Nhà nước	0	0	0
1.2	Tổ chức	0	0	0
1.3	Cá nhân	114	35.000.000	100,00
2	Nước ngoài	0	0	0
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	114	35.000.000	100,00
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác	114	35.000.000	100,00
1	Cổ đông lớn	3	12.250.000	35,00
2	Cổ đông khác	111	22.750.000	65,00
	Tổng cộng	114	35.000.000	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn tại ngày 15/03/2024)

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Trường Sơn tại ngày 15/03/2024

Bảng 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số Giấy tờ	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông tổ chức: Không có				
II	Cổ đông cá nhân				
1	Nguyễn Văn Trường	Tổ 24 cụm 3, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành Phố Hà Nội.	035075000117	7.000.000	20,00
2	Hoàng Kim Huế	Tổ 24 cụm 3, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành Phố Hà Nội	001176004403	3.500.000	10,00
3	Nguyễn Diệu Linh	Tổ 24 cụm 3, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành Phố Hà Nội	035199003155	1.750.000	5,00
	Tổng cộng			12.250.000	35,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn tại ngày 15/03/2024)

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700210210 được Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 29/08/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 23/11/2023, cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

8. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch

8.1. Công ty mẹ

Không có.

8.2. Công ty con; công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

8.3. Công ty nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối với Công ty

Không có

9. Hoạt động kinh doanh

9.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

9.1.1. Lĩnh vực hoạt động và địa bàn hoạt động

Trải qua 22 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn hiện nay tập trung vào hai lĩnh vực hoạt động chính bao gồm:

- Thi công, xây lắp các công trình điện
- Sản xuất các sản phẩm từ bê tông.

Trong hoạt động kinh doanh Công ty luôn đặt chất lượng công trình, chất lượng sản phẩm lên hàng đầu nên luôn nhận được sự tin tưởng của các chủ đầu tư dự án và khách hàng. Bằng sự nỗ lực không mệt mỏi, Công ty đã không ngừng phát triển năng lực thi công xây lắp, chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường trở thành doanh nghiệp có thương hiệu, chuyên nghiệp, uy tín trong các lĩnh vực hoạt động của mình. Ngoài ra, Công ty đang thực hiện chủ trương đầu tư vào dự án trung tâm thương mại nhằm phục vụ kế hoạch đa dạng hóa ngành nghề trong tương lai.

Địa bàn hoạt động của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, phần lớn doanh thu của Công ty vẫn tập trung trọng điểm ở khu vực phía Bắc với nhiều công trình lớn.

9.1.2. Hoạt động thi công, xây lắp điện.

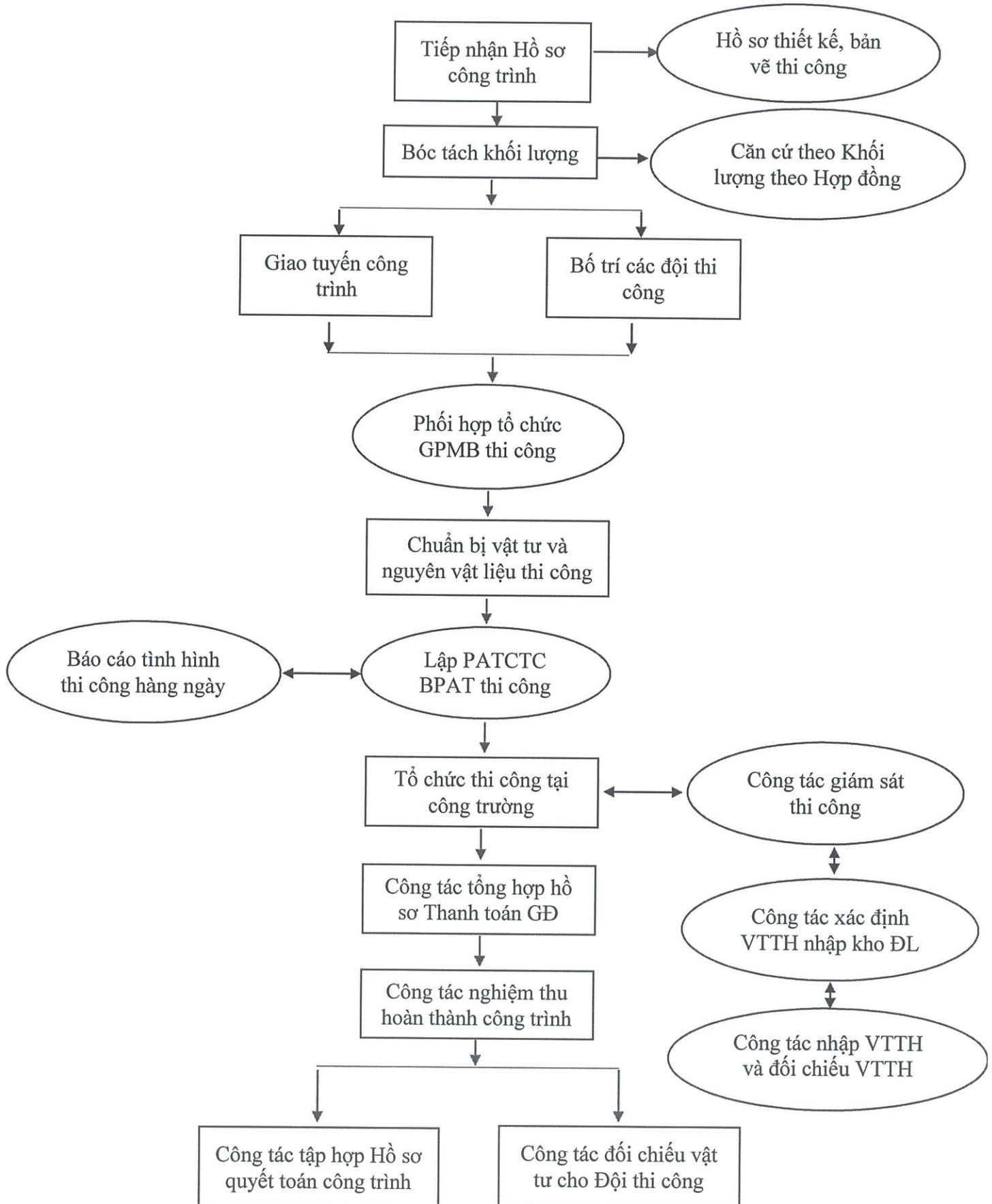
Với bề dày kinh nghiệm cùng đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật nhiệt tình năng động đã xây dựng nhiều công trình với yêu cầu kỹ thuật cao, địa bàn thi công phức tạp, được rất nhiều Chủ đầu tư tin nhiệm. Thương hiệu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn gắn liền với nhiều công trình chất lượng vượt trội do công ty đảm nhiệm. Sự ghi nhận về chất lượng của các chủ đầu tư luôn giúp cho công ty được mời dự thầu đầu tiên cho các dự án lớn.

Thế mạnh của Công ty là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng hệ thống máy móc thiết bị áp dụng công nghệ tiên tiến cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và nâng cấp mạng lưới điện phức tạp.

Trên cơ sở chiến lược nâng cao năng lực xây lắp điện, Trường Sơn thực hiện các hợp đồng theo hình thức cung cấp thiết bị và xây dựng. Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, Trường Sơn đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia và thực hiện các dự án xây lắp điện. Công ty đã thực hiện các gói thầu: Gói thầu Dự án Hiệu quả năng lượng vay vốn Chính phủ Đức, Gói thầu Dự án Đường dây 110kV Bá Thiện – Khai Quang; Gói thầu Dự án Đường dây 500kV Sông Hậu – Đức Hòa; Gói thầu Dự án cấp điện lưới Quốc gia cho Đảo Rều, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Gói thầu 03-XLYP3 và Gói thầu Xây lắp xuất tuyến 35, 22kV sau TBA Yên Phong 3,...

Để tổ chức thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp, Ban lãnh đạo của Trường Sơn đã tổ chức rà soát, tổng kết và ban hành quy trình thực hiện các dự án thi công, xây lắp công trình điện và được mô tả qua sơ đồ sau:

Hình 4. Quy trình thực hiện thi công, xây lắp các công trình điện



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

➤ **Diễn giải sơ đồ:**

✓ **Tiếp nhận hồ sơ công trình**

Khi có kết quả thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc có yêu cầu của lãnh đạo Công ty về việc thực hiện chuẩn bị thi công công trình, Phòng Kỹ thuật sẽ có văn bản yêu cầu Phòng Xây dựng và Đấu thầu cung cấp toàn bộ hồ sơ. Phòng Kỹ thuật sẽ có trách nhiệm sao lưu, bảo quản và cung cấp cho các đội thi công.

✓ **Công tác bóc tách khối lượng chi tiết vật tư, thiết bị công trình**

Hồ sơ thiết kế sẽ được giao cụ thể cho cán bộ phụ trách thi công bóc tách toàn bộ khối lượng thi công, khối lượng chi tiết phải được thực hiện trên hệ thống Excel và gắn đường link từ bản chi tiết, nêu rõ địa chỉ và chuyển toàn bộ file đó cho lãnh đạo phòng phê duyệt. Sau khi lãnh đạo phòng kỹ thuật phê duyệt sẽ chuyển hồ sơ sang Bộ phận vật tư của Công ty để chuẩn bị đặt hàng.

✓ **Công tác tổ chức giao tuyến công trình**

Cán bộ phụ trách thi công sẽ liên hệ với bộ phận theo dõi của chủ đầu tư để thực hiện giao tuyến công trình. Công tác giao tuyến cần thực hiện chi tiết đối với từng vị trí đặc biệt đối với các vị trí đào móng và dựng cột. Sau khi hoàn thành công tác giao tuyến công trình, cán bộ phụ trách thi công sẽ phải thực hiện đối chiếu lại với hồ sơ thiết kế với khối lượng đã bóc tách ban đầu để đối chiếu.

✓ **Bố trí các đội thi công**

Sau khi thực hiện giao tuyến công trình và khối lượng công trình, chủ nhiệm công trình, Trưởng phòng kỹ thuật cùng Phó Tổng giám đốc phụ trách sẽ cân đối và bố trí các đội thi công sao cho phù hợp và đảm bảo yêu cầu của dự án chuẩn bị triển khai. Chủ nhiệm công trình cần cung cấp đầy đủ các hồ sơ thiết kế thi công cần thiết và đầy đủ theo yêu cầu công việc của đội.

✓ **Tổ chức phối hợp cùng Chủ đầu tư GPMB thi công**

Tham gia phối hợp cùng chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để đảm bảo tiến độ thi công. Toàn bộ công việc liên quan đến bàn giao mặt bằng giữa Chủ đầu tư và đơn vị thi công cần phải được ký xác nhận giữa Chủ nhiệm công trình và đại diện của Chủ đầu tư.

✓ **Tổ chức chuẩn bị vật tư, vật liệu thi công**

Đơn vị thực hiện Dự án cần bám sát kế toán vật tư và nhà cung cấp vật tư để đảm bảo vật tư cung cấp cho công trình. Đồng thời, cán bộ phụ trách cần phải xây dựng kế hoạch sử dụng vật tư phù hợp để tránh tình trạng dư thừa hoặc thiếu hụt vật tư trong một thời điểm nhất định. Một số vật tư cần mua tại địa phương nơi Dự án triển khai, Cán bộ dự án có trách nhiệm khảo sát giá thị trường, cung cấp hồ sơ vật tư về cho phòng kế toán để thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp vật tư tại địa phương.

✓ **Khảo sát, lập phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn thi công**

Căn cứ bản thiết kế thi công, cán bộ kỹ thuật liên hệ với đơn vị quản lý vận hành đường dây và TBA tại điểm công tác, phối hợp với đơn vị Quản lý vận hành để khảo sát hiện trường, lập biên bản khảo sát hiện trường chi tiết để làm căn cứ lập phương án thi công, từ đó đưa ra các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình thi công. Trong phương án thi công cần nêu rõ trách nhiệm thực hiện các công việc để đảm bảo an toàn cho đơn vị thi công.

✓ **Tổ chức thi công**

Chủ nhiệm công trình và kỹ thuật thi công phải luôn bám sát công trình trong suốt quá trình thi công, theo dõi, điều tiết vật tư, nhân lực cũng như giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi công.

Phải có kế hoạch, tiến độ thi công các hạng mục công việc theo từng ngày và bám sát theo dõi, luôn luôn phải có biện pháp đẩy nhanh tiến độ để luôn đảm bảo tiến độ công việc theo hợp đồng.

✓ **Xác định vật tư thu hồi nhập kho Điện lực**

Trong quá trình triển khai thi công đối với những công trình cải tạo, thay thế, sửa chữa,... Cán bộ phụ trách phải tiến hành lập biên bản xác định vật tư thu hồi nhập kho tại hiện trường, biên bản xác định vật tư phải ghi cụ thể từng loại vật tư, thiết bị, tình trạng, đặc điểm quy cách vật tư thiết bị.

✓ **Nhập vật tư thu hồi tại kho Điện lực**

Vật tư thu hồi do Đội thi công trực tiếp lưu giữ, bảo quản và nhập kho, sau khi thu hồi tại hiện trường, Cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm liên hệ với Thủ kho Điện lực để đặt lịch nhập kho và thực hiện theo sắp xếp, tránh chông chéo.

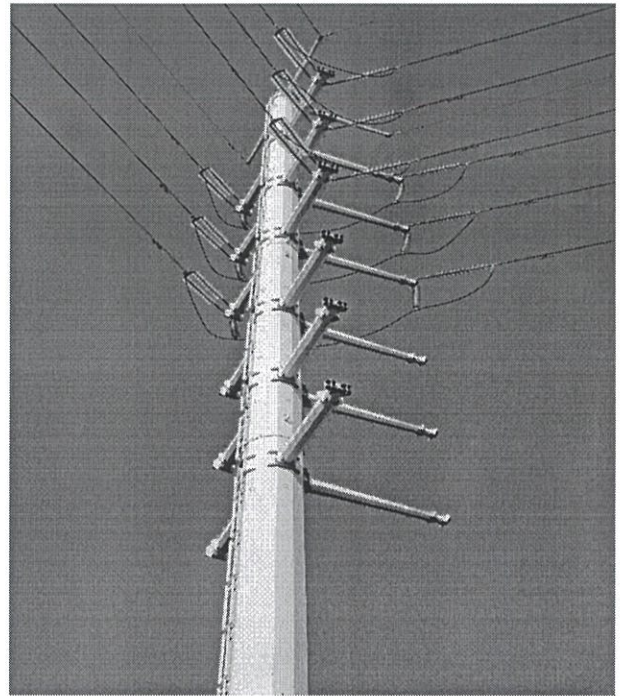
✓ **Hoàn thiện hồ sơ, thanh quyết toán công trình**

Chủ nhiệm công trình cần tập hợp hồ sơ pháp lý theo từng giai đoạn để tiến hành nghiệm thu, thanh quyết toán. Tất cả các mẫu hồ sơ trên cần thực hiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư và phải có công tác làm việc xác nhận mẫu.

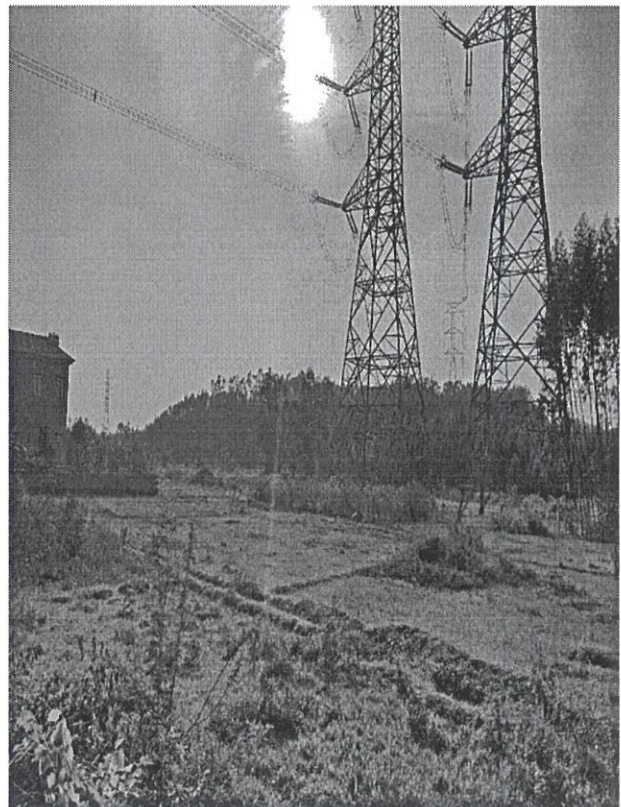
✓ **Đôi chiếu vật tư, quyết toán nhân công cho đội thi công**

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình, phiếu xuất vật tư tại công trình cần phải có xác nhận của cán bộ phụ trách kỹ thuật. Thời gian đôi chiếu không được chậm hơn 90 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đóng điện.

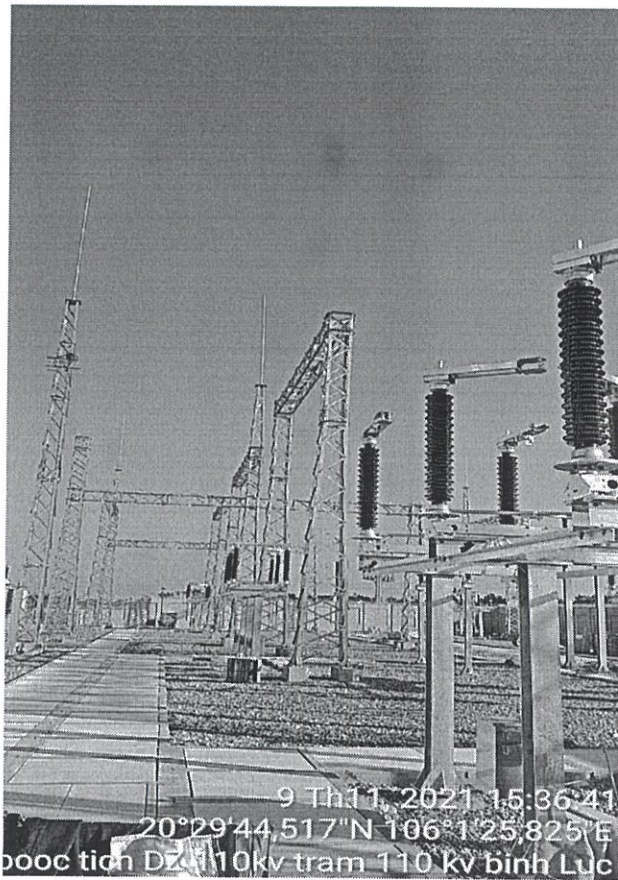
Hình 5. Hình ảnh một số dự án tiêu biểu Công ty đã thực hiện



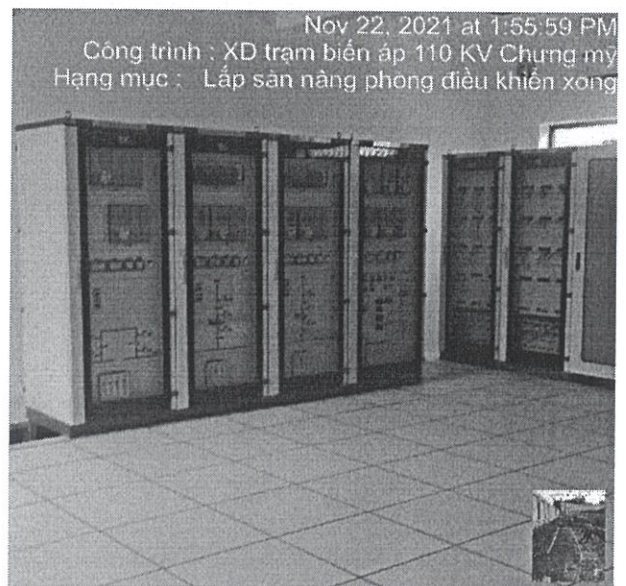
Dự án Đường dây 110kV Bá Thiện – Khai Quang



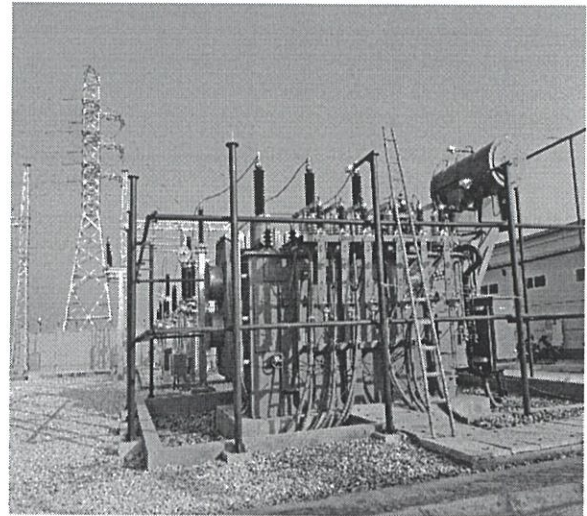
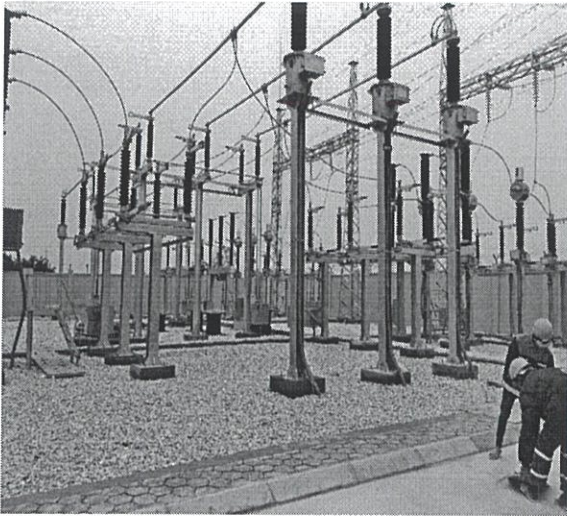
Dự án Đường dây 500kV Sông Hậu – Đức Hòa



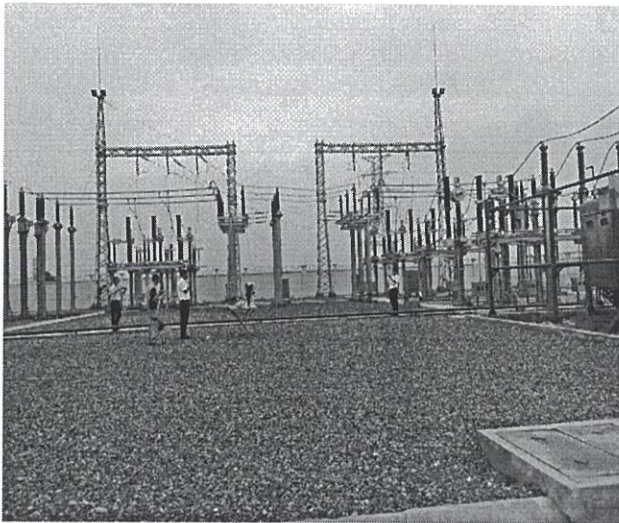
Trạm biến áp 110kV Bình Lục



Trạm biến áp 110kV Chương Mỹ



Trạm biến áp 110kV Đồng Văn 3



Trạm biến áp 110kV Kim Bảng



Dự án cấp điện lưới Quốc gia cho Đảo Rều,
thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

9.1.3. Sản xuất các sản phẩm từ bê tông

Cuối năm 2010 Công ty đã đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất Cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực. Đây là công nghệ không mới trên thế giới nhưng với Việt Nam thì dòng sản phẩm trên còn rất mới và có nhiều ưu điểm vượt trội. Hiện tại các sản phẩm cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực trên đang thay dần thay thế các sản phẩm cột điện bê tông ly tâm thường khác và tương lai gần sẽ thay thế hoàn toàn.

Nhận thấy dòng sản phẩm của Công ty đang được thị trường tín nhiệm và đưa vào nhiều các công trình xây lắp điện quy mô lớn nên đến giữa năm 2014 Công ty tiếp tục đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực hiện đại nữa.

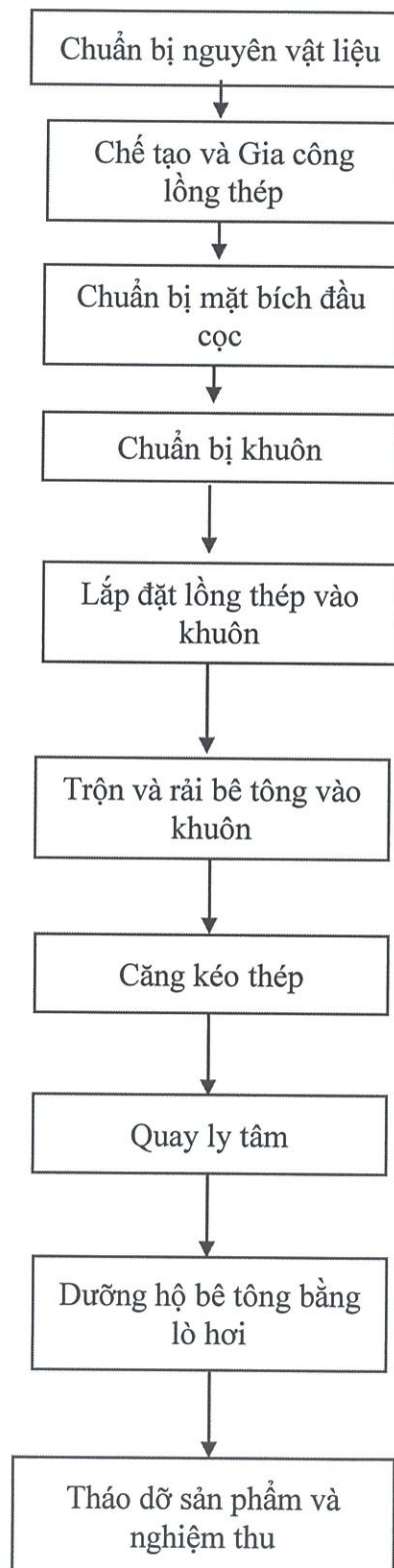
Đến tháng 7/2017 Trường Sơn đã hoàn thiện hai dây chuyền sản xuất cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực hiện đại và cho năng xuất, chất lượng hàng đầu miền Bắc.

Đến tháng 2/2020 Công ty đã khánh thành nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực hiện đại bậc nhất Việt Nam.

Hai sản phẩm trên của Công ty đã được cấp Chứng chỉ chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 7888:2014, TCVN 5847-2016, TCCS 01-2014/BTTS, TCCS 02-2022/TS.

Tương tự như hoạt động thi công, xây lắp công trình điện, để tổ chức bộ máy sản xuất hiệu quả, Ban lãnh đạo và các cán bộ chuyên môn của Công ty đã xây dựng và hoàn thiện quy trình thực hiện sản xuất sản phẩm bê tông dự ứng lực, quy trình khái quát như sau:

Hình 6. Quy trình sản xuất cọc, cột bê tông ly tâm dự ứng lực



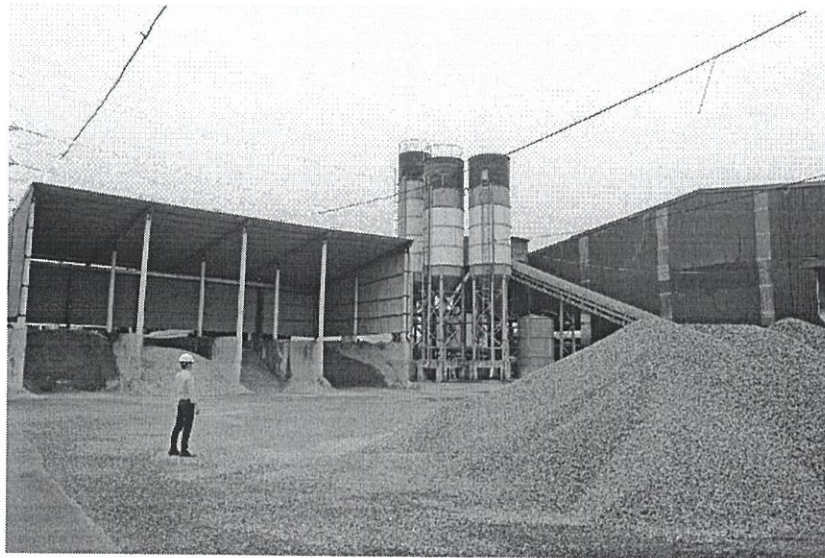
(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

➤ **Diễn giải sơ đồ**

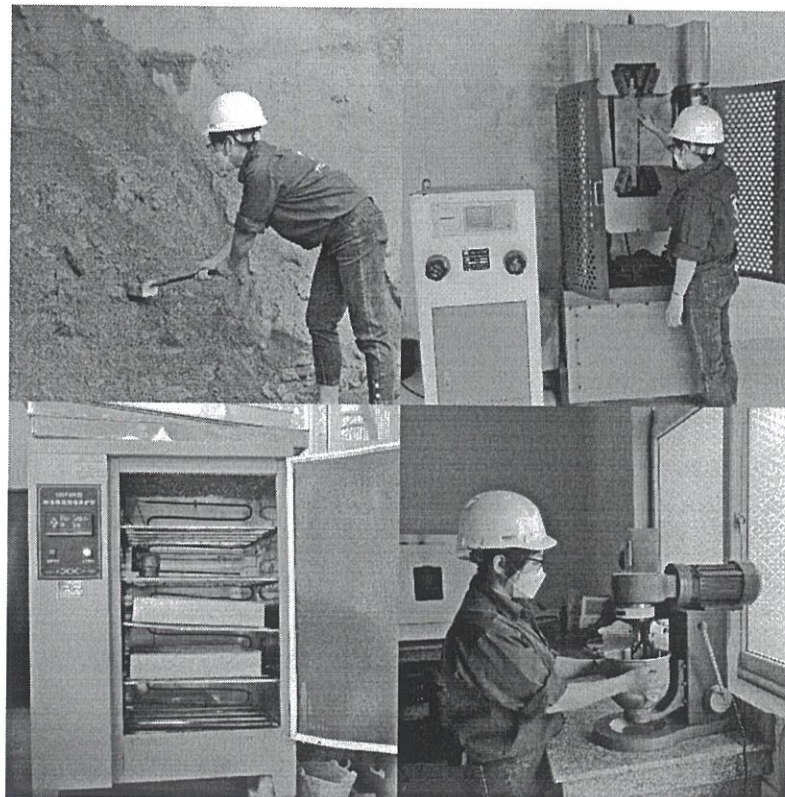
Hình 7. Hình ảnh quy trình sản xuất cọc bê tông tại Trường Sơn

Bước 1: Chuẩn bị nguyên vật liệu.

Vật liệu dùng trong quy trình sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực phải đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật theo các tiêu chuẩn hiện hành, đồng thời đáp ứng các yêu cầu bổ sung của khách hàng khi thiết kế cọc. Vật liệu sẽ được kiểm soát bằng các máy móc, thiết bị của phòng Las-XD 1184 đã được Bộ Xây dựng cấp phép.



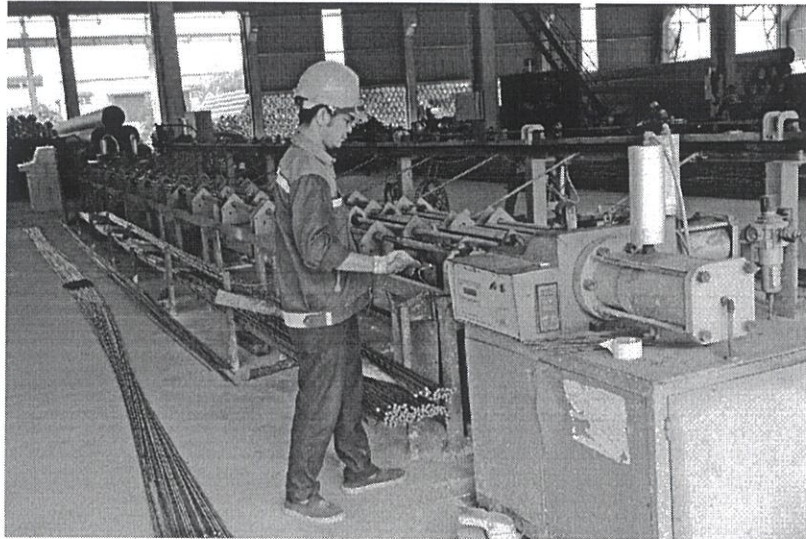
Nơi tập kết vật liệu



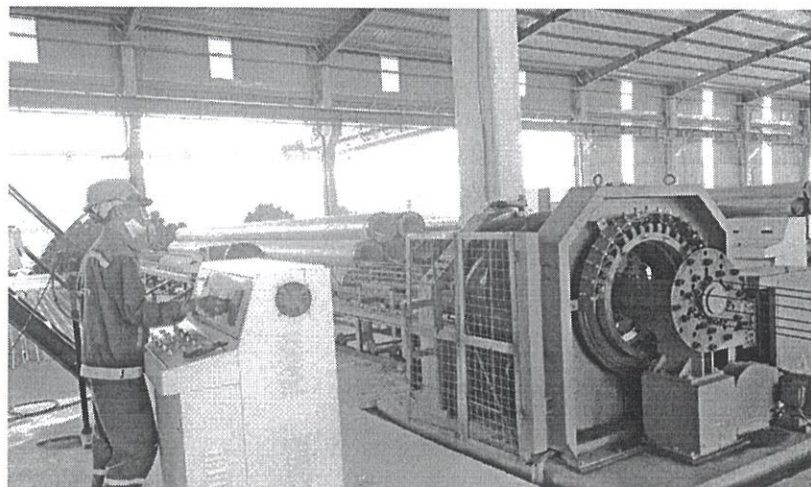
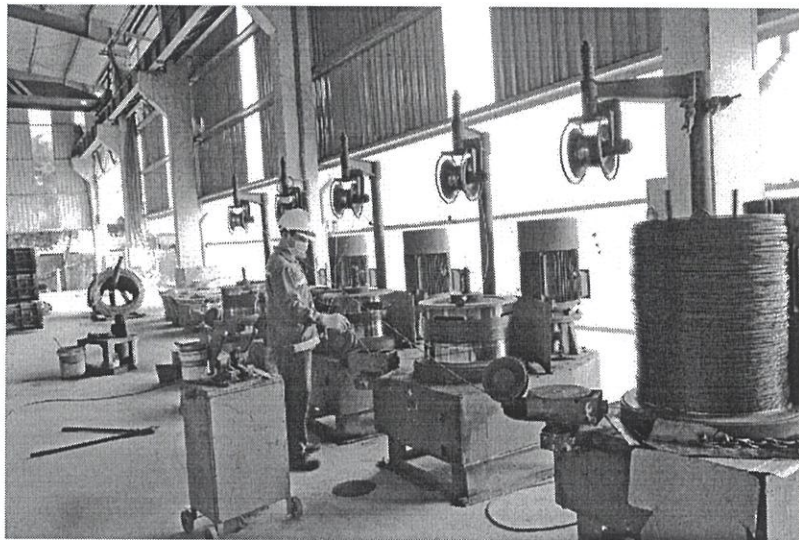
Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu

Bước 2: Chế tạo và gia công lồng thép

Cốt thép chủ được nắn thẳng cắt đúng kích thước, đảm bảo thép đúng chủng loại của bản vẽ thiết kế.

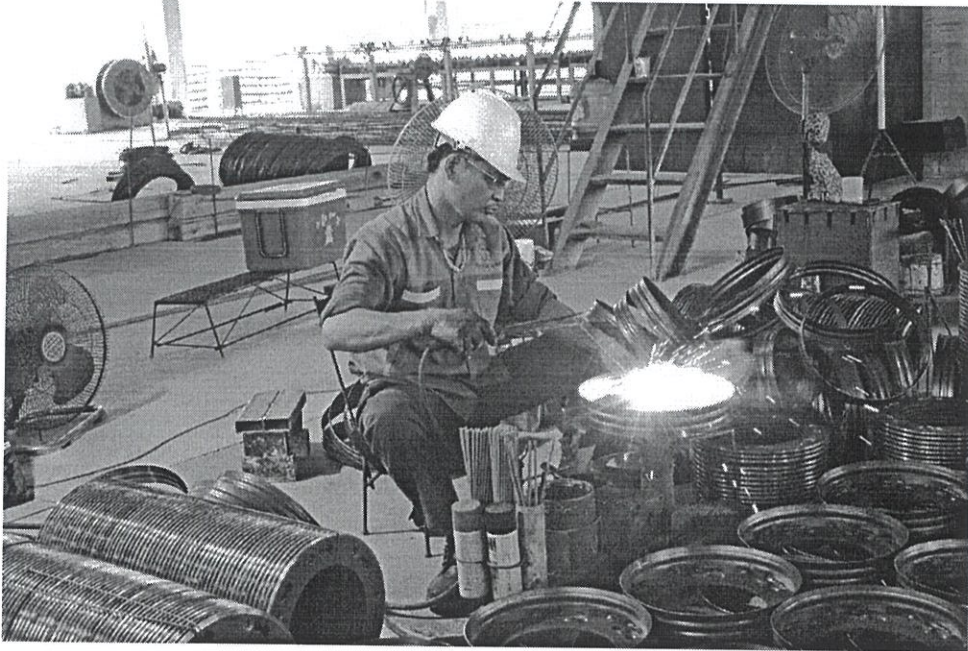


Cốt thép đai được kéo thẳng bằng tời, cắt bằng kim cộng lực theo đúng kích thước thiết kế.

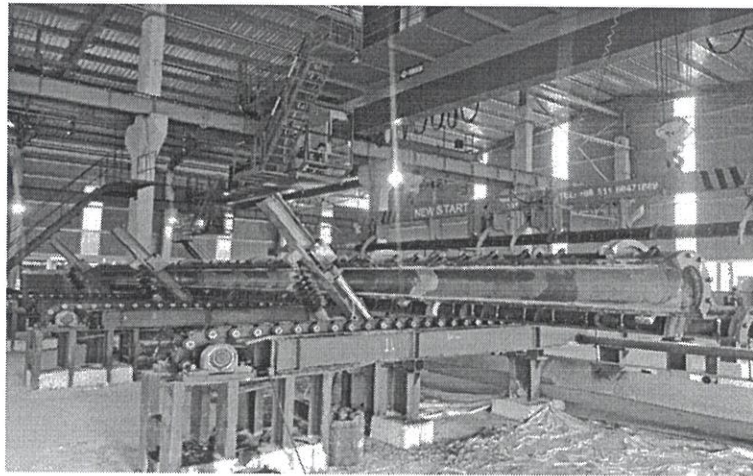
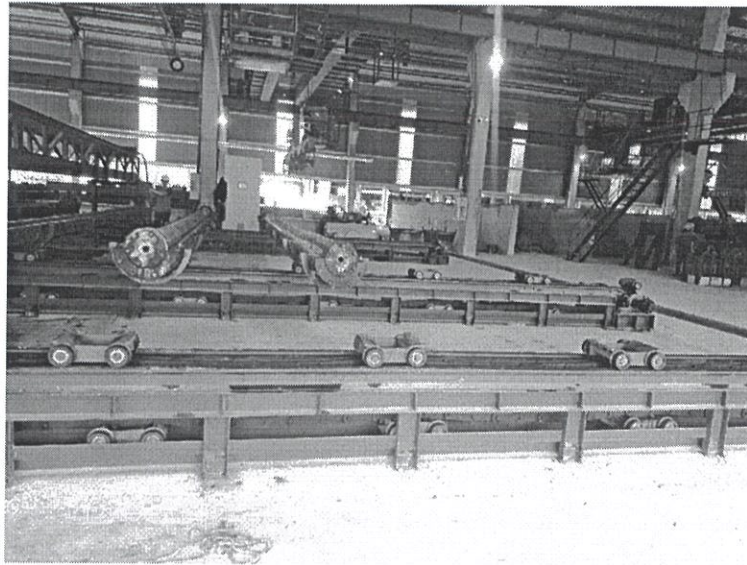


Bước 3: Chuẩn bị mặt bích đầu cọc

Thép đai liên kết với thép chủ bằng dây thép buộc 1 ly, khoảng cách giữa các cốt đai buộc đúng yêu cầu của bản vẽ thiết kế. Thép chủ được liên kết với bích bằng các lỗ me. Bích đầu cọc được gia công đảm bảo đúng theo kích thước thiết kế.



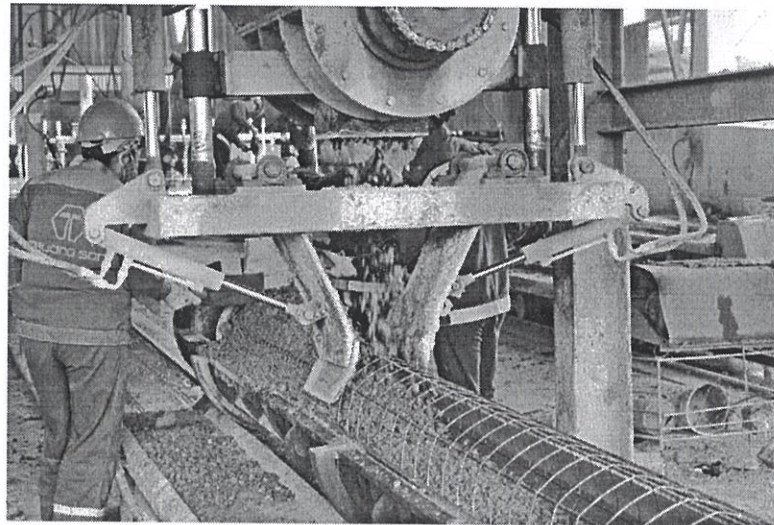
Lồng thép sau khi lắp đặt vào khuôn phải được định vị chính xác và chắc chắn đảm bảo không bị xô dịch hoặc biến dạng trong lúc đổ bê tông.



Bước 4: Trộn và rải bê tông vào khuôn.

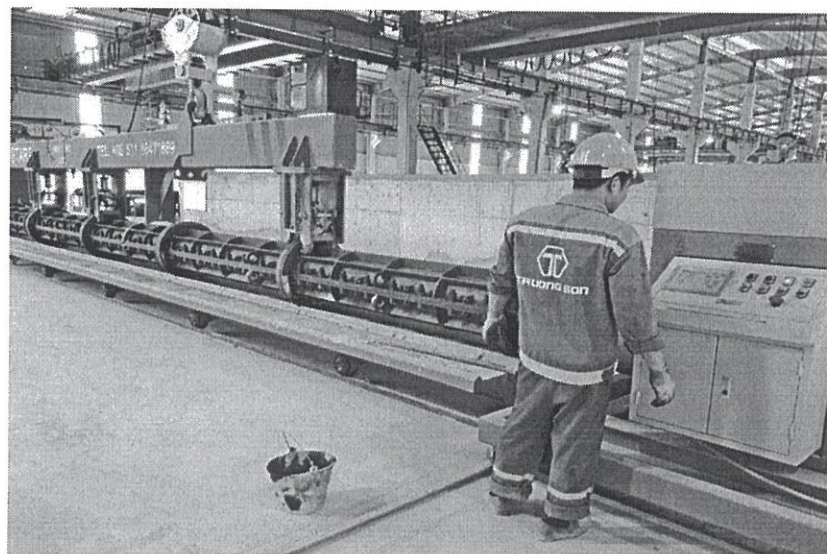
Bê tông đúc cọc phải được phối trộn bằng hệ thống máy móc, cân tự động đúng theo tỉ lệ cấp phối, thời gian trộn theo đúng quy định của cán bộ kỹ thuật của công ty.





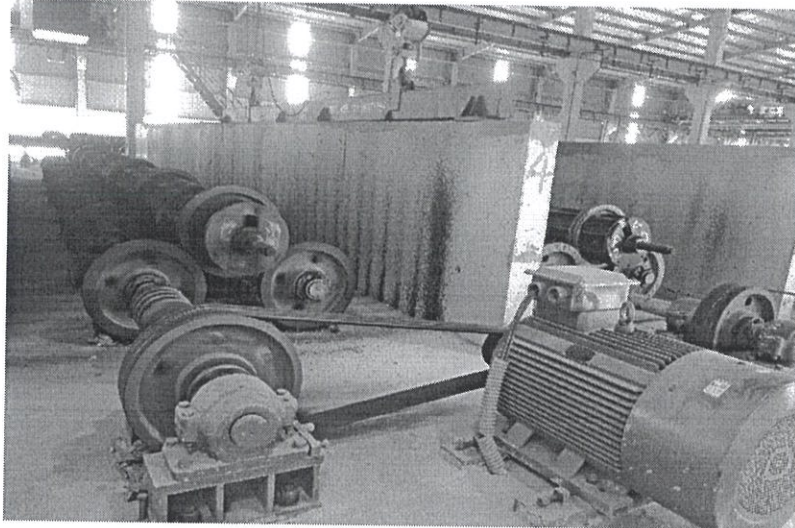
Bước 5: Căng thép dự ứng lực.

Là bước ứng lực trước cho cọc BTLT theo các ứng suất theo thiết kế để có các moment kháng uốn khi đi vào sử dụng. Các kết quả kéo thép được lưu tại phòng thí nghiệm.



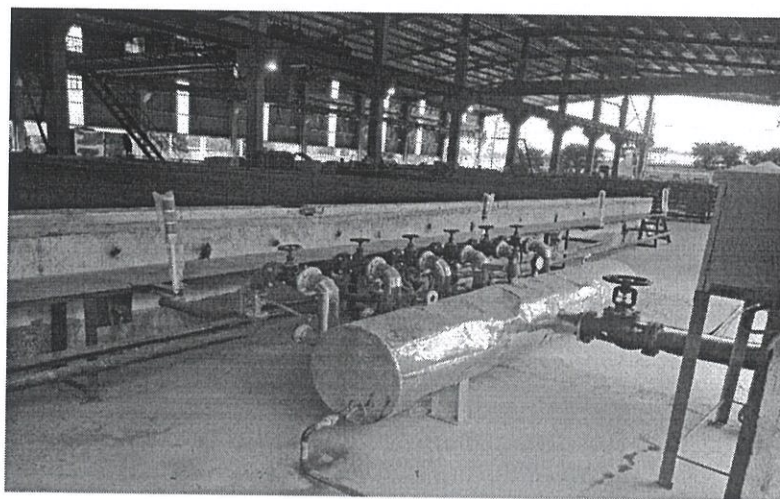
Bước 6: Quay ly tâm.

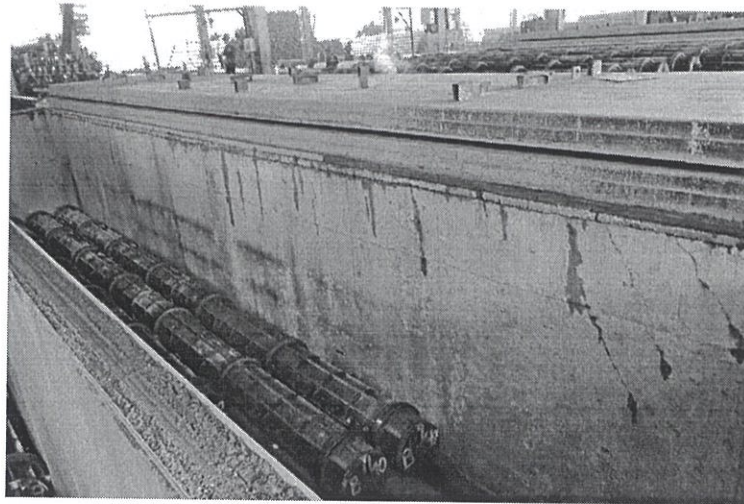
Đây là bước rất quan trọng để nén chặt bê tông. Thông thường có 4 cấp độ quay để cọc đạt được chất lượng như thiết kế.



Bước 7: Dưỡng hộ bê tông bằng lò hơi (hoặc lò hơi áp suất cao bằng máy hấp).

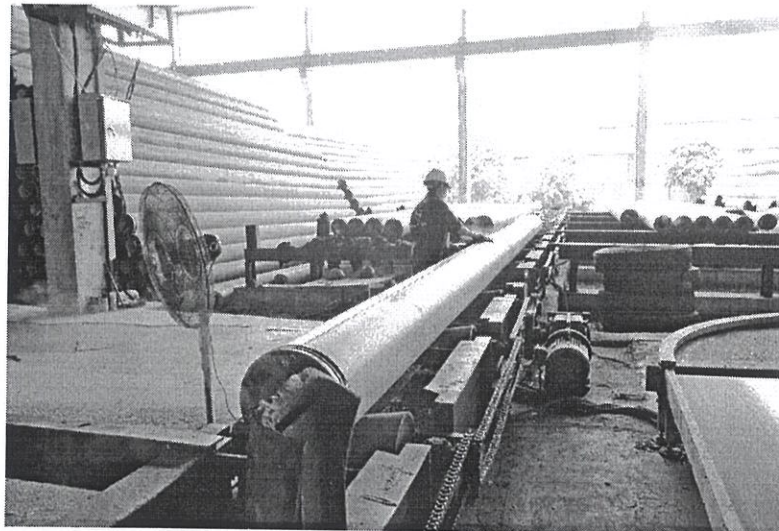
Đây là bước đưa cọc vào lò hơi hấp ở nhiệt độ giao động khoảng $100^{\circ}\text{C} \pm 20$ để quyết định tháo khuôn. Hơi nước nóng sẽ đẩy nhanh quá trình thủy hóa bê tông ở môi trường nhiệt độ cao.



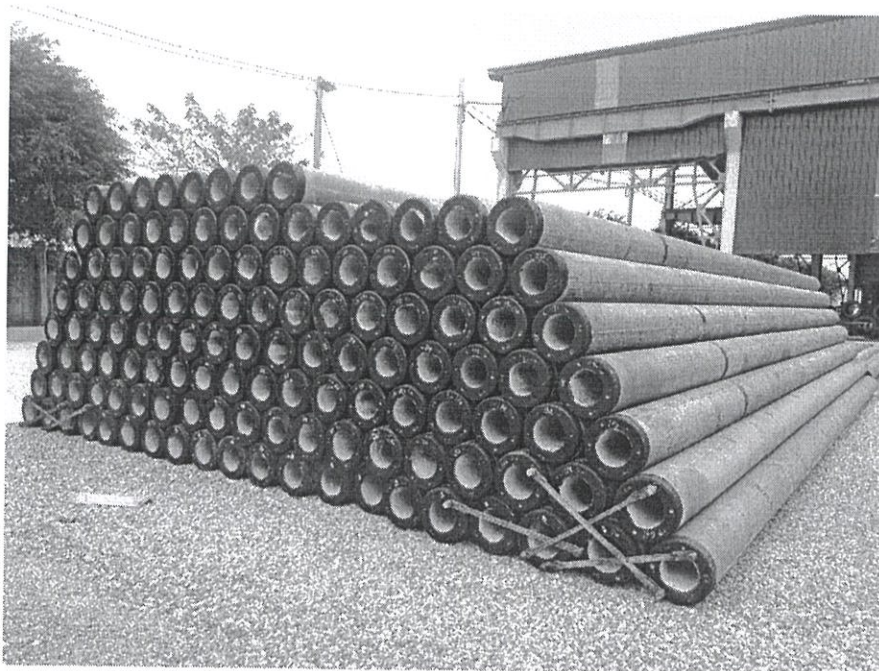


Bước 8: Tháo khuôn, kiểm tra sản phẩm.

Trong bước này chúng ta sẽ kiểm tra và phân loại các loại cọc đúng chất lượng hoặc cần lưu ý khác.



Bước 9: Lưu bãi và vận chuyển cọc đến công trình thi công.



**BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CÁC CHỦNG LOẠI
CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG LY TÂM DỰ ỨNG LỰC THEO TCVN 5847-2016**

TT	Loại cọc (Ký hiệu cọc)	Chiều dày bê tông đầu cọc(mm)	Chiều dày bê tông đáy cọc(mm)	Đường kính ngoài đầu cọc (mm)	Đường kính ngoài đáy cọc (mm)	Tải trọng thiết kế (kN)
1	PC-6-2.0	50	60	160	240	2,0

TT	Loại cột (Ký hiệu cột)	Chiều dày bê tông đầu cột(mm)	Chiều dày bê tông đáy cột(mm)	Đường kính ngoài đầu cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Tải trọng thiết kế (kN)
1	PC-6-2.5	50	60	160	240	2,5
2	PC-6-3.0	50	60	160	240	3.0
3	PC-6-3.5	50	60	160	240	3,5
4	PC-6.5-2.0	50	60	160	246	2,0
5	PC-6.5-2.5	50	60	160	246	2,5
6	PC-6.5-3.0	50	60	160	246	3,0
7	PC-6.5-3.5	50	60	160	246	3.5
8	PC-6.5-4.3	50	60	160	246	4.3
9	PC7-2.0	50	60	160	253	2.0
10	PC7-2.5	50	60	160	253	2.5
11	PC7-3.0	50	60	160	253	3.0
12	PC7-3.5	50	60	160	253	3.5
13	PC7-4.3	50	60	160	253	4.3
14	PC7-5.0	50	60	160	253	5.0

TT	Loại cột (Ký hiệu cột)	Chiều dày bê tông đầu cột(mm)	Chiều dày bê tông đáy cột(mm)	Đường kính ngoài đầu cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Tải trọng thiết kế (kN)
15	PC-7,5-2.0	50	60	160	260	2,0
16	PC-7,5-2.5	50	60	160	260	2,5
17	PC-7,5-3.0	50	60	160	260	3.0
18	PC-7,5-3.5	50	60	160	260	3,5
19	PC-7,5-4.3	50	60	160	260	4.3
20	PC-7,5-5.0	50	60	160	260	5.0
21	PC-8-2.0	50	60	160	266	2,0
22	PC-8-2.5	50	60	160	266	2,5
23	PC-8-3.0	50	60	160	266	3.0
24	PC-8-3.5	50	60	160	266	3,5
25	PC-8-4.3	50	60	160	266	4.3
26	PC-8-5.0	50	60	160	266	5.0
27	PC-8,5-2.0	50	60	160	273	2,0
28	PC-8,5-2.5	50	60	160	273	2,5

TT	Loại cột (Ký hiệu cột)	Chiều dày bê tông đầu cột(mm)	Chiều dày bê tông đáy cột(mm)	Đường kính ngoài đầu cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Tải trọng thiết kế (kN)
29	PC-8,5-3.0	50	60	160	273	3.0
30	PC-8,5-4.3	50	60	160	273	4.3
31	PC-8,5-2.0	50	65	190	300	2,0
32	PC-8,5-2.5	50	65	190	300	2,5
33	PC-8,5-3.0	50	65	190	300	3.0
34	PC-8,5-3.5	50	65	190	300	3,5
35	PC-8,5-4.3	50	65	190	300	4.3
36	PC-8,5-5.0	50	65	190	300	5.0
37	PC-9-2.0	50	65	190	310	2.0
38	PC-9-2.5	50	65	190	310	2.5
39	PC-9-3.5	50	65	190	310	3.5
40	PC-9-4.3	50	65	190	310	4.3
41	PC-9-5.0	50	65	190	310	5.0
42	PC-10-3.5	50	65	190	323	3,5

TT	Loại cột (Ký hiệu cột)	Chiều dày bê tông đầu cột(mm)	Chiều dày bê tông đáy cột(mm)	Đường kính ngoài đầu cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Tải trọng thiết kế (kN)
43	PC-10-4.3	50	65	190	323	4.3
44	PC-10-5.0	50	65	190	323	5.0
45	PC-12-3.5	50	65	190	350	3.5
46	PC-12-4.3	50	65	190	350	4.3
47	PC-12-5.4	50	65	190	350	5.4
48	PC-12-7.2	50	65	190	350	7.2
49	PC-12-9.0	50	65	190	350	9.0
50	PC-12-10.0	50	65	190	350	10.0
51	PC-14-6.5	50	70	190	377	6,5
52	PC-14-8.5	50	70	190	377	8,5
53	PC-14-9.2	50	70	190	377	9.2
54	PC-14-11	50	70	190	377	11
55	PC-14-13	50	70	190	377	13
56	PC-14-7.2	60	80	230	417	7.2

TT	Loại cột (Ký hiệu cột)	Chiều dày bê tông đầu cột(mm)	Chiều dày bê tông đáy cột(mm)	Đường kính ngoài đầu cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Tải trọng thiết kế (kN)
57	PC-14-9.2	60	80	230	417	9.2
58	PC-14-11	60	80	230	417	11
59	PC-14-13	60	80	230	417	13
60	PC-16-9.2	50	70	190	403	9,2
61	PC-16-11	50	70	190	403	11
62	PC-16-13	50	70	190	403	13
63	PC-18-9.2	50	70	190	430	9,2
64	PC-18-11	50	70	190	430	11
65	PC-18-12	50	70	190	430	12
66	PC-18-13	50	70	190	456	13
67	PC-20-9.2	50	70	190	456	9.2
68	PC-20-11	50	70	190	456	11
69	PC-20-13	50	70	190	456	13
70	PC-20-14	50	70	190	456	14

TT	Loại cột (Ký hiệu cột)	Chiều dày bê tông đầu cột(mm)	Chiều dày bê tông đáy cột(mm)	Đường kính ngoài đầu cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Tải trọng thiết kế (kN)
71	PC-22-9.2	50	80	190	483	9.2
72	PC-22-11	50	80	190	483	12
73	PC-22-13	50	80	190	483	13
74	PC-22-14	50	80	190	483	14

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CÁC CHỦNG LOẠI
CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG LY TÂM DỰ ỨNG LỰC THEO TCVN 5847-1994

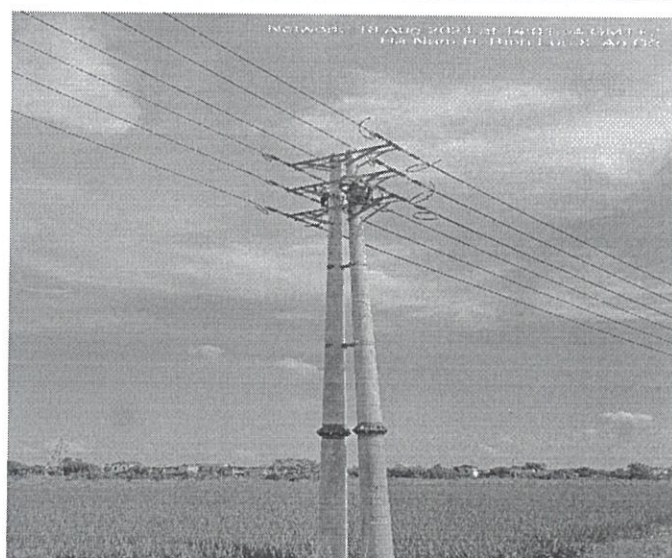
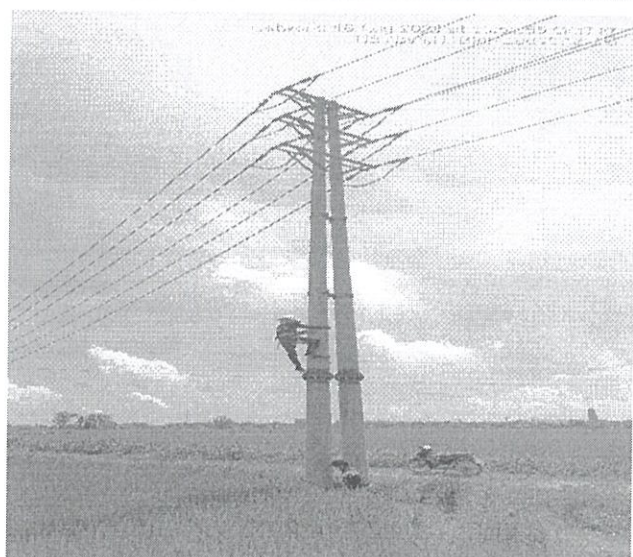
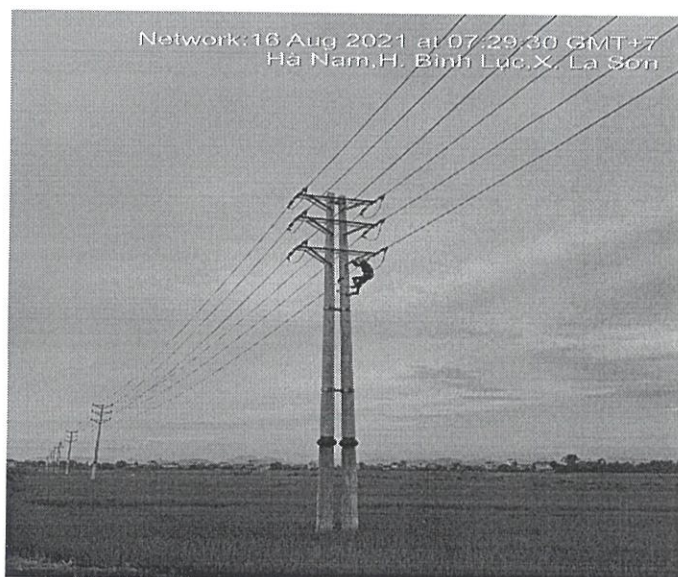
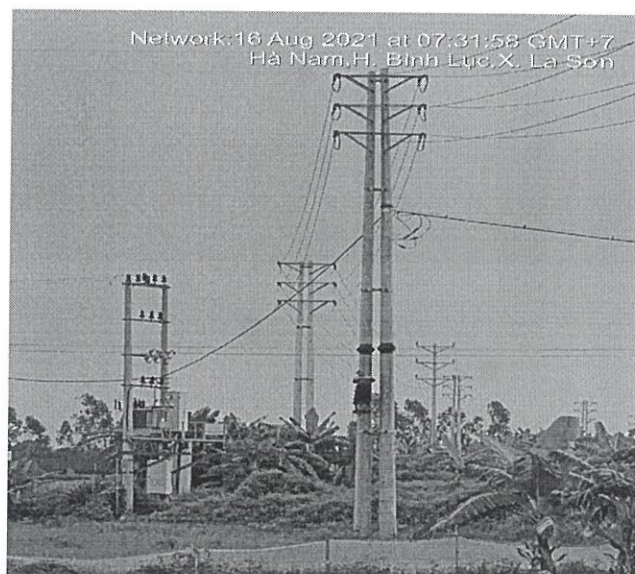
Stt	Loại cột (Ký hiệu cột)	Chiều dài cột (m)	Đường kính ngoài ngọn cột (mm)	Đường kính ngoài đáy cột (mm)	Chiều dày bê tông ngọn cột (mm)	Chiều dày bê tông đáy cột (mm)	Lực kéo đầu cột (Kg)
1	LT6,5A	6,5	160	246	50	60	250
2	LT6,5B	6,5	160	246	50	60	320
3	LT6,5C	6,5	160	246	50	60	380
4	LT 7A	7	160	253	50	60	250
5	LT 7B	7	160	253	50	60	320
6	LT 7C	7	160	253	50	60	380
7	LT 7,5A	7,5	160	260	50	60	250
8	LT 7,5B	7,5	160	260	50	60	320
9	LT 7,5C	7,5	160	260	50	60	380
10	LT 8A	8	160	266	50	60	250
11	LT 8B	8	160	266	50	60	320
12	LT 8C	8	160	266	50	60	380

13	LT 8,5A	8,5	160	273	50	60	250
14	LT 8,5B	8,5	160	273	50	60	320
15	LT 8,5C	8,5	160	273	50	60	380
16	LT 8,5A	8,5	190	300	50	65	320
17	LT 8,5B	8,5	190	300	50	65	420
18	LT 8,5C	8,5	190	300	50	65	520
19	LT 9A	9	190	310	50	65	320
20	LT 9B	9	190	310	50	65	420
21	LT 9C	9	190	310	50	65	520
22	LT 10A	10	190	323	50	65	320
23	LT 10B	10	190	323	50	65	420
24	LT 10C	10	190	323	50	65	520
25	LT 10D	10	190	323	50	65	680
26	LT 12A	12	190	350	50	65	540
27	LT 12B	12	190	350	50	65	720
28	LT 12C	12	190	350	50	65	900
29	LT 12D	12	190	350	50	65	1100
30	LT14A (thân liền)	14	190	377	50	70	650
31	LT14B(thân liền)	14	190	377	50	70	850
32	LT14C(thân liền)	14	190	377	50	70	1100
33	LT14D(thân liền)	14	190	377	50	70	1300
34	LT14A(G4A+10A)	14	190	377	50	70	650
35	LT14B(G4B+N10B)	14	190	377	50	70	850
36	LT14C(G4C+N10C)	14	190	377	50	70	1100
37	LT14D(G4D+N10D)	14	190	377	50	70	1300
38	LT14A(G6A+N8A)	14	190	403	50	70	650
39	LT14B(G6B+N8B)	14	217	403	50	70	850
40	LT14C(G6C+N8C)	14	217	403	50	70	1100
41	LT14D(G6D+N8D)	14	217	403	50	70	1300
42	LT16B(G6B+N10B)	16	190	403	50	70	920

43	LT16C(G6C+N10C)	16	190	403	50	70	1100
44	LT16D(G6D+N10D)	16	190	403	50	70	1300
45	LT18B(G8B+N10B)	18	190	430	50	70	920
46	LT18C(G8C+N10C)	18	190	430	50	70	1100
47	LT18D(G8D+N10D)	18	190	430	50	70	1300
48	LT 20B(G10B+N10B)	20	190	456	50	70	920
49	LT20C(G10C+N10C)	20	190	456	50	70	1100
50	LT20D(G10D+N10D)	20	190	456	50	70	1300

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Hình 8. Hình ảnh một số sản phẩm bê tông Công ty đã sản xuất



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

9.1.4. Hoạt động khác

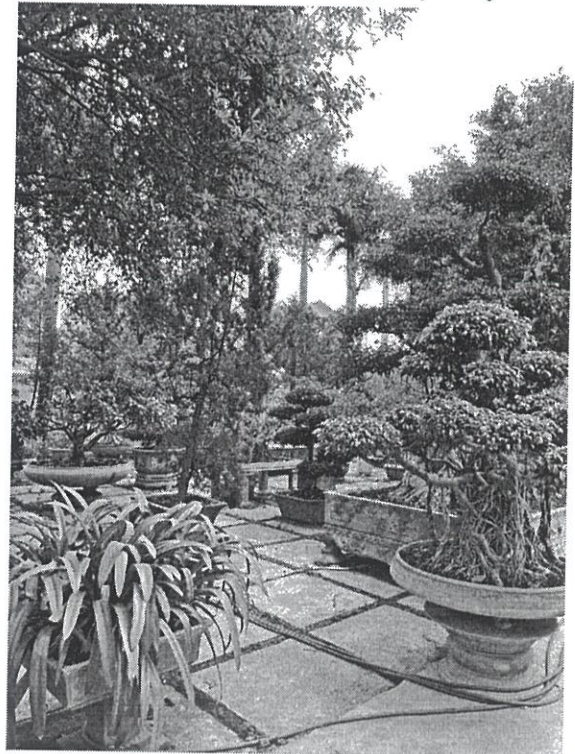
a. Hoạt động đầu tư dự án xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Trường Sơn

Năm 2017, Công ty đã nhận được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Trường Sơn với một số thông tin cơ bản như sau:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Trường Sơn;
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp cung cấp dịch vụ nhà hàng và showroom trưng bày ô tô phục vụ khoảng 25.000 lượt khách/năm, giao dịch khoảng 150 xe ô tô cũ và mới/năm nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ ăn uống, phương tiện đi lại cho khách du lịch và nhân dân trong khu vực.
- Tổng mức đầu tư: 71.425,0 triệu đồng (*Bảy mươi một tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn*).
- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã xây dựng khu vực nhà hàng và khu sinh thái, Trường Sơn sẽ tích cực hoàn thiện dự án để sớm đưa dự án vào sử dụng.

Hình 9. Hình ảnh dự án trung tâm thương mại tổng hợp và sinh thái đang thực hiện





(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

b. Hoạt động đầu tư sản xuất điện mặt trời áp mái

Nhằm tận dụng lợi thế về xây lắp điện cũng như tiết giảm chi phí kinh doanh, Trường Sơn đã đầu tư lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái.

Ngày 20/11/2020, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đã chính thức ký thỏa thuận đầu nối với Công ty Điện lực Hà Nam.

Ngày 29/12/2020, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đã ký hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà với Công ty điện lực Hà Nam. Theo đó, hệ thống điện mặt trời mái nhà ngoài việc phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Trường Sơn còn được sử dụng để bán phục vụ cho một số đối tác tại Khu công nghiệp Châu Sơn.

Hiện tại, Ban lãnh đạo Công ty cũng đang nghiên cứu để triển khai xây dựng các dự án năng lượng sạch với quy mô lớn hơn phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường.

9.1.5. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Là công ty hoạt động sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực thi công xây lắp điện và sản xuất cột, trụ bê tông,... nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là liên tục và không có tính thời vụ.

9.1.6. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Bảng 5. Cơ cấu sản lượng sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022-2023 và Quý I/2024

STT	Sản lượng sản xuất	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Quý I/2024
A	Xây lắp	Đồng	245.194.246.952	171.795.402.658	22.498.957.431

STT	Sản lượng sản xuất	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Quý I/2024
1	Đường dây và TBA 110KV Thuận Thành 6	Đồng	19.337.155.181	-	
2	Đường dây 110KV mạch kép từ TBA 220Kv Quang Châu - TBA 110kv Quang Châu, tỉnh Bắc Giang	Đồng	15.253.875.388	-	
3	Công trình: Xây dựng mới các TBA phân phối khu vực huyện Kim Bôi, Lạc Thủy, ... để giảm tổn thất điện năng năm 2022	Đồng	8.624.004.085	-	
4	NPC-JICA-HN-W03: Xây lắp các lộ đường dây thuộc Huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Đồng	49.547.758.891	-	
5	Đường dây và TBA 110kV Thái Hưng, tỉnh Thái Bình	Đồng	35.585.450.700	-	
6	Thi công xây lắp hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng công cộng giai đoạn II" Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan	Đồng	9.272.861.332	-	
7	06 Công trình chống quá tải 2022	Đồng	15.992.075.114	-	
8	Gói thầu NPC-KFW3-110BL-W05 Xây lắp đường dây và trạm biến áp 110kV Bình Lục	Đồng	-	7.830.888.619	
9	Nâng khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 220kV Phủ	Đồng	-	42.476.275.171	

STT	Sản lượng sản xuất	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Quý I/2024
	Lý -TBA 110kV Châu Sơn - TBA 110kV Phủ Lý - TBA 110kV Thạch Tổ				
10	Đường dây và TBA 110kV Nhân Mỹ, tỉnh Hà Nam	Đồng	-	42.386.216.594	
11	Nâng cao năng lực truyền tải đường dây 110kV TBA 220kV Việt Trì - TBA 110kV Bắc Việt Trì - TBA 110kV Thụy Vân, tỉnh Phú Thọ.	Đồng	-	30.399.595.518	
12	Xây dựng XT 22, 35kV sau TBA 110kV Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân	Đồng	-	8.682.252.559	
13	Xây dựng ĐZ và TBA khu vực huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên bổ sung năm 2023	Đồng	-	-	6.308.052.200
14	Chống quá tải các TBA: Xuân Trường 2 + 16, Xuân Hòa 4 + 6, Xuân Bắc 2 + 6, Xuân Thọ 1 + 2, Phú Thủy 1 + 2.... Huyện Xuân Trường	Đồng	-	-	8.232.875.427
15	Thi Công xây dựng công trình điện các xã: An Bình, Thống Nhất, Đông Tâm và Hưng Thi, huyện Lạc Thủy	Đồng	-	-	6.055.493.519
16	Các công trình khác	Đồng	91.581.066.261	40.020.174.197	1.902.536.285
B	Sản xuất	Chiếc	47.389	44.563	19.542
1	Cọc bê tông	Chiếc	28.860	27.199	13.935
2	Cột bê tông	Chiếc	18.529	17.364	5.607

STT	Sản lượng sản xuất	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Quý I/2024
C	Điện mặt trời kW	KW	641.674	764.170	54.560

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Bảng 6. Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2022-2023 và Quý I/2024

Đơn vị: đồng

STT	DTT về bán hàng và CCDV	Năm 2022		Năm 2023		Tăng trưởng 2023/2022 (%)	Quý I/Năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Xây lắp	245.194.246.952	52,15	197.761.151.871	53,50	-19,35	22.498.957.431	32,25
2	Bán hàng	224.426.007.259	47,85	171.453.738.358	46,50	-23,60	47.272.873.872	67,75
Tổng cộng		469.620.254.211	100	369.214.890.229	100	-21,38	69.771.831.303	100

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

Bảng 7. Cơ cấu chi phí giai đoạn 2022 - 2023

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng trưởng 2023/2022 (%)	Quý I/Năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng trên DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng trên DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	425.449.273.135	90,59	325.946.441.324	88,28	-23,39	60.008.341.589	86,01
2	Chi phí tài chính	9.166.203.222	1,95	9.276.680.434	2,51	6,11	1.351.575.465	1,21
3	Chi phí bán hàng	11.795.393.589	2,51	8.133.930.543	2,20	-31,04	1.977.964.047	2,83
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.088.555.546	4,06	13.055.183.024	3,54	-31,61	4.103.386.225	5,88

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng trưởng 2023/2022 (%)	Quý I/Năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng trên DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng trên DTT (%)
5	Chi phí khác	43.104.221	0,01	486.206.219	0,13	1027,98	2.472.234	0,00
Tổng cộng		465.642.529.713	99,15	356.898.441.544	96,79	-23,26	67.443.739.560	96,66

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

Trong năm 2023, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, BLĐ công ty đã đưa ra nhiều chính sách nhằm tiết giảm chi phí. Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp, BLĐ đã có chủ trương tinh giảm khối nhân sự văn phòng, sử dụng vật tư và nhiên liệu tiết kiệm và áp dụng các biện pháp thi công hiện đại. Đối với chi phí bán hàng, chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí bán hàng của Công ty là chi phí vận chuyển cọc/cột, vì vậy khi doanh thu giảm thì chi phí vận chuyển giảm đáng kể. Ngoài ra, Công ty được hưởng chính sách thuế ưu đãi 30% tiền thuê đất đã giúp công ty tiết giảm được đáng kể chi phí. Bằng chính sách điều hành linh hoạt và áp dụng các biện pháp sản xuất, thi công hiện đại để tiết giảm chi phí, mặc dù doanh thu trong năm 2023 giảm so với năm 2022 nhưng biên lợi nhuận của Công ty được cải thiện đáng kể.

Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2022-2023 và Quý I 2024

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Quý I/2024	
		Giá trị	%/DTT (%)	Giá trị	%/DTT (%)	Giá trị	%/DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp của xây lắp	13.634.172.372	2,90	12.549.480.987	3,40	2.105.252.377	3,02
2	Lợi nhuận gộp của bán hàng	30.536.808.704	6,50	30.718.967.918	8,32	7.658.237.337	10,98
Tổng cộng		44.170.981.076	9,41	43.268.448.905	11,72	9.763.489.714	13,99

(BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

9.1.7. Một số chứng nhận công ty đạt được

Hình 10. Một số chứng nhận Công ty đạt được



(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

9.1.8. Năng lực sản xuất

Nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực mang thương hiệu Trường Sơn của Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp Trường Sơn được đặt tại KCN Châu Sơn, TP Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, bao gồm 01 dây chuyền sản xuất cọc được trang bị thiết bị máy móc hiện đại và đồng bộ theo công nghệ và tiêu chuẩn Nhật Bản: JIS A5335-1987(Cọc PC); JIS A5373-2004 (Cọc PHC); TCVN 7888:2014 (Cọc PC & PHC) với công suất 3.000 m dài cọc/ ngày cho ra các sản phẩm cọc thương hiệu Trường Sơn có đường kính từ 300 đến 1.200mm, chiều dài tối đa đoạn cọc lên đến 15m. Nhà máy được vận hành và quản lý một cách khoa học theo hệ thống QLCL ISO 9001 : 2015 và hệ thống 5S của Nhật Bản, nên sản phẩm cọc Trường Sơn luôn nhận được sự tin cậy và đánh giá cao của Khách hàng và Chủ đầu tư về Chất lượng, tính chuyên nghiệp, khả năng đáp ứng được các đơn hàng lớn có yêu cầu kỹ thuật cao và tiến độ sản xuất.

9.1.9. Nguồn nguyên vật liệu

✓ Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất của Công ty là xi măng, cát, đá, thép,... có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm cọc, cột bê tông của Trường Sơn. Do đó, Trường Sơn luôn chọn những nhà cung cấp có uy tín lâu năm trên thị trường để làm nhà cung cấp nguyên vật liệu, đồng thời thực hiện khâu kiểm soát chất lượng đầu vào vô cùng chặt chẽ để đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu đầu vào luôn là tốt nhất.

- **Xi măng:** Đơn vị cung cấp xi măng cần cung cấp chứng nhận xuất xưởng của xe xi măng khi nhập về. Kiểm tra xi măng theo lô và theo tiêu chuẩn TCVN 6260-2006. Xưởng sản xuất theo dõi quá trình bơm xi măng vào xilo và ký nhận khối lượng.
- **Cát:** Cát nhập về cần được kiểm tra theo lô và theo tiêu chuẩn TCVN 7570-2006. Nếu cát về không đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn thì KCS báo trả lại nhà cung cấp.
- **Đá:** Đá nhập về cần được kiểm tra theo lô và theo tiêu chuẩn TCVN 7570-2006. Nếu đá về không đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn thì KCS báo trả lại nhà cung cấp.
- **Nước:** KCS kiểm tra bằng mắt thường hàng ngày. Chu kỳ kiểm tra 06 tháng 1 lần theo tiêu chuẩn TCVN 4506:2012.
- **Cốt thép dự ứng lực:** Cốt thép nhập về cần được kiểm tra bằng mắt thường, thước kẹp, tem mác trên cuộn thép. Sau đó lấy mẫu và thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN 6284-1:1997, JIS G3137:2008.

✓ **Sự ổn định của Nguồn nguyên vật liệu**

Để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu được cung ứng kịp thời, đầy đủ, đúng quy cách, chất lượng và chủng loại, Công ty đã chủ động thiết lập các mối quan hệ thường xuyên và ký hợp đồng lâu dài với các nhà cung cấp đầu vào của Công ty. Hàng năm công ty đều xây dựng các tiêu chí để đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng nguyên liệu uy tín từ Châu Á, trong nước nhằm đảm bảo nguồn sản phẩm đầu vào phù hợp về chất lượng, thời gian cung ứng, giá cả và đáp ứng được nhu cầu hoạt động kinh doanh của công ty.

Đối với nguồn nguyên vật liệu chính như cát, đá, xi măng, than, sắt, thép sau khi lựa chọn được nhà cung ứng nguyên vật liệu phù hợp Công ty thường chủ động ký hợp đồng với các nhà cung cấp để mua hàng lâu dài nhằm đảm bảo đủ lượng nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh và hạn chế được những tác động tiêu cực từ sự biến động giá cả của nguyên vật liệu đầu vào.

Đối với nguồn nguyên vật liệu phụ và các loại phụ gia... được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau và sẵn có trên thị trường, do vậy nguồn nguyên vật liệu phụ của công ty cũng luôn được đảm bảo ổn định.

✓ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là các sản phẩm liên quan đến bê tông... nên giá nhập nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Công ty đã chủ động khắc phục những ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận bằng cách lập quy trình sản xuất rõ ràng, có kế hoạch nhập vật liệu và hàng hóa phù hợp, đảm bảo sự ổn định của các nguồn cung.

9.1.10. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 9. Các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư của Công ty

STT	Các chỉ tiêu hiệu quả	Năm 2022	Năm 2023	Quý I Năm 2024
1	Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần (%)	9,41	11,72	2,70
2	Tỷ lệ lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần (%)	0,91	3,54	3,42
3	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (%)	0,66	2,71	2,70

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

9.1.11. Các hợp đồng lớn

➤ Các hợp đồng với nhà cung cấp lớn của Công ty

Bảng 10. Hợp đồng đầu vào cung cấp nguyên vật liệu sản xuất lớn

TT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên nhà cung cấp	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)
1	Hợp đồng mua bán phụ gia bê tông	2024	Công ty cổ phần đầu tư công nghệ hàng không	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng
2	Hợp đồng nguyên tắc mua ống thoát nước, các loại phụ kiện nước, thiết bị vệ sinh	2024	Công ty TNHH thương mại và phát triển xây dựng Nhật Minh	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 240 ngày kể từ ngày nhận hàng
3	Hợp đồng mua bán xi măng	2024	Công ty cổ phần thương mại Thành Nam	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng
4	Hợp đồng nguyên tắc vật tư bulong, khóa néo, mắt nối trung gian, móc néo, khóa đỡ, tăng đỡ, khóa đai,...	2024	Công ty cổ phần cơ khí và xây dựng cầu đường Đức Minh	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 180 ngày kể từ ngày nhận hàng
5	Hợp đồng mua bán cát, đá, ...	2024	Công ty cổ phần 298	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 25 ngày kể từ ngày nhận hàng
6	Hợp đồng nhập than	2024	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển GAVICO	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận hàng
7	Hợp đồng nhập than	2024	Công ty cổ phần	Hợp đồng nguyên

TT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên nhà cung cấp	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)
			sản xuất than và vật liệu xây dựng Bắc Phú Mỹ	tất, thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng
8	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm phôi bích, mặt bích	2024	Công ty TNHH Tiên Cường	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày hoặc thanh toán toàn bộ giá trị đơn hàng theo từng đơn hàng giao nhận
9	Hợp đồng mua bán sắt thép các loại	2024	Công ty trách nhiệm hữu hạn kim khí Phú Hưng	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng
10	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm mặt bích	2024	Công ty TNHH sản xuất và thương mại kim khí Hưng Bắc	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng
11	Hợp đồng nguyên tắc mua sản phẩm mặt bích	2024	Công ty TNHH cơ khí Đức Thành Công	Hợp đồng nguyên tắc, thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

➤ Các hợp đồng với khách hàng lớn của Công ty

Bảng 11. Các hợp đồng thi công, xây lắp công trình điện có giá trị lớn đã thực hiện

TT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)
1	Hợp đồng Thi công xây dựng Gói thầu 03-XLYP3: Xây lắp xuất tuyến 35, 22kV sau TBA Yên Phong 3	2014	Công ty Điện lực Bắc Ninh	85
2	Hợp đồng xây lắp - Gói thầu 02: Xây lắp thuộc Dự án: Cải tạo, chống quá tải lưới điện trung, hạ áp thị xã Từ Sơn và huyện Yên Phong.	2016	Công ty Điện lực Bắc Ninh	31

TT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)
3	Hợp đồng thi công xây dựng - Gói thầu số: NPC/ADB3/MV/LV-W6.1ĐB - Xây lắp đường dây trung, hạ áp và trạm biến áp thuộc huyện Nậm Pồ - Dự án: Mở rộng và cải tạo lưới điện nông thôn vùng sâu, vùng xa tỉnh Điện Biên giai đoạn 3 – Sử dụng vốn dư	2016	Công ty Điện lực Điện Biên	36
4	Hợp đồng xây lắp - Gói thầu số 1: Xây lắp và thiết bị thuộc Công trình: Xây dựng các xuất tuyến 22kV, 35kV sau trạm biến áp 110kV Lục Nam	2016	Công ty Điện lực Bắc Giang	45
5	Hợp đồng - Gói thầu: Xây lắp + thiết bị thuộc công trình: Cải tạo lưới điện 10kV sau TBA TG 35/10kV Hòa Mạc lên vận hành cấp điện áp 22kV.	2016	Công ty Điện lực Hà Nam	43
6	Hợp đồng - Gói thầu: Lập TKBVTC, cung cấp VTTB và xây lắp - Dự án: Hạ ngầm lộ 472 và 474 E3.5 đoạn đi dọc đường Biên Hòa và đoạn đi qua trước trụ sở Tỉnh ủy, UBND tỉnh, khu vực thương mại dịch vụ bờ đông sông Đáy - TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	2016	Công ty Điện lực Hà Nam	42
7	Hợp đồng EPC - Gói thầu số 2: Tư vấn lập TKBVTC - TDT, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây lắp (EPC) thuộc Dự án: Xây dựng các xuất tuyến 22kV lộ 471, 473 sau TBA 110kV Đồng Văn 3; Xây dựng các xuất tuyến 22kV lộ 475, 477 sau TBA 110kV Đồng Văn 3; Xây dựng các xuất tuyến 35kV lộ 371, 373 sau TBA 110kV Đồng Văn 3; Xây dựng các xuất tuyến 35kV lộ 375, 377 sau TBA 110kV Đồng Văn 3.	2018	Công ty Điện lực Hà Nam	39
8	Hợp đồng - Gói thầu KFW-HNPC-TAYHN-W01: Xây dựng và lắp đặt - Tiêu dự án: Cải tạo lưới điện khu vực Tây Hà Nội - giai đoạn 2, Dự án Hiệu quả năng lượng tại khu vực thành thị vay vốn Chính phủ Đức (Lô 06: KFW-HNPC-TAYHN-W01-L06: Xây dựng và lắp đặt huyện Quốc Oai; Lô 07: KFW-HNPC-TAYHN-W01-L07: Xây dựng và lắp đặt huyện Thạch Thất)	2018	Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội	84

TT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)
9	Hợp đồng gói thầu Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị thuộc Dự án: Cấp điện lưới quốc gia cho đảo Rều, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	2018	Công ty Điện lực Quảng Ninh	11
10	Hợp đồng gói thầu NPC-KFW3-TH-W01: Xây lắp lưới điện trung hạ áp tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa – Tiêu dự án: Nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	2020	Công ty Điện lực Thanh Hóa	46
11	Hợp đồng gói thầu xây lắp thi công xây dựng và cung cấp vật tư, lắp đặt thiết bị hệ thống điện động lực giai đoạn II dự án Hạ tầng kỹ thuật chung - Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung Làng Văn Hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam	2020	Ban đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung	27
12	Hợp đồng gói thầu 01: Xây lắp và cung cấp VTTB 05 công trình chống quá tải năm 2021	2021	Công ty Điện lực Hà Nam	40
13	Hợp đồng gói thầu TC.01.21: cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình, Nâng cao năng lực truyền tải đường dây 110kV TBA 220kV Việt Trì – TBA 110kV Bắc Việt Trì – TBA 110kV Thụy Vân, Tỉnh Phú Thọ	2022	Công ty Điện lực Phú Thọ	34,68
14	Hợp đồng Gói thầu số 06 Thi công đường dây 110kV Đông Văn – Lý Nhân	2022	Ban Quản lý dự án lưới điện	89,5
15	Hợp đồng Gói thầu 07: Xây lắp đường dây, trạm biến áp 110kV và các xuất tuyến trung thế	2022	Công ty Điện lực Hà Nam	45,96
16	Hợp đồng Gói thầu TH.G06: Xây lắp đường dây 110kV thuộc Dự án Đường dây và TBA 110KV Thái Hưng, tỉnh Thái Bình	2022	Ban Quản lý dự án Xây dựng điện miền Bắc	56,77
17	Cải tạo đường dây 220kV NĐ Phả Lại – Bắc Giang 1 mạch thành 2 mạch	2023	Ban Quản lý dự án truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia	79,70
18	Đường dây 110kV Long Xuyên 2 – An Châu – Cái Dầu.	2023	Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	131,10

TT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)
19	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	2023	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam	50,5
20	Xây dựng mới, cải tạo đường dây trung thế liên kết mạch vòng lộ 473 trạm 110 kV Bá Thiện và 477 trạm 110kV Thiện Kế - Khu vực huyện Bình Xuyên	2023	Công ty điện lực Vĩnh Phúc-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	10,1
21	Cải tạo lộ 971 TG Nga Liên lên vận hành 22kV (Xóa TG Nga Liên), tỉnh Thanh Hóa	2023	Công ty điện lực Thanh Hoá - chi nhánh tổng công ty điện lực Miền Bắc	10,1
22	Cải tạo đường dây 110kV Nam Ninh – Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	2023	Ban quản lý dự án phát triển điện lực	33,3
23	Xây dựng ĐZ và TBA khu vực huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên bổ sung năm 2023	2023	Công ty điện lực Hưng Yên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	10,1
24	Đường dây 110kV từ trạm 220kV Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (mạch 2)	2023	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam	64,6
25	Gói KFW-HNPC-DA-W01: Xây lắp Tiểu dự án Cải tạo lưới điện Hà Nội giai đoạn 3 - Huyện Đông Anh	2023	Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội-Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	278
26	Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV từ trạm biến áp 110kV Vân Đình đi trạm biến áp 110kV Tía	2023	Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội-Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	87,8
27	Công trình: Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nối	2024	Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (NPMB)	81,3

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Bảng 12. Các hợp đồng cung cấp sản phẩm cột, cọc bê tông dự ứng lực lớn đã thực hiện

STT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên khách hàng	Giá trị hợp đồng (Tỷ Đồng)
<i>Các hợp đồng cung cấp cột điện bê tông ly tâm</i>				
1	Hợp đồng – Gói thầu số 11/2018-VT-ĐTXD: “Mua sắm cột điện”	2018	Công ty Điện lực Phú Xuyên	10
2	Hợp đồng– Gói thầu số 10/2019-VT-ĐTXD: “Mua sắm cột điện”	2019	Công ty Điện lực Phú Xuyên	9
3	Hợp đồng Gói thầu số 07/19MS.ĐTXD: Mua vật tư thiết bị phục vụ 03 công trình ĐTXD bổ sung năm 2019	2019	Công ty Điện lực Mê Linh	10
4	Hợp đồng – Gói thầu MSVTTB 02/2021 mua cột bê tông phục vụ đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn năm 2021	2021	Công ty Điện lực Thường Tín	8
5	Hợp đồng – Gói thầu số 4-21.MS-PCCM “Cung cấp vật tư lắp đặt các dự án ĐTXD đợt 1 năm 2021”	2021	Công ty Điện lực Chương Mỹ	2
6	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2022	Công ty TNHH Vật liệu điện và Xây lắp Thanh Xuân	5,12
7	Hợp đồng mua bán cột điện để thi công công trình: Gói thầu NPC-JICA-HN-W02: Xây dựng các lộ đường dây của huyện Duy Tiên và thành phố Phủ Lý, Hà Nam	2022	Công ty CP Đầu tư PT Xây dựng Hà Thành	9,85
8	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông ly tâm	2022	Công ty Cổ phần Xây lắp công trình 478	6,8
9	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực	2022	CTCP Ứng dụng và Phát triển Công nghệ thông tin	3,8
10	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2023	CTCP Đầu tư phát triển xây dựng Hà Thành	1,69
11	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2023	Công ty CP Thành Hưng	1,1
12	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2023	Công ty TNHH vật liệu điện và xây lắp Thanh Xuân	1,1

STT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên khách hàng	Giá trị hợp đồng (Tỷ Đồng)
13	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2023	Công ty TNHH vật liệu điện và xây lắp Thanh Xuân	1,3
14	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2023	Công ty CP TM và xây lắp Hà Đông	1,3
15	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2023	Công ty điện lực Chương Mỹ	3,4
16	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2024	Công ty CP tư vấn miền bắc - MIBACO	1,5
17	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2024	Công ty CP tư vấn miền bắc - MIBACO	1,9
18	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2024	Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại Tân Việt	5,3
19	Hợp đồng mua bán cột điện bê tông dự ứng lực	2024	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và XLĐ Thiên Trường	1,4
Các hợp đồng cung cấp cọc bê tông ly tâm				
1	Các Hợp đồng cung cấp cọc PHC D300A, D350A, D400A	2021	Công ty CP Cấu kiện bê tông Nam Hồng	7
2	Các Hợp đồng cung cấp cọc PHC D300A, PCD350A	2021	Công ty CP Amacciao	3
3	Các Hợp đồng cung cấp cọc PHC D300A, D350A	2021	Công ty TNHH Nền móng Bê tông Hùng Dũng	4
4	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	2022	Công ty TNHH May mặc TMDV Hoàng Anh	4,4
5	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	2023	Công ty TNHH Hùng Dũng	1,6

STT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên khách hàng	Giá trị hợp đồng (Tỷ Đồng)
6	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	CTCP Xây dựng và xử lý nền móng Thành Đông	1,44
7	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	CTCP Xây dựng và Đầu tư Trường Phát	3,5
8	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	Công ty cổ phần CDI	3,4
9	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	Công ty TNHH Hùng Dũng	2
10	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	Công ty cổ phần đầu tư Nam Việt Hà Nội	21,8
11	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	Công ty cổ phần bê tông & nền móng Phước Thịnh	2,3
12	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	Công ty cổ phần bê tông & nền móng Phước Thịnh	3
13	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	Công ty cổ phần bê tông & nền móng Phước Thịnh	4,8
14	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	Công ty cổ phần xây dựng và xử lý nền móng Thành Đông	3,5
15	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Trường Phát	3,5
16	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2023	Công ty TNHH xây dựng và xử lý nền móng Việt Hùng	7,5
17	Hợp đồng mua bán cọc bê tông ly tâm dự ứng lực	2024	Công ty cổ phần Vinael	4,7
18	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	2024	Công ty cổ phần Vina SLC	3

STT	Hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tên khách hàng	Giá trị hợp đồng (Tỷ Đồng)
19	Hợp đồng mua bán cọc bê tông dự ứng lực	2024	Công ty cổ phần kết cấu bê tông Châu Âu Nam	1,5

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

9.1.12. Hoạt động Marketing

Trường Sơn có định hướng xuyên suốt trở thành một trong những nhà sản xuất – xây dựng hàng đầu Việt Nam. Trong lĩnh vực cốt lõi là xây lắp điện, Công ty luôn định hướng xây dựng hình ảnh và uy tín của mình trên mọi mặt chất lượng, tiến độ, giá thành và thẩm mỹ công nghiệp. Các công trình được thực hiện đảm bảo chất lượng với công nghệ kỹ thuật cao, không những hoàn thành kế hoạch mà còn bàn giao sớm hơn kế hoạch, giá thành đúng với chất lượng, và có tính thẩm mỹ. Hình ảnh uy tín của Công ty chính là hình ảnh marketing tốt nhất.

Để xây dựng hình ảnh đẹp đối với khách hàng, chủ đầu tư, Phòng Xây dựng và đấu thầu đã xây dựng bản Hồ sơ năng lực nhằm mô tả đầy đủ, chính xác về khả năng tài chính cũng như năng lực thi công của Trường Sơn. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty cũng đang triển khai tổ chức phòng Quan hệ công chúng nhằm mục đích tối ưu hóa được khả năng tương tác giữa khách hàng, nhà cung cấp, cổ đông với Công ty.

Về sứ mệnh, Trường Sơn luôn mong muốn Tạo ra những sản phẩm, giải pháp đầu tư xây dựng chất lượng nhất, đáp ứng sự kỳ vọng của khách hàng. Xây dựng môi trường làm việc công bằng, văn minh, mang lại lợi ích tối đa cho người lao động. Bảo vệ môi trường, không ngừng tạo nên những giá trị bền vững, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế nước nhà.

9.1.13. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Trải qua quá trình hoạt động, Công ty đã để lại uy tín với các đối tác trong và ngoài nước với sự phát triển đột phá về sản phẩm, đa dạng hóa về các sản phẩm vệ tinh, nghiên cứu và phát triển các dịch vụ gia tăng, sự kiên định trong việc quản trị công ty và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Điều đó được thể hiện bằng sự tin tưởng của khách hàng, chủ đầu tư với sự hiện diện sản phẩm của Công ty ở rất nhiều hạng mục công trình quan trọng. Những thành quả đó đã tạo niềm tin vững chắc đối với chủ đầu tư, nhờ đó ngày càng củng cố tên tuổi cũng như vị thế của Công ty trong ngành và trong nền kinh tế quốc dân. Hiện nay nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn là một thương hiệu mạnh trong ngành xây lắp điện cũng như cung cấp sản phẩm bê tông dự ứng lực.

Hình 11. Hình ảnh biểu tượng Logo của Công ty

Logo Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu từ ngày 31/07/2020



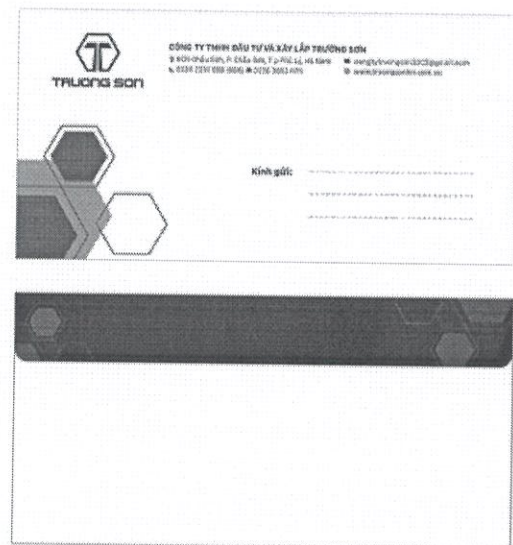
Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và ban hành hệ thống nhận diện thương hiệu để quản trị thương hiệu đồng thời xây dựng tính cách thương hiệu trong tâm trí khách hàng thông qua các hoạt động truyền thông, truyền tải hình ảnh và phương châm kinh doanh của thương hiệu Trường Sơn tới công chúng.

Hình 12. Hệ thống nhận diện thương hiệu của Trường Sơn

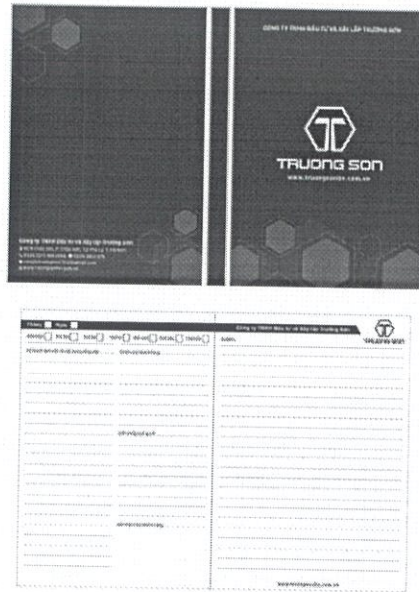
*Thẻ
viên
dụng
nội
công*



*nhân
sử
trong
bộ
ty*



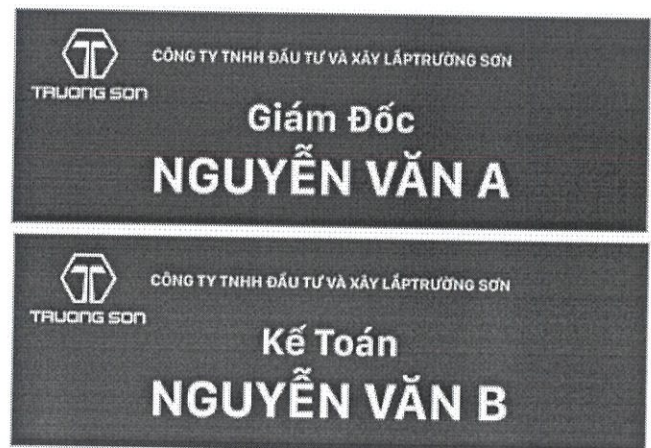
Phong bì thư sử dụng để gửi văn bản, tài liệu



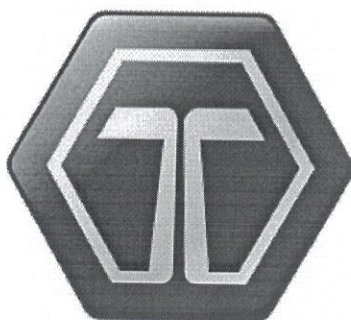
Bìa và mặt trong của sổ tay sử dụng nội bộ và làm quà tặng cho khách hàng



Bảng tên Công ty sử dụng ở cửa văn phòng



Biển chức danh



Phù hiệu đeo ngực



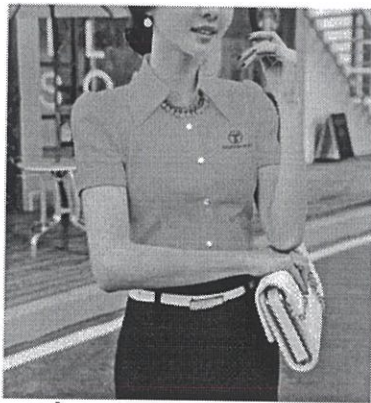
Banner phục vụ các chiến dịch quảng cáo



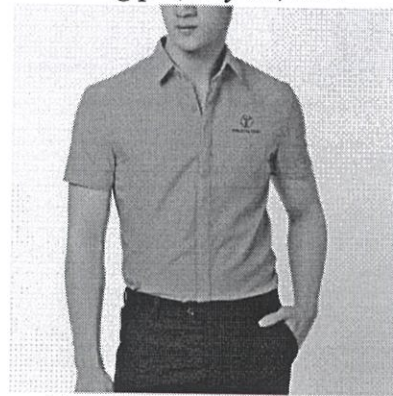
Áo phong sử dụng trong các hoạt động nội bộ của Công ty



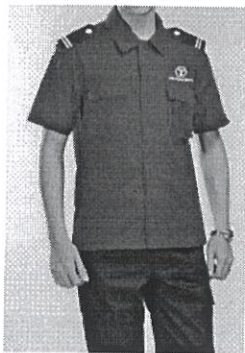
Đồng phục kỹ sư, KTV



Đồng phục văn phòng nữ



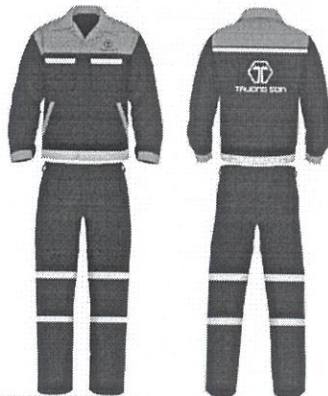
Đồng phục văn phòng nam



Đồng phục bảo vệ



Đồng phục lễ tân



Trang phục bảo hộ



Mũ bảo hộ

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

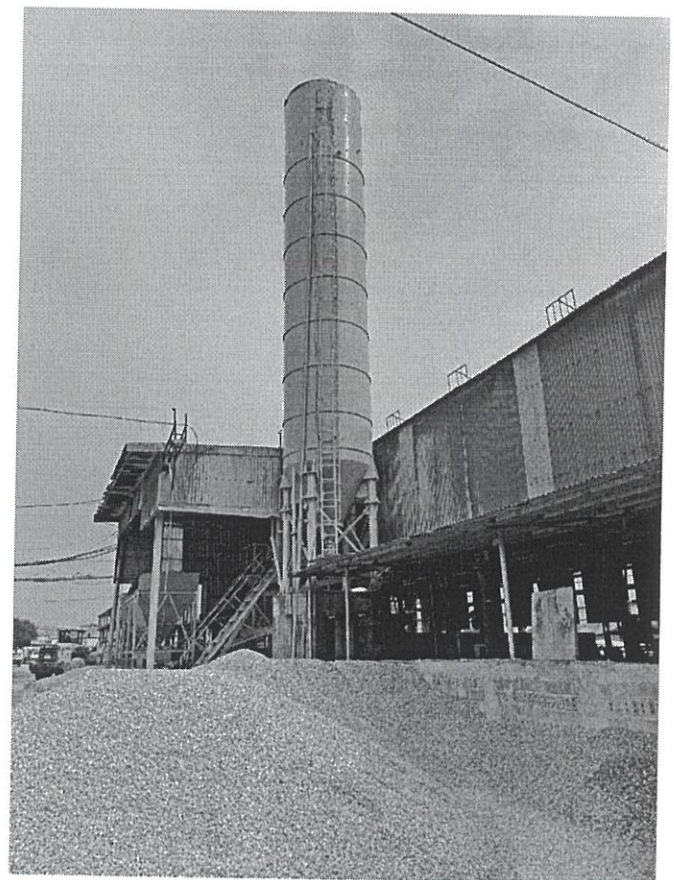
9.1.14. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trên cơ sở tích cực đầu tư nâng cao năng lực thiết bị máy móc sản xuất và nhân lực, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, quản lý, Công ty định hướng chú trọng vào nghiên cứu và phát triển năng lực thi công, luôn cập nhật và áp dụng những tiến bộ xây dựng vào các hoạt động thi công, xây lắp công trình điện. Đồng thời, tích cực nâng cao năng lực sản xuất và phát triển dòng sản phẩm bê tông dự ứng lực.

Với định hướng đó, Công ty đã phát triển thêm nhiều sản phẩm mới mang tính đột phá để nâng cao lợi thế cạnh tranh của mình và cũng phù hợp với xu thế chung của thị trường. Các sản phẩm mới đều được khách hàng, chủ đầu tư đánh giá cao.

Ngoài ra, trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ tập trung nghiên cứu, thử nghiệm các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa hệ sinh thái sản phẩm và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng trong ngành xây dựng.

Hình 13. Một số máy móc hiện đại đang được Công ty áp dụng vào hoạt động sản xuất





(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

10. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2023 và trong kỳ gần nhất

Bảng 13. Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2022 – 2023 và Quý I 2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% (+/-) so với 2023	Quý I/2024
Tổng giá trị tài sản	561.201.111.506	585.221.629.315	4,28%	598.683.590.011
Vốn chủ sở hữu	362.951.380.756	372.862.341.784	2,73%	374.718.002.979
Doanh thu thuần	469.620.254.211	369.214.890.229	-21,38%	69.771.831.303
Lợi nhuận từ HĐKD	4.254.122.779	13.086.728.067	207,62%	2.384.876.124
Lợi nhuận khác	4.870.526	(71.522.337)	-	(1.503.000)
Lợi nhuận trước thuế	4.258.993.305	13.015.205.730	205,59%	2.383.373.124
Lợi nhuận sau thuế	3.110.518.576	10.018.961.028	222,10%	1.882.661.195
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên VCSH bình quân	0,86%	2,72%	216,65%	0,50%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức*	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

Năm 2023 là năm khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành xây lắp, sản xuất nói riêng. BLĐ đã có nhận định và đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm. Theo đó, BLĐ đã quản trị chặt chẽ các nguồn chi phí như:

- (i) Sử dụng vật tư và nhiên liệu tiết kiệm và áp dụng biện pháp thi công hiện đại để tiết giảm thời gian thi công, chi phí nhân công. Trong năm 2023, phí nhân công trực tiếp của công ty đã giảm từ 35,52 tỷ đồng xuống còn 22,7 tỷ đồng (tương ứng giảm 35,90% chi phí nhân công). Điều này đã giúp cho tỷ trọng giá vốn trên Doanh thu thuần được giảm đáng kể. Cụ thể, mặc dù Doanh thu thuần giảm 21,38% nhưng tỷ trọng giá vốn trên Doanh thu thuần của các năm 2022 và 2023 lần lượt là 90,59% và 88,28%. Điều này khiến cho biên lợi nhuận gộp của Công ty gia tăng.

- (ii) Tinh giảm nhân sự thuộc khối văn phòng và tiết giảm chi phí bán hàng. Do doanh thu sụt giảm trong năm 2023 nên Công ty đã chủ động tiết giảm các chi phí marketing, quảng cáo và áp dụng phương pháp quản trị hiện đại để tinh giảm nhân sự tại khối văn phòng giúp cho chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm lần lượt 3,66 tỷ và 6,03 tỷ so với năm 2022. Điều này cũng giúp cho tỷ trọng của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2023 chỉ chiếm lần lượt 2,20% và 3,54% so với Doanh thu thuần thay vì 2,51% và 4,06% như trong năm 2022.

Việc tiết giảm được chi phí, cải thiện chỉ số chi phí trên Doanh thu thuần đã giúp Công ty gia tăng được biên lợi nhuận mặc dù doanh thu sụt giảm.

Ngoài ra, Công ty được hưởng chính sách thuế ưu đãi 30% tiền thuê đất có hiệu lực từ ngày 04/12/2023 đã giúp công ty tiết giảm được 225,28 triệu đồng chi phí.

Quý I năm 2024, Công ty ghi nhận doanh thu và lợi nhuận đột biến so với cùng kỳ, cụ thể Doanh thu thuần mảng xây lắp tăng trưởng 401,13% so với cùng kỳ, Doanh thu thuần mảng sản xuất tăng 681,79% so với cùng kỳ. Việc tăng trưởng mạnh do trong Quý I năm 2023 bị ảnh hưởng của suy thoái chung của nền kinh tế dẫn tới doanh thu của Công ty thấp. Tới Quý I năm 2024, cùng với sự phục hồi của nền kinh tế cũng như Chính phủ chỉ đạo quyết liệt về việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư hệ thống truyền tải điện, Công ty đã đẩy nhanh tiến độ nhiều công trình đã trúng thầu và hoàn thành trong Quý I năm 2024 dẫn tới doanh thu xây lắp tăng mạnh. Việc đẩy mạnh đầu tư công cùng nền kinh tế phục hồi cũng làm tăng nhu cầu về các sản phẩm cọc, cột bê tông khiến cho sản lượng bán hàng của Công ty tăng mạnh.

10.1. Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký giao dịch

10.1.1. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thi công, xây lắp công trình điện

➤ Nhân tố thuận lợi

Ngoài việc xây dựng nguồn điện như các nhà máy điện thì các hệ thống truyền tải điện gồm trạm biến áp và các mạng lưới đường dây cũng là một phần rất quan trọng trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia. Với nhu cầu về điện năng ngày càng tăng, Chính phủ đã phải đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào hệ thống trạm biến áp và đường dây truyền tải điện trong những năm qua và đặc biệt trong tương lai. Theo Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030, khối lượng lưới điện truyền tải xây dựng theo từng giai đoạn như sau:

Bảng 14. Khối lượng lưới điện truyền tải xây dựng

Hạng mục	Đơn vị	2016 – 2020	2021 – 2025	2026 – 2030
Trạm 500 kV	MVA	26.700	26.400	23.550
Trạm 220 kV	MVA	34.966	33.888	32.750
Đường dây 500 kV	km	2.746	3.592	3.714
Đường dây 220 kV	km	7.488	4.076	3.435

Việc phát triển các lưới điện truyền tải đồng bộ là một thuận lợi cho sự phát triển của Trường Sơn trong lĩnh vực xây lắp điện.

Ngoài ra, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 còn gọi là Quy hoạch điện VIII được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023. Theo đó, Với mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, quy hoạch điện VIII nhằm đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu điện, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng khoảng 7%/năm giai đoạn 2021-2030, khoảng 6,5 - 7,5%/năm trong giai đoạn 2031-2050. Việc Quy hoạch điện VIII đi vào thực tiễn sẽ là động lực không nhỏ thúc đẩy các doanh nghiệp có năng lực xây lắp điện tốt như Trường Sơn tiếp tục phát triển.

➤ **Nhân tố khó khăn**

Điều kiện thi công và điều kiện thời tiết luôn là khó khăn mà Trường Sơn luôn phải đối mặt trong các hoạt động xây lắp. Như đã phân tích trong phần rủi ro, các hoạt động xây lắp điện chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại nhiều khu vực có địa hình phức tạp, do đó, điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và mức độ an toàn trong sản xuất kinh doanh của lĩnh vực này. Đây là khó khăn mà tất cả các công ty thuộc ngành xây lắp điện đều phải đối mặt.

Đối với hoạt động xây lắp nói riêng, ngành điện nói chung, yếu tố khoa học công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện hiệu quả sản xuất và tương thích với những tiến bộ kỹ thuật ngày càng cao cả trong và ngoài nước. Do đó, mỗi một thay đổi hoặc tiến bộ về mặt công nghệ sẽ làm cho năng lực sản xuất hiện có trở nên lỗi thời, đòi hỏi Công ty phải đầu tư mới thiết bị máy móc, nâng cao năng lực nhân sự vận hành.

10.1.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cọc, cột bê tông

➤ **Nhân tố thuận lợi**

Với vị thế là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp, thi công các công trình điện nên Công ty đã có sẵn tệp khách hàng trong việc cung cấp cọc bê tông cho các chủ đầu tư lớn đã có quan hệ lâu năm. Từ lợi thế về kinh nghiệm và năng lực sản xuất, Công ty nhận thấy rằng việc sản xuất sẽ mang lại nguồn doanh thu lớn và ổn định trong nhiều năm tới.

Nhu cầu xây dựng dân dụng trong thời gian tới vẫn ở mức cao khi tốc độ đô thị hoá ở Việt Nam là khá nhanh, đạt 2,87%, tương đối nhanh trong khu vực. Trong 10 năm tới, The World Bank dự báo dân số đô thị Việt Nam dự phóng tăng trưởng trung bình 2,6%/năm, đứng thứ ba trong các quốc gia ASEAN. Tới năm 2039, sẽ có trên 50% dân số Việt Nam sống tại các đô thị và lên tới 57,3% trong năm 2050. Theo cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số thành thị là hơn 33,1 triệu người, chiếm khoảng hơn 34% tổng dân số cả nước, một tỷ lệ khá thấp trong khu vực, cho thấy dư địa phát triển lớn của các đô thị tại Việt Nam. Bộ Xây dựng đặt mục tiêu đạt tỷ lệ đô thị hoá từ 41.5 – 42% trong năm 2022. Xu hướng đô thị hóa thúc đẩy nhu cầu nhà ở, công trình thương mại, công cộng và cơ sở hạ tầng đô thị.

Đồng thời, giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2023 được dự báo sẽ tăng trưởng 20-25% so với cùng kỳ. Các chuyên gia đều đánh giá cao phát triển cơ sở hạ tầng trong năm tới khi các vấn đề về thiếu hụt nguồn cung đá, cát và giá vật liệu xây dựng cao hầu như đã được giải quyết. Các dự án hạ tầng giao

thông đáng chú ý trong thời gian tới là cao tốc Bắc Nam (CTBN) phía Đông – giai đoạn 2, sân bay quốc tế Long Thành, đường vành đai 4 (Hà Nội) và đường vành đai 3 (TP.HCM).

Vì vậy, sản phẩm cọc bê tông ly tâm của Công ty sẽ luôn có chỗ đứng vững mạnh trên thị trường.

➤ **Nhân tố khó khăn**

Tuy nhiên, thị trường bất động sản có xu hướng đóng băng thời gian gần đây có thể gây ảnh hưởng tới lực cầu các sản phẩm liên quan đến bê tông. Các nhà sản xuất vật liệu xây dựng Việt Nam đang phải đối mặt với hàng loạt khó khăn như nhu cầu xây dựng toàn cầu giảm, giá nguyên liệu đầu vào tăng cao và dư thừa nguồn cung đáng kể kể từ Q3/22. Triển vọng trong năm 2024 cũng bị đè nặng bởi sự âm thầm của thị trường bất động sản dân cư. Mặc dù vậy, Công ty đánh giá rằng ngành sẽ được cải thiện vào năm 2024 bao gồm (1) giá nguyên liệu đầu vào giảm (than cốc, dầu, thép phế) và (2) việc Trung Quốc mở cửa trở lại và đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng sẽ thúc đẩy nhu cầu về hạ tầng xây dựng toàn cầu phục hồi.

11. Vị thế của công ty trong ngành

- Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty đã trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, hiện nay đã khẳng định được vị thế của mình trong tất cả các lĩnh vực hoạt động mà Công ty tham gia.

Trường Sơn có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp với nhiều dự án hạ tầng truyền tải điện và hàng trăm trạm biến áp ở các cấp điện áp 500kV, 220kV, 110kV do Công ty thực hiện. Hiện nay, Trường Sơn đang phát triển cả về quy mô sản lượng, doanh thu trong lĩnh vực xây lắp điện ở Việt Nam với doanh thu xây lắp điện trung bình hàng năm của Công ty là 215 tỷ đồng.

Công ty đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia và thực hiện các dự án xây lắp điện. Công ty đã thực hiện các gói thầu: Gói thầu Dự án Hiệu quả năng lượng vay vốn Chính phủ Đức, Gói thầu Dự án Đường dây 110kV Bá Thiện – Khai Quang; Gói thầu Dự án Đường dây 500kV Sông Hậu – Đức Hòa; Gói thầu Dự án cấp điện lưới Quốc gia cho Đảo Rều, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Gói thầu 03-XLYP3 và Gói thầu Xây lắp xuất tuyến 35, 22kV sau TBA Yên Phong 3,...

Đặc biệt, cuối năm 2023 và nửa đầu năm 2024, Trường Sơn đã trúng gói thầu xây lắp đường dây đoạn tuyến từ VT141 đến VT151 (bao gồm VT151) thuộc dự án: đường dây 500KV NMNĐ Nam Định I – Phố Nối. Gói thầu được Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo đặt mục tiêu hoàn thành vào tháng 06/2024. Việc trúng thầu gói xây dựng đường tải 500KV một lần nữa cho thấy năng lực và vị thế trong ngành xây lắp điện của Trường Sơn.

Không chỉ thành công trong lĩnh vực xây lắp điện, Trường Sơn đang là doanh nghiệp đi đầu về sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực và cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực. Đến tháng 7/2017 Trường Sơn đã hoàn thiện hai dây chuyền sản xuất cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực hiện đại và cho năng xuất, chất lượng hàng đầu miền Bắc. Đến tháng 2/2020 Công ty đã khánh thành nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực hiện đại bậc nhất Việt Nam.

Hai sản phẩm trên của Công ty đã được cấp Chứng chỉ chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 7888:2014, TCVN 5747-2016, TCCS 01-2014/BTTS, TCCS 02-2022/TS.

- Kinh nghiệm: Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý và thực hiện các dự án xây lắp. Từ thiết kế, thi công đến chuyển giao cho các đơn vị sử dụng trong toàn bộ quá trình thực hiện và kinh doanh, vận hành một dự án; cùng với hệ thống phương tiện thiết bị hiện đại; đội ngũ kiến trúc sư, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật lành nghề, giàu kinh nghiệm, vững vàng chuyên môn.

- Chất lượng dịch vụ: Công ty luôn được đối tác đánh giá cao trong chất lượng sản phẩm, dịch vụ cũng như việc đảm bảo tiến độ thi công.

- Quản lý: Đội ngũ cán bộ công nhân viên trong Công ty ngày càng được nâng cao về trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh công tác. Công ty có ban lãnh đạo có tầm nhìn, trình độ cao, năng động, nhạy bén trong công tác cùng với đội ngũ cán bộ, công nhân đã được đào tạo chuyên môn cao, có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Vị thế về thương hiệu

Thương hiệu Trường Sơn ngày càng được khẳng định với uy tín cao về chất lượng, tiến độ, an toàn lao động. Các công trình do Công ty thi công, xây lắp luôn nhận được sự đánh giá tích cực của các Chủ đầu tư và các khách hàng.

Vị thế về quy mô, năng lực tài chính

Tiềm lực kinh tế về tài chính của Công ty được đánh giá là tương đối lành mạnh so với Công ty khác trong cùng ngành. Trong số các doanh nghiệp tư nhân làm về xây lắp và sản xuất thiết bị điện hiện nay trên thị trường Việt Nam, Công ty được xem là một trong những thương hiệu mạnh, với tiềm lực tài chính vững chắc, ổn định và hiệu quả cao trong kinh doanh.

- Triển vọng phát triển của ngành

Theo báo cáo của VIRAC, trong 5 năm tới, triển vọng ngành điện năng vẫn tăng trưởng ở mức khoảng 8,5%/năm. Theo báo cáo cập nhật cân đối nguồn cung cầu điện giai đoạn 2021-2025 của EVN, sản lượng điện thiếu hụt có thể lên tới 27,7 tỷ kWh vào năm 2025. Tỷ lệ dự phòng công suất toàn quốc đến năm 2025 (không tính năng lượng tái tạo) chỉ khoảng 18%. Để khắc phục tình trạng thiếu hụt điện EVN cho biết điều kiện tiên quyết để đảm bảo cung cấp đủ điện trong giai đoạn 2021-2025, là phải đảm bảo tiến độ hoàn thành các dự án nguồn điện lớn, đặc biệt là Nhiệt điện Thái Bình 2 (năm 2022), cụm khí điện lò B - Ô Môn (năm 2023), cụm khí Cá Voi Xanh (năm 2024), Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 (năm 2025),...

Do đó, việc triển khai các dự án điện nêu trên được tiến hành xong về mặt thủ tục đầu tư, tiến độ giải phóng mặt bằng... và đi vào xây dựng, Công ty kì vọng doanh thu và lợi nhuận sẽ có sự tăng trưởng vượt bậc.

12. Chính sách đối với người lao động

12.1. Cơ cấu lao động

Chất lượng nguồn lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Trường Sơn, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ Nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động trong Công ty là 110 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 15. Cơ cấu lao động của Công ty

Đơn vị: người

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2023	Tỷ lệ (%)
I	Theo giới tính		
1	Nam	89	81
2	Nữ	21	19
II	Theo trình độ		
1	Trình độ đại học và trên đại học	28	26
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	15	14
3	Sơ cấp, trung cấp	0	0
4	Khác	67	40
III	Theo thời hạn		
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0
2	Hợp đồng dài hạn	110	100
3	Hợp đồng ngắn hạn	0	0
Tổng số			

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

12.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 6 ngày/tuần, 48h trong tuần, 8h một ngày;
- Nghỉ lễ, tết và nghỉ phép theo quy định của Nhà nước;
- Được cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc.

b) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Công ty có chính sách trả lương cố định và lương kinh doanh. Ngoài ra, Công ty còn có các quy định về lương tháng thứ 13 và Quy chế tiền thưởng cho các dịp lễ, tết;
- Lương ngoài giờ: Các quy định về làm việc ngoài giờ và đơn giá tiền lương ngoài giờ theo Luật Lao động hiện hành;
- Hàng năm Công ty thực hiện xem xét nâng lương theo Quy chế tiền lương;
- Chính sách phúc lợi;

- Công ty đảm bảo các chế độ BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành. Hàng năm, Công ty có chế độ khám sức khỏe toàn diện cho cán bộ nhân viên 1 lần;
- Hàng năm, Công đoàn Công ty có chính sách khen thưởng dịp lễ tết: chính sách khen thưởng Nhân viên có thành tích xuất sắc và các chế độ tham quan, nghỉ mát định kỳ;
- Các chế độ phúc lợi khác cho người lao động, theo quy định của pháp luật.
- Công ty luôn đảm bảo môi trường làm việc an toàn.

c) Chính sách đào tạo

Trường Sơn thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên Công ty dưới nhiều hình thức phong phú, bao gồm đào tạo nội bộ tại Công ty, liên kết đào tạo với các đơn vị khác, cử cán bộ và chi trả kinh phí tham dự các khóa đào tạo nghiệp vụ do các cơ quan quản lý nhà nước tổ chức và động viên khuyến khích 100% cán bộ nghiệp vụ tham dự các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

d) Mức lương bình quân

Trong năm 2023 mức lương bình quân của các CBNV Trường Sơn là 6.950.000 đồng/người/tháng.

Năm	2022	2023
Lương bình quân (đồng)	6.900.000	6.950.000

13. Chính sách cổ tức

Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi được ĐHCĐ thông qua. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia cổ tức.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả cổ tức phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ trong những năm gần đây như sau:

Năm	Cổ tức bằng tiền	Cổ tức bằng cổ phiếu	Tình trạng
2021	-	-	-
2022	-	-	-
2023	-	-	-

Hiện tại Công ty đang trong quá trình đầu tư mở rộng nên cần giữ lại dòng tiền để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó chưa thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông. Trong các năm tới, với kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch chi trả cổ tức hợp lý cho cổ đông.

14. Tình hình tài chính giai đoạn 2022-2023 và Quý I năm 2024

14.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Vốn điều lệ**

Tính tới thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng. Trong quá trình hoạt động Công ty đã thực hiện tăng vốn 07 lần kể từ thời điểm thành lập, trong đó có 1 lần kể từ thời điểm chuyển đổi thành CTCP (được trình bày chi tiết tại mục IV.6. Bản Công bố thông tin này). Công ty cam kết sử dụng vốn đúng mục đích đã được Hội đồng thành viên và ĐHCĐ thông qua trong từng đợt phát hành.

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với các quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi và bổ sung thông tư 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 15 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 07 năm

❖ **Thu nhập bình quân người lao động**

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2023 là 6.950.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối khá so với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn khoản nợ đến hạn. Mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định của Nhà nước và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Bảng 16. Các khoản thuế còn phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Thuế giá trị gia tăng	-	2.202.713.610	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.054.562.811	2.774.510.855	1.055.287.139
3	Thuế khác	-	-	89.352.780
Tổng cộng		1.054.562.811	4.977.224.465	1.144.639.919

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã tiến hành quyết toán và nộp toàn bộ số tiền thuế của năm 2023.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hiện tại Trường Sơn chưa trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 17. Chi tiết các khoản vay nợ của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	89.998.355.215	98.918.017.138	88.352.089.343
1	Vay cá nhân	-	-	-
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nam	27.713.999.646	53.418.863.255	52.868.518.877
3	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hà Nam	36.179.892.953	23.116.708.695	16.123.356.146
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Nam	19.400.525.432	15.969.817.616	14.604.977.294
5	Vay dài hạn tới hạn trả	6.703.937.184	6.412.627.572	4.755.237.026
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15.011.087.887	6.303.937.184	8.998.460.315
1	Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hà Nam	12.211.087.887	5.103.937.184	7.398.460.315

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nam	2.800.000.000	1.200.000.000	1.600.000.000
Tổng cộng		131.956.445.851	105.221.954.322	97.350.549.658

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

(1) Theo các hợp đồng vay với cán bộ công nhân viên công ty với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: Theo hợp đồng vay cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 03 tháng;
- Lãi suất vay: 0%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 0 đồng.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2024 là 0 đồng.

(2) Theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/3586897/HĐTD ngày 14 tháng 9 năm 2022, gia hạn bằng hợp đồng tín dụng 01/2023/3586897/HĐTD ngày 12 tháng 9 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng thường xuyên: 200.000.000.000 đồng;
- Hạn mức cho vay bảo lãnh thanh toán và phát hành L/C: Tối đa 70.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Các hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/3586897/HĐBĐ, 02/2019/3586897/HĐBĐ ngày 11/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (bên nhận thế chấp), hợp đồng thế chấp số 01/2020/3586897/HĐBĐ, 02/2020/3586897/HĐBĐ ngày 02/07/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam và tài sản thế chấp của bên thứ ba.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 53.418.863.255 đồng.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2024 là 52.868.518.877 đồng.

(3) Theo hợp đồng tín dụng số 31180.22.770.2145251.TD ngày 29 tháng 6 năm 2022, gia hạn bởi hợp đồng tín dụng số 151325.23.770.2145251.TD ngày 28 tháng 7 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng công trình, sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực;

- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;

- Phương thức bảo đảm: Hệ thống máy móc thiết bị theo hợp đồng kinh tế số 190419/HĐKT/TS-ĐP ngày 19/04/2019, 2204/2019/HĐKT/HKT ngày 22/04/2019, HDKT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019, HDKT/BNC&TS-768/2019 ngày 26/04/2019, YJT-JM2021-61 ngày 14/04/2021, 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021; hàng hóa và quyền đòi nợ theo hợp đồng số 56/2020/HĐTCXD-BDAĐL-KHVT ngày 17/04/2020, 279/21/DT/XL/TS-BG ngày 02/12/2021, 80/2021/HĐXL-PCHN ngày 17/12/2021, 28/2022 ngày 23/03/2022, 127/HĐ-BDALĐ-TS ngày 21/04/2020, 268/06/2020/HĐXD-PCTH ngày 08/06/2020, 237/20/DT/XL/TS-BG ngày 14/10/2020, 62/EVNHANOIDPBM/ADB-HNPC-CM-W01 ngày 28/09/2020, 43/2020/HĐ-EVN HANOI PMB ngày 14/08/2020, 64/2021/HĐXL-PCLS ngày 20/08/2021, 01/PCVP-XLKFW3.2-2021 ngày 24/09/2021, 136.211/NPTPMB-TSAIT ngày 01/10/2021, 320/2021/HĐTCXD-BDAĐL-KHVT ngày 14/12/2021, 189.211/NPTPMB-TS-AI ngày 28/12/2021.

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 23.116.708.695 đồng.

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2024 là 16.123.356.146 đồng.

(4) Theo hợp đồng tín dụng số 331/22/HĐCTD/NQ71 ngày 29 tháng 9 năm 2022, gia hạn bởi hợp đồng tín dụng số 23/23/HĐCTD/HNA ngày 31 tháng 10 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;

- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;

- Phương thức bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 328/20/HĐTC/XJ50 ký ngày 09/09/2020 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ông Nguyễn Văn Trường và bà Hoàng Kim Huế; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 365/22/HĐTC/NQ71 ký ngày 26 tháng 09 năm 2022 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ông Nguyễn Văn Trường; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 198/234DTC/HNA ký ngày 31/10/2023;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 15.969.817.616 đồng.

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2024 là 14.604.977.294 đồng.

(5) Theo các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 21175.19.770.2145251.TD ngày 10 tháng 6 năm 2019 gồm các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: 66.560.846.660 đồng;

- Mục đích vay: Tài trợ trung dài hạn thanh toán chi phí đầu tư máy móc thiết bị phục vụ dự án

đầu tư mở rộng "Nhà máy sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực" tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;

- Thời hạn cho vay: Tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;

- Phương thức bảo đảm: Toàn bộ dây chuyền MMTB mới 100% thuộc dự án "Nhà máy sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực" tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; Hệ thống máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai theo hợp đồng số HDKT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hưng Phát Lạng Sơn và các phụ lục đính kèm; Bất động sản theo Giấy CN QSDĐ số CR160619 do Sở TN và MT tỉnh Hà Nam cấp ngày 15/03/2019 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 11.560.284.499 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 4.161.824.184 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 37664.21.770.2145251.TD ngày 07 tháng 7 năm 2021 gồm các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: 1.541.862.224 đồng;

- Mục đích vay: Tài trợ trung hạn thanh toán chi phí mua thiết bị khuôn cọc, bộ đồ gá theo Hợp đồng số YJT-JM2021-61 ngày 14/04/2021 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Yogiant International Limited;

- Thời hạn cho vay: Tối đa 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;

- Phương thức bảo đảm: Hệ thống máy móc thiết bị theo hợp đồng số 190419/HĐKT/TS-ĐP ngày 19/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong; Trạm trộn bê tông HKT90, công suất 90m³/h theo hợp đồng số 2204/2019/HĐKT/HKT ngày 22/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Cơ khí Thiết bị và Công nghệ HKT; Hệ thống dây chuyền sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực theo hợp đồng số HDKT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hưng Phát Lạng Sơn; Hệ thống lò hơi tầng sôi công suất 4 tấn/giờ theo hợp đồng số HDKT/BNC&TS-768/2019 ngày 26/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Dịch vụ Nồi hơi Bảo Ngọc;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 380.628.448 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 380.628.448 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 48488.21.770.2145251.TD ngày 07 tháng 9 năm 2021 gồm các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: 1.252.790.000 đồng;

- Mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí mua máy móc thiết bị theo hợp đồng số 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong;

- Thời hạn cho vay: Tối đa 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;

- Phương thức bảo đảm: Máy móc thiết bị là 01 máy hàn lồng thép cột điện và 01 máy cắt thép đồng bộ máy hàn lồng thép theo hợp đồng số 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 270.174.940 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 270.174.940 đồng

(6) Theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/3586897/HĐTD ngày 14 tháng 4 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: 8.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Cho vay đầu tư Dự án Điện mặt trời áp mái nhà xưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn;

- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất vay: Được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần vào ngày ngày đầu tiên của tháng 1 và tháng 7 hàng năm, lãi suất từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 là 8,4%/năm;

- Phương thức bảo đảm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/3586897/HĐBĐ ngày 30/06/2017, 02/2017/3586897/HĐBĐ ngày 30/06/2017 giữa ông Nguyễn Văn Trường và bà Hoàng Kim Huế và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/3586897/HĐBĐ ngày 11/06/2019, 02/2019/3586897/HĐBĐ ngày 19/06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ Dự án Điện mặt trời áp mái nhà xưởng số 01/2021/3586897/HĐBĐ ngày 13/04/2021;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 3.200.000.000 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 1.200.000.000 đồng.

❖ **Tình hình công nợ**

✓ **Các khoản phải thu**

Bảng 18. Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	Phải thu ngắn hạn	212.292.658.479	219.778.781.801	207.724.898.256
1	Phải thu ngắn hạn của khách	204.483.995.071	206.379.686.589	169.940.511.951

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
	hàng			
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.216.325.338	14.482.451.260	28.123.014.453
3	Phải thu ngắn hạn khác	3.161.328.550	60.272.100	10.805.000.000
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(568.990.480)	(1.143.628.148)	(1.143.628.148)
II	Phải thu dài hạn	10.170.974.558	9.770.974.558	9.770.974.558
1	Phải thu dài hạn khách hàng	10.170.974.558	9.770.974.558	9.770.974.558
	Tổng cộng	222.463.633.037	229.549.756.368	217.495.872.814

(Nguồn:)

Bảng 19. Chi tiết khoản phải thu khách hàng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	Phải thu khách hàng ngắn hạn	204.483.995.071	206.379.686.589	169.940.511.951
1	Công ty cổ phần Thái Bình Dương	27.466.122.442	17.466.122.442	14.466.122.442
2	Công ty Điện lực Hà Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	32.223.377.752	9.899.070.246	10.675.272.204
3	Công ty Cổ phần đầu tư Nam Việt Hà Nội	1.354.293.000	19.843.152.480	17.843.152.480
4	Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	4.916.393.582	20.903.865.342	5.553.865.342
5	Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam	-	400.000.000	300.000.000
6	Các khách hàng khác	138.523.808.295	137.867.476.079	121.102.099.483
II	Phải thu khách hàng dài hạn	10.170.974.558	9.770.974.558	9.770.974.558
1	Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam	10.170.974.558	9.770.974.558	9.770.974.558
	Tổng cộng	214.654.969.629	216.150.661.147	179.711.486.509

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

➤ **Nợ xấu**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 1.143.628.148 đồng. Chi tiết các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi tại 31/12/2023 như sau:

Bảng 20. Các khoản phải thu khó đòi của Công ty tại 31/12/2023

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đối tượng (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Trích lập
1	CTCP Đầu tư Đức Việt	492.288.510	246.244.255	246.044.255
2	CTCP Xây dựng SAS	838.949.825	419.474.912	419.474.913
3	CTCP Xây lắp ALPHA	243.387.999	121.693.500	121.694.499
4	Công ty cổ phần Tư vấn và Xây lắp K18	283.780.000	-	283.780.000
5	CTCP Đầu tư Phát triển Điện lực và Hạ tầng Đông Nam Á	-	-	-
6	Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Bình Minh	72.435.480	-	72.435.480
Tổng cộng		1.930.841.814	787.412.667	1.143.429.147

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

(*) Các đối tượng 4, 5, 6 Công ty đã tiến hành trích lập tại 31/12/2022.

Tại ngày 31/03/2024 chưa tới kỳ trích lập dự phòng các khoản phải thu, do đó tại ngày 31/03/2024 các khoản nợ xấu không có thay đổi. Hiện tại, Công ty vẫn tiếp tục sử dụng các biện pháp để thu hồi các khoản công nợ này.

✓ **Các khoản phải trả**

Bảng 21. Chi tiết các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	Tổng nợ ngắn hạn	183.238.642.863	203.360.827.216	214.967.126.717
1	Phải trả người bán ngắn hạn	74.310.233.847	53.583.564.019	40.805.496.946
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.676.102.689	45.625.994.429	84.445.472.135
3	Thuế và các khoản phải nộp	1.054.562.811	4.979.065.576	1.144.639.919

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
	NN			
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	240.418.658	-
5	Phải trả ngắn hạn khác	9.185.620.905	-	205.660.978
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	89.998.355.215	98.918.017.138	88.352.089.343
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.767.396	13.767.396	13.767.396
II	Tổng nợ dài hạn	15.011.087.887	8.998.460.315	8.998.460.315
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15.011.087.887	8.998.460.315	8.998.460.315
	Tổng cộng	198.249.730.750	212.359.287.531	223.965.587.032

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

Bảng 22. Các khoản phải trả người bán

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	Phải trả người bán ngắn hạn	74.310.233.847	53.583.564.019	40.805.496.946
1	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành	9.561.907.456	5.914.218.167	403.559.179
2	Công ty TNHH Duyên Hà	8.768.125.560	6.825.930.491	5.872.028.644
3	Công ty TNHH HBT Toàn Cầu	7.171.190.892	2.368.133.822	2.368.133.822
4	Công ty CP Đầu tư Xây lắp và thương mại Tân Việt	3.060.223.625	2.498.325.059	2.498.325.059
5	Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	5.740.846.100	3.004.491.700	2.560.343.800
6	Công ty TNHH xây lắp điện và dịch vụ thương mại Đức Thắm	-	1.849.070.563	2.113.192.619
7	Các khách hàng khác	48.809.009.939	38.475.281.539	24.989.913.823
II	Phải thu người bán dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	214.654.969.629	216.150.661.147	179.711.486.509

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

Bảng 23. Các khoản người mua trả tiền trước

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
I	Phải trả người bán ngắn hạn	8.676.102.689	45.625.994.429	84.445.472.135
1	Ban Quản lý dự án phát triển điện lực	1.910.710.133	-	5.810.564.862
1	Ban Quản lý dự án truyền tải điện – Chi nhánh Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia	1.276.711.296	7.396.132.544	8.415.426.711
2	Công ty Điện Lực Phú Thọ - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	4.524.108.249	-	-
3	Ban quản lý Dự án Lưới điện Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH	-	13.487.369.000	30.590.852.840
4	Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	-	21.692.492.885	21.692.492.885
5	Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (NPMB)	-	-	11.085.933.216
6	Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	-	-	2.249.511.408
7	Các khách hàng khác	964.573.011	3.050.000.000	4.600.690.213
II	Phải mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		8.676.102.689	45.625.994.429	84.445.472.135

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

14.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,77	1,87
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn)	Lần	1,26	1,42

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
<i>hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)</i>			
<u>Cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	35,33	36,29
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	54,62	56,95
<u>Năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Lần	0,83	0,64
Vòng quay vốn lưu động (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>)	Lần	1,35	1,01
Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Lần	3,62	3,40
<u>Khả năng sinh lời</u>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>)	%	0,66	2,71
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>)	%	0,55	1,75
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>)	%	0,86	2,72
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ cổ phần	86	283

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

15. Tài sản

- ✓ Tài sản cố định

Bảng 24. Giá trị TSCĐ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	Tài sản cố định hữu hình	290.199.199.465	157.171.725.046	54,16%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	124.386.679.816	67.156.483.619	53,99%
2	Máy móc thiết bị	120.054.223.917	70.267.578.792	58,53%

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
3	Phương tiện vận tải	44.791.996.005	19.562.958.751	43,68%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	966.299.727	184.703.884	19,11%
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
	Tổng cộng	290.199.199.465	157.171.725.046	54,16%

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán)

Bảng 25. Danh mục một số TSCĐ lớn của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật kiến trúc	119.057.926.206	68.497.133.603
-	Nhà điều hành sản xuất	4.325.857.310	2.335.962.998
-	Xưởng sản xuất dây truyền số 2	15.049.412.292	6.605.019.846
-	Mở rộng nhà điều hành sản xuất	1.161.820.839	828.765.543
-	San nền, công, tường rào, rãnh thoát nước, sân cột H	4.893.202.158	1.386.407.248
-	Cải tạo và mở rộng xưởng sản xuất 1	11.757.085.490	7.054.251.266
-	Cải tạo và mở rộng xưởng sản xuất 2	2.118.267.211	1.059.133.591
-	San nền, rãnh thoát nước, đường	5.123.783.097	4.298.284.699
-	Lò hơi	1.258.962.194	1.056.129.408
-	Nhà vệ sinh, nhà kỹ thuật, nhà bảo vệ	1.174.555.287	938.012.901
-	Trạm trộn	1.820.802.218	1.527.450.746
-	Xây dựng xưởng sản xuất cọc bê tông dự ứng lực	34.711.349.844	30.517.061.748
-	Cải tạo nhà nghỉ giữa ca thành nhà ăn	2.091.245.418	1.951.829.058
-	Cải tạo và sửa chữa xưởng cột	4.558.821.916	4.102.939.720
-	Xây dựng nhà 3 tầng	2.315.515.493	2.161.147.793

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
-	Nhà cửa, vật kiến trúc khác	26.697.245.439	2.674.737.038
2	Máy móc thiết bị	119.946.571.954	75.434.397.489
-	Hệ thống lò hơi tăng sôi công suất 4 tấn/giờ	5.136.190.000	4.308.692.719
-	Trạm trộn bê tông HKT 90, công suất 90m ³ /h	4.118.000.000	3.454.544.438
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6 Số 1	2.685.100.000	2.252.500.562
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6 Số 2	2.685.100.000	2.252.500.562
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6 Số 3	2.685.100.000	2.252.500.562
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6 Số 4	2.685.100.000	2.252.500.562
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (5+5T) model QE (5+5) T-19.55-12M-A6	2.450.000.000	2.055.277.781
-	Cầu trụ dầm đôi 2 palang (8+8T) model QE (5+5) T-23.55-12M-A6	2.854.000.000	2.394.188.876
-	Băng tải dọc chuyển khuôn tháo cọc a=2.4m	1.489.500.000	1.129.537.500
-	Băng tải xích cho nắp khuôn trên a=3*10.65m	1.320.800.000	1.001.606.657
-	Hệ thống chuyển cọc ra kho thành phẩm, D300mm-D600mm	1.573.700.000	1.320.159.438
-	Máy cắt và tán đầu tự động thép chủ, PC bar dia: ≤Ø14mm,..., Motor power: 2.2kw	3.372.400.000	2.829.068.876
-	Máy hàn lồng thép, Welding dia: Ø230-Ø530, PC bar dia: Ø7.1-Ø12.6mm, ..., Y112M-4KW	1.312.250.000	1.100.831.938
-	Máy hàn lồng thép, Welding dia: Ø230-Ø530, PC bar dia: Ø7.1-Ø12.6mm, ..., Y112M-4KW	1.312.250.000	1.100.831.938
-	Máy xúc lật/956F	1.159.090.909	808.948.853

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
-	Máy hàn lồng thép cột điện, chiều dài L max - 14m (tích hợp cả đầu hàn thép thường và thép dự ứng lực)	1.515.000.000	1.377.889.780
-	Máy hàn lồng thép cột điện, chiều dài L max - 12m (tích hợp cả đầu hàn thép thường và thép dự ứng lực)	1.563.000.000	1.532.608.334
-	Hệ thống dầm hút cọc	1.130.000.000	1.120.164.814
-	Máy móc thiết bị khác	78.899.991.045	40.890.043.299
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	45.099.418.386	22.963.006.795
-	Xe ô tô Mercedes-Benz C300	1.823.952.727	266.868.655
-	Xe ô tô tải (tự đổ) hiệu HOWO	1.198.527.273	179.963.184
-	Xe ô tô tải có mui FOTON có cầu thủy lực soosan	2.277.554.545	366.035.522
-	Ô tô con 7 chỗ hiệu Hyundai SantaFe DM6-W7L661G-2	1.037.731.818	349.098.734
-	Ô tô con hiệu Toyota Landcruiser VXR	4.896.000.000	1.780.534.577
-	Xe ô tô sát xi HYUNDAI HD210 gắn cầu Unic	1.975.436.363	761.954.003
-	Xe ô tô con 7 chỗ hiệu Hyundai Santafe màu trắng	1.301.218.182	666.099.769
-	Xây dựng ĐZ và TBA cấp điện cho nhà máy SX Cọc BTLT DUL Công ty CP đầu tư và xây lắp Trường Sơn	3.600.236.734	3.020.198.599
-	Dự án điện mặt trời mái nhà xưởng 1114 KWP	9.997.753.903	8.997.978.511
-	Dự án điện mặt trời mái nhà xưởng 1114 KWP	6.017.003.217	5.716.153.053
-	Phương tiện vận tải, truyền dẫn khác	10.974.003.624	858.122.188
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	966.299.727	265.552.288
-	Máy tính bàn (trọn bộ)	47.300.000	14.781.239

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
-	Máy photocopy Ricoh MP 7502	67.800.000	40.962.500
-	Thiết bị dụng cụ quản lý khác	851.199.727	209.808.549
	Tổng cộng	285.070.216.273	167.160.090.175

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp Trường Sơn)

✓ **Xây dựng cơ bản dở dang**

Bảng 26. Xây dựng cơ bản dở dang của Công ty

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
	Tài sản dở dang dài hạn			
1	Xây dựng Trung tâm Thương mại và Tổng hợp Trường Sơn	31.476.813.706	31.803.307.240	31.803.307.240
2	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m3/ngày/đêm thuộc dự án "Nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực"	-	545.032.723	545.032.723
	Tổng cộng	31.476.813.706	32.348.339.963	32.348.339.963

(Nguồn: BCTC năm 2023 của Công ty đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2024 của Công ty tự lập)

(i) Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và Tổng hợp Trường Sơn

- Chi tiết dự án đã nêu tại mục 9.1.4

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Dự án đang ở giai đoạn 2 thực hiện xây dựng đóng cọc bê tông móng, đạt 10% so với kế hoạch. Công trình được đề xuất gia hạn đưa vào sử dụng 24 tháng kể từ ngày có Quyết định gia hạn đưa đất vào sử dụng của UBND tỉnh Hà Nam theo tờ trình số 438/TTr-STN&MT ngày 20/10/2023 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam.

(ii) Hạng mục "Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m3/ngày/đêm thuộc dự án "Nhà máy sản xuất xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực"":

- Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa nhà máy sản xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực;

- Tên hạng mục: Xây dựng bể xử lý nước thải;

- Địa điểm: Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;

- Tổng vốn đầu tư hạng mục: 518.723.787 đồng;

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Hạng mục đã hoàn thành, tuy nhiên, Công an tỉnh chưa cấp giấy phép đấu nối với với trạm xử lý của Khu công nghiệp do bên phía Khu công nghiệp chưa hoàn thiện trạm xử lý nước thải chung. Sau khi được cấp giấy phép, dự án sẽ được đưa vào hoạt động

16. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 27. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	
		Năm 2023	Năm 2024	Tỉ lệ tăng/giảm so với 2023
1	Vốn điều lệ	350.000.000.000	385.000.000.000	10,00%
2	Doanh thu thuần	369.214.890.229	550.000.000.000	48,96%
3	Lợi nhuận sau thuế	10.018.961.028	25.550.000.000	155,02%
4	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,71%	4,65%	71,19%
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	0,89%	6,64%	131,83%
6	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	-	8%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 50/NQ-TSA ngày 26/04/2024)

Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

- Kế hoạch kinh doanh

Kế hoạch kinh doanh của Công ty được căn cứ vào dự toán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Tới cuối năm 2023, Công ty đã trúng thầu và ký kết 06 hợp đồng: Đường dây Long Xuyên – An Giang; Dự án cấp điện Cà Mau; Dự án cấp điện Bình Dương; Dự án cấp điện Đông Anh; Dự án Vân Đình - Tía với tổng giá trị lên tới gần 200 tỷ đồng (xấp xỉ giá trị Doanh thu xây lắp của cả năm 2023). Việc trúng thầu nhiều công trình cùng với việc triển vọng giải ngân vốn đầu tư công phục hồi, Doanh thu từ mảng sản xuất kỳ vọng cũng sẽ gia tăng từ 15-20%. Việc áp dụng quy trình quản lý hiện đại giúp đẩy nhanh tiến độ, tiết kiệm chi phí, biên lợi nhuận kỳ vọng sẽ gia tăng. Hiện tại, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty bằng 6,53% vốn chủ sở hữu

Trong Quý I/2024, Doanh thu thuần của Công ty đạt 69,77 tỷ (gấp 4,6 lần so với cùng kỳ), trong đó Doanh thu mảng xây lắp đạt 22,49 tỷ (gấp 7 lần so với cùng kỳ) và Doanh thu mảng sản xuất đạt 47,27 tỷ (gấp 4,7 lần so với cùng kỳ). Đến hết Quý I, Doanh thu của công ty đã đạt 12,68% so với kế hoạch. Với việc triển vọng kinh tế phục hồi và tiến độ giải ngân đầu tư công của Chính phủ, hiện tại đã có rất nhiều các đơn đặt hàng về sản phẩm cọc/cột bê tông của Trường Sơn, nhà máy của Công ty hiện đang chạy tối đa công suất, công nhân sản xuất 03 ca/ngày để đảm bảo nguồn cung cho các đơn đặt hàng. Đối với mảng xây lắp, Công ty đặt kế hoạch dựa trên các hợp đồng Công ty đã thương lượng, đã ký kết và có khả năng trúng thầu và dự kiến hoàn thành trong năm 2024 để ghi nhận doanh thu. Cũng phải lưu ý rằng, đặc thù của ngành xây lắp và sản xuất công nghiệp doanh thu thường được ghi nhận vào cuối năm.

Các ước tính trên được xây dựng trên quan điểm thận trọng và có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi. Nếu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã trình bày ở trên, Công ty sẽ đủ điều kiện để tiến hành chia cổ tức với tỷ lệ 8%.

- Kế hoạch tăng vốn

Để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh năm 2024, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 đã thông qua “Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng” tại nghị quyết số 06/NQ-TS ngày 05/04/2024 với một số nội dung cơ bản như sau:

- ✓ Số lượng cổ phiếu chào bán: 3.500.000 (*Ba triệu năm trăm nghìn cổ phiếu*);
- ✓ Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo hình thức thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu;
- ✓ Tỷ lệ chào bán trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10%;
- ✓ Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- ✓ Thời gian chào bán dự kiến: Quý III/2024;
- ✓ Số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán: 35.000.000.000 (*Ba mươi lăm tỷ đồng*);
- ✓ Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền vay ngân hàng (50%) và bổ sung vốn lưu động (50%)

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

18. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp luôn dẫn đầu trong lĩnh vực thi công, xây lắp công trình điện và sản xuất các sản phẩm bê tông dự ứng lực với đảm bảo tiêu chí: chuyên nghiệp, hiệu quả và bền vững. Mục tiêu trong 2 năm tới, Công ty sẽ mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất, phát triển thêm các sản phẩm mới và để đáp ứng thêm nhiều nhu cầu của khách hàng trong ngành xây lắp.

Trong đó:

- Thi công, xây lắp công trình điện và sản xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực là mục tiêu kinh doanh trọng tâm.
- Hoàn thiện dự án xây dựng trung tâm thương mại và khu du lịch sinh thái.
- Phát triển mở rộng các sản phẩm bê tông nhằm tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có.
- Mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư mở nhà máy sản xuất mới.
- Nghiên cứu tham gia vào lĩnh vực kinh doanh, mua bán điện tại các Khu công nghiệp.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính nhằm tăng lợi nhuận.

Bằng việc Đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UpCom, Công ty sẽ đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường giao dịch có tổ chức, Công ty sẽ huy động nguồn vốn trên thị trường chứng khoán từ các nhà đầu tư. Ngoài ra Công ty có lợi thế khi năng lực tài chính mạnh mẽ, hệ số tín nhiệm tại các ngân hàng uy tín cao. Do đó, Công ty luôn được các tổ chức tín dụng quan tâm và có những chính sách hỗ trợ, hợp

- CCCD số: 035084003994 Ngày cấp: 31/12/2021
Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Thị trấn Quế, Kim Bảng, Hà Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008	Công ty Cổ phần quốc tế Sơn Hà	Giám sát sản xuất
2008-2013	Công ty CP khoáng sản Fecon	Trưởng ca sản xuất
2013-2014	Công ty CP khoáng sản Fecon	Quản đốc
2014 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số CP nắm giữ tại Trường Sơn ngày 20/04/2023: 35.000 CP, chiếm 0,100% VDL
 - + Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL
 - + Cá nhân sở hữu: 35.000 CP, chiếm 0,100% VDL
- Thù lao và thu nhập nhận được: Theo quy chế lương, thưởng, phụ cấp của Công ty
- Lợi ích khác liên quan đối với Tổ chức đăng ký giao dịch: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

c) Bà Đặng Thị Chinh – Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Đặng Thị Chinh**
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 22/11/1982 Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: kinh
- CCCD số: 024182001190 Ngày cấp: 24/06/2021
Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Địa chỉ thường trú: Tổ Mễ Nội, Phường Liêm Chính, Thành Phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam.
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2007-10/2008	Công ty TNHH CNC Ninh Dương	Kế toán tổng hợp
07/2009-03/2018	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Kế toán viên
04/2018 đến nay	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số CP nắm giữ tại Trường Sơn ngày 20/04/2023: 35.000 CP, chiếm 0,100% VDL
 - + Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL
 - + Cá nhân sở hữu: 35.000 CP, chiếm 0,100% VDL
- Thù lao nhận được: Theo quy chế lương, thưởng, phụ cấp của Công ty
- Thu nhập: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với Tổ chức đăng ký giao dịch: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

4. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Bảng 28. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
I	Hội đồng quản trị				
1	Ông Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch HĐQT	7.000.000	20,00%	
1.1	Nguyễn Trọng Kính	Đã mất	-	-	Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Quyết	Không	-	-	Mẹ đẻ
1.3	Hoàng Xuân Dư	Không	-	-	Bố vợ

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
1.4	Nguyễn Thị Lệ	Không	-	-	Mẹ vợ
1.5	Nguyễn Thị Chuyên	Không	-	-	Em gái
1.6	Nguyễn Sỹ Tuấn	Không	-	-	Em rể
1.7	Nguyễn Xuân Chính	TV. HĐQT	700.000	2,00%	Em trai
1.8	Hoàng Thị Nhạn	Không	-	-	Em dâu
1.9	Nguyễn Thị Thúy	Không	-	-	Em gái
1.10	Đặng Văn Thuyết	TV. HĐQT	1.050.000	3,000%	Em rể
1.11	Hoàng Kim Huế	Không	3.500.000	10,000%	Vợ
1.12	Nguyễn Diệu Linh	Không	1.750.000	5,000%	Con gái
1.13	Nguyễn Quang Lâm	Không	-	-	Con trai
1.14	Nguyễn Quang Tâm	Không	-	-	Con trai
2	Ông Đoàn Văn Thành	Thành viên HĐQT kiêm TGD	40.000	0,114%	
2.1	Đoàn Xuân Hoa	Không	-	-	Bố đẻ
2.2	Nguyễn Thị Hợi	Không	-	-	Mẹ đẻ
2.3	Nguyễn Bá Thạo	Không	-	-	Bố vợ

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
2.4	Phạm Thị Oanh	Không	-	-	Mẹ vợ
2.5	Đoàn Thị Huệ	Không	-	-	Chị gái
2.6	Phạm Văn Tuấn	Không	-	-	Anh rể
2.7	Đoàn Thị Hằng	Không	-	-	Em gái
2.8	Phạm Văn Sinh	Không	-	-	Em rể
2.9	Đoàn Thị Thu	Không	-	-	Em gái
2.10	Đoàn Văn Khoa	Không	-	-	Em rể
1.11	Nguyễn Thị Nga	Không	-	-	Vợ
1.12	Đoàn Phúc Khang	Không	-	-	Con trai
3	Ông Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	1.050.000	3,000%	
3.1	Đặng Đình Tân	Không	-	-	Bố đẻ
3.2	Lương Thị Phối	Đã mất	-	-	Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Trọng Kính	Đã mất	-	-	Bố vợ
3.4	Nguyễn Thị Quyết	Không	-	-	Mẹ vợ
3.5	Đặng Thị Nhân	Không	-	-	Chị gái
3.6	Đặng Thị Nhiệm	Không	-	-	Chị gái

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
3.7	Đặng Văn Thuộc	Không	-	-	Anh trai
3.8	Đặng Thị Thương	Không	-	-	Chị gái
3.9	Đào Quang Vinh	Không	-	-	Anh rể
3.10	Nguyễn Tiến Đạt	Không	-	-	Anh rể
3.11	Hoàng Thị Khuê	Không	-	-	Chị dâu
3.12	Nguyễn Thị Thúy	Không	-	-	Vợ
3.13	Đặng Thúy Hằng	Không	-	-	Con gái
3.14	Đặng Thị Bích Ngọc	Không	-	-	Con gái
3.15	Đặng Hà Phương	Không	-	-	Con gái
4	Ông Nguyễn Xuân Chính	Thành viên HĐQT	700.000	2,000%	
4.1	Nguyễn Trọng Kính	Đã mất	-	-	Bố đẻ
4.2	Nguyễn Thị Quyết	Không	-	-	Mẹ đẻ
4.3	Hoàng Đình Đoán	Không	-	-	Bố vợ
4.4	Đình Thị Là	Không	-	-	Mẹ vợ
4.5	Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch. HĐQT	7.000.000	20,000%	Anh trai

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
4.6	Hoàng Kim Hué	Không	3.500.000	10,000%	Chị dâu
4.7	Nguyễn Thị Chuyên	Không	-	-	Chị gái
4.8	Nguyễn Sỹ Tuấn	Không	-	-	Anh rể
4.9	Nguyễn Thị Thúy	Không	-	-	Em gái
4.10	Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	1.050.000	3,00%	Em rể
4.11	Hoàng Thị Nhạn	Không	-	-	Vợ
4.12	Nguyễn Hoàng Gia Hải	Không	-	-	Con trai
4.13	Nguyễn Mộc Anh	Không	-	-	Con gái
5	Ông Đặng Trần Thành	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	
5.1	Đặng Trần Khoa	Đã mất	-	-	Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Tọ	Đã mất	-	-	Mẹ đẻ
5.3	Vũ Hồng Cư	Không	-	-	Bố Vợ
5.4	Nguyễn Thị Thom	Không	-	-	Mẹ Vợ
5.5	Đặng Thị Nguyệt	Không	-	-	Chị gái
5.6	Đặng Thị Hoa	Không	-	-	Chị gái

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
5.7	Đặng Trần Ngọc	Không	-	-	Anh trai
5.8	Đặng Trần Bích	Không	-	-	Anh trai
5.9	Đặng Trần Công	Không	-	-	Em trai
5.10	Nguyễn Thị Hà	Không	-	-	Chị dâu
5.11	Nguyễn Thị Huyền	Không	-	-	Em dâu
5.12	Vũ Hoàng Hiệp	Không	-	-	Anh rể
5.13	Vương Đình Vượng	Không	-	-	Anh rể
5.14	Vũ Thị Lan Hương	Không	-	-	Vợ
5.15	Đặng Trần An	Không	-	-	Con trai
5.16	Đặng Uyên Nhi	Không	-	-	Con gái
II	Ban kiểm soát				
1	Bà Chu Hải Yến	Trưởng BKS	6.000	0,017%	
1.1	Chu Văn Lãng	Không	-	-	Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Ngân	Không	-	-	Mẹ đẻ
1.3	Quản Văn Mưu	Đã mất	-	-	Bố chồng
1.4	Nguyễn Thị Đan	Không	-	-	Mẹ chồng



STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
1.5	Chu Thị Chi	Không	-	-	Em ruột
1.6	Chu Thị Thanh Chúc	Không	-	-	Em ruột
1.7	Trần Xuân Hiệp	Không	-	-	Em rể
1.8	Quản Văn Tâm	Không	-	-	Chồng
1.9	Quản Gia Huy	Không	-	-	Con
1.10	Quản An Bình	Không	-	-	Con
2	Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên BKS	578.750	1,654%	
2.1	Hoàng Văn Lượng	Đã mất	-	-	Bố đẻ
2.2	Hà Thị Hồng Gấm	Không	-	-	Mẹ đẻ
2.3	Nguyễn Thanh Tùng	Không	-	-	Bố chồng
2.4	Phạm Thi Băng	Không	-	-	Mẹ chồng
2.5	Hoàng Thị Quyên	Không	-	-	Em gái
2.6	Nguyễn Xuân Bách	Không			Chồng
2.7	Nguyễn Quang Huy	Không			Con trai
2.8	Nguyễn Quang Đăng	Không			Con trai

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
3	Ông Nguyễn Văn Thỏa	Thành viên BKS	903.950	2,583%	
3.1	Nguyễn Đức Thịnh	Không	-	-	Bố đẻ
3.2	Đỗ Thị Thúy	Không	-	-	Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Lâm	Đã mất	-	-	Bố vợ
3.4	Hoàng Thị Mùi	Không	-	-	Mẹ vợ
3.5	Nguyễn Thị Thoa	Không	-	-	Chị ruột
3.6	Phạm Văn Ninh	Không	-	-	Anh rể
3.7	Nguyễn Xuân Thương	Không	-	-	Anh ruột
3.8	Hoàng Thị Nhài	Không	-	-	Chị dâu
3.9	Nguyễn Thị Thanh	Không	-	-	Chị ruột
3.10	Nguyễn Mạnh Tuấn	Không	-	-	Anh rể
3.11	Nguyễn Thị Thoan	Không	-	-	Chị ruột
3.12	Nguyễn Minh Ký	Không	-	-	Anh rể
3.13	Nguyễn Thị Hoàn	Không	-	-	Vợ
3.14	Nguyễn Quỳnh Trang	Không	-	-	Con gái
3.15	Nguyễn Quốc Nam	Không	-	-	Con trai

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
III	Ban Tổng giám đốc				
1	Ông Đoàn Văn Thành	Thành viên HĐQT kiêm TGD	40.000	0,114%	
Đã nêu tại mục I.2					
2	Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc	35.000	0,100%	
2.1	Lê Đức Lợi	Không	-	-	Bố đẻ
2.2	Trần Thị Thanh	Không	-	-	Mẹ đẻ
2.3	Vũ Gia Hải	Không	-	-	Bố vợ
2.4	Trần Thị Bích	Không	-	-	Mẹ vợ
2.5	Lê Thị Thu Hiền	Không	-	-	Chị gái
2.6	Phạm Xuân Thăng	Không	-	-	Anh rể
2.7	Vũ Thị Hồng Huệ	Không	-	-	Vợ
2.8	Lê Vũ Nguyệt Minh	Không	-	-	Con gái
2.9	Lê Vũ Tuấn Quang	Không	-	-	Con trai
IV	Kế toán trưởng				
1	Bà Đặng Thị Chinh	Kế toán trưởng	35.000	0,100%	

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Trường Sơn	Số lượng CP sở hữu tại 20/04/2023	Tỷ lệ sở hữu tại 20/04/2023	Mối quan hệ với người nội bộ
1.1	Đặng Trần Hải	Không	-	-	Bố đẻ
1.2	Ninh Thị Chính	Không	-	-	Mẹ đẻ
1.3	Bùi Trọng Tinh	Không	-	-	Bố chồng
1.4	Nguyễn Thị Viên	Không	-	-	Mẹ chồng
1.5	Đặng Trần Nghĩa	Không	-	-	Em trai
1.6	Phạm Thị Bích	Không	-	-	Em dâu
1.7	Bùi Đức Trọng	Không	-	-	Chồng
1.8	Bùi Thanh Mai	Không	-	-	Con gái
1.9	Bùi Minh Đức	Không	-	-	Con trai

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn luôn tuân thủ Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành. Lãnh đạo Trường Sơn xác định quản trị công ty là yếu tố cốt lõi giúp Công ty hoạt động hiệu quả, minh bạch, là tiền đề quan trọng cho việc mở rộng doanh nghiệp trong tương lai và thu hút nhà đầu tư. Để tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp sau khi trở thành Tổ chức đăng ký giao dịch như sau, Công ty có một số kế hoạch như sau:

Công ty đã tiến hành họp ĐHCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 31/03/2023 nhằm thông qua chủ trương ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS mới, tham chiếu theo các mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Trường Sơn luôn cố gắng đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành đối với Tổ chức đăng ký giao dịch. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị của Trường Sơn.

Công ty luôn rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả, tăng cường trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện thường xuyên công tác đánh giá phân loại cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ theo yêu cầu đúng quy định.

Ngoài ra, Trường Sơn cũng sẽ chủ động minh bạch hóa thông tin đến cổ đông thông qua việc cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính và thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin khác trên website công ty và báo cáo thường niên.

6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2023 và Quý I năm 2024

Bảng 29. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Đơn vị: đồng

STT	Tên	Mối quan hệ với Trường Sơn	Tính chất giao dịch	Số phát sinh trong năm 2023(đồng)		Số dư 31/12/2023
				Vay	Trả nợ gốc vay	Phải thu/(Phải trả)
1	Nguyễn Thị Quyết	Người có liên quan của người nội bộ	Cho Công ty vay tiền	2.300.000.000	2.300.000.000	0
2	Nguyễn Duy Khánh	Người có liên quan của người nội bộ	Cho Công ty vay tiền	2.600.000.000	2.600.000.000	0
3	Hoàng Thị Kim Thoa	Người có liên quan của người nội bộ	Cho Công ty vay tiền	3.900.000.000	3.900.000.000	0
4	Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	Cho Công ty vay tiền	3.650.000.000	3.650.000.000	0

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn)

Các hợp đồng vay đối với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ công ty đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 03/01/2023. Các giao dịch này đều có giá trị nhỏ hơn 10% tổng tài sản của Công ty. Đến ngày 31/12/2023, Công ty đã thanh toán toàn bộ các khoản nợ với các cá nhân nêu trên.

Trong Quý I năm 2024, Công ty không phát sinh bất cứ giao dịch nào với Người có liên quan.

Hà Nam, ngày 03. tháng 06... năm 2024

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Văn Trường

03.06.2024